

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

MA THỊ MINH TRANG

**GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG THÔNG QUA
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO CHO
HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC TRƯỜNG
TIỂU HỌC HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

THÁI NGUYÊN - 2018

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

MA THỊ MINH TRANG

**GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG THÔNG QUA
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO CHO
HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC TRƯỜNG
TIỂU HỌC HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG**

Ngành: Giáo dục học

Mã ngành: 8.14.01.01

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: TS. Lê Thùy Linh

THÁI NGUYÊN - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn “*Giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang*” là công trình nghiên cứu của riêng tôi, những số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn là hoàn toàn trung thực, chưa hề được sử dụng và công bố ở bất kỳ một công trình nghiên cứu nào khác.

Thái Nguyên, tháng 04 năm 2018

Tác giả luận văn

Ma Thị Minh Trang

LỜI CẢM ƠN

Với tình cảm chân thành và lòng kính trọng, em xin gửi đến lãnh đạo trường Đại học sư phạm Thái Nguyên, các thầy giáo, cô giáo Phòng Đào tạo, Khoa Tâm lý - Giáo dục, các nhà khoa học, các thầy giáo, cô giáo trong và ngoài Trường Đại học sư phạm Thái Nguyên đã giảng dạy và hướng dẫn em trong suốt quá trình học tập.

Đặc biệt, em xin trân trọng cảm ơn TS. Lê Thùy Linh, người đã trực tiếp, tận tình hướng dẫn khoa học, giúp đỡ em hoàn thành luận văn này.

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ, tạo điều kiện của các trường tiểu học trên địa bàn huyện Lâm Bình, cảm ơn các thầy cô giáo, cán bộ quản lý các nhà trường tiểu học đã tận tình giúp đỡ và cung cấp số liệu, đóng góp ý kiến để việc điều tra nghiên cứu và hoàn thành luận văn được thuận lợi.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng luận văn không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Tác giả xin trân trọng tiếp thu những ý kiến chỉ bảo, góp ý xây dựng của các nhà khoa học, các thầy giáo, cô giáo và đồng chí, đồng nghiệp để tiếp tục hoàn thiện luận văn.

Thái Nguyên, tháng 04 năm 2018

Tác giả luận văn

Ma Thị Minh Trang

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG	v
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu	2
3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu	2
4. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu	2
5. Giả thuyết khoa học	3
6. Nhiệm vụ nghiên cứu	3
7. Phương pháp nghiên cứu	3
8. Cấu trúc luận văn	4
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO CHO HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC	5
1.1. Tổng quan lịch sử nghiên cứu vấn đề	5
1.1.1. Những nghiên cứu ở nước ngoài	5
1.1.2. Những nghiên cứu ở trong nước	6
1.2. Một số khái niệm	8
1.2.1. Kỹ năng và kỹ năng sống	8
1.2.2. Giáo dục kỹ năng sống	10
1.2.3. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo	11
1.2.4. Giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo	14
1.3. Lý luận về giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ở các trường tiểu học	15
1.3.1. Đặc điểm giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học	15
1.3.2. Nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học	16
1.3.3. Các con đường giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học	18
1.4. Những vấn đề cơ bản về giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học	20

1.4.1. Đặc điểm học sinh dân tộc thiểu số cấp tiểu học.....	20
1.4.2. Yêu cầu đối với việc tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong giáo dục KNS cho học sinh tiểu học	22
1.4.3. Mục tiêu, nội dung giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số.....	23
1.4.4. Phương pháp, hình thức giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số.....	26
1.4.5. Đánh giá kết quả giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh tiểu học	36
1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học.....	37
1.5.1. Các yếu tố chủ quan.....	37
1.5.2. Các yếu tố khách quan.....	38
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	39
Chương 2: THỰC TRẠNG VỀ GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO CHO HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG.....	41
2.1. Vài nét về tình hình kinh tế - xã hội, các trường tiểu học và đặc điểm học sinh tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.....	41
2.1.1. Khái quát về tình hình kinh tế - xã hội huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang ..	41
2.1.2. Khái quát về các trường tiểu học và đặc điểm học sinh dân tộc thiểu số huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	42
2.2. Tổ chức điều tra khảo sát.....	43
2.2.1 Mục tiêu khảo sát.....	43
2.2.2. Khách thể khảo sát.....	43
2.2.3. Nội dung khảo sát	43
2.2.4. Phương pháp khảo sát và xử lý kết quả	44
2.3. Kết quả khảo sát thực trạng giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.....	45
2.3.1. Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên về giáo dục KNS và giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo	45

2.3.2. Thực trạng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.....	51
2.3.3. Thực trạng giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo tại các trường tiểu học của huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	53
2.3.4. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho HS dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học.....	59
2.4. Đánh giá chung về thực trạng	60
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	61
Chương 3:BIỆN PHÁP GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO CHO HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG.....	62
3.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp.....	62
3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học.....	62
3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích	62
3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn.....	63
3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi	63
3.2. Các biện pháp giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình	63
3.2.1. Biện pháp 1: Xác định nhu cầu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học..	63
3.2.2. Biện pháp 2: Thiết kế các chủ đề hoạt động trải nghiệm sáng tạo tích hợp giáo dục KNS cho học sinh	68
3.2.3. Biện pháp 3: Xây dựng quy trình giáo dục KNS cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo.....	71
3.2.4. Biện pháp 4: Đa dạng hóa phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo nhằm giáo dục KNS cho học sinh	74
3.2.5. Biện pháp 5: Xây dựng công cụ đánh giá kết quả giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh tiểu học	77
3.2.6. Mối quan hệ giữa các biện pháp	80
3.3. Khảo sát kiểm chứng tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp.....	81
3.3.1. Mục đích khảo nghiệm	81
3.3.2. Đối tượng và địa điểm khảo nghiệm	81
3.3.3. Nội dung khảo nghiệm.....	81

3.3.4. Phương pháp khảo nghiệm	81
3.3.5. Tiến trình khảo nghiệm.....	81
3.3.6. Kết quả khảo nghiệm	82
3.4. Thử nghiệm sư phạm	84
3.4.1. Mục đích thử nghiệm.....	84
3.4.2. Nội dung thử nghiệm	84
3.4.4. Kết quả thử nghiệm sư phạm.....	85
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	90
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	91
1. Kết luận.....	91
1.1. Về lý luận.....	91
1.2. Về thực trạng	91
1.3. Đề xuất các biện pháp.....	91
2. Khuyến nghị.....	92
2.1. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.....	92
2.2. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo.....	92
2.3. Đối với cán bộ giáo viên, quản lý các trường tiểu học trên địa bàn huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.....	92
TÀI LIỆU THAM KHẢO	94
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BGH	:	Ban giám hiệu
CBQL	:	Cán bộ quản lý
CMHS	:	Cha mẹ học sinh
DTTS	:	Dân tộc thiểu số
GD & ĐT	:	Giáo dục và Đào tạo
GD	:	Giáo dục
GDKNS	:	Giáo dục kỹ năng sống
GV	:	Giáo viên
GVCN	:	Giáo viên chủ nhiệm
HĐTNST	:	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo
HS	:	Học sinh
KN	:	Kỹ năng
KNS	:	Kỹ năng sống
LLGD	:	Lực lượng giáo dục
LLXH	:	Lực lượng xã hội
TNST	:	Trải nghiệm sáng tạo

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Nhận thức của Cán bộ quản lý và giáo viên về đặc điểm giáo dục kỹ năng sống.....	45
Bảng 2.2 Nhận thức của CBQL và GV về các nguyên tắc giáo dục KNS cho học sinh tiểu học.....	46
Bảng 2.3: Nhận thức của CBQL và GV về các con đường GDKNS	49
Bảng 2.4. Nhận thức của CBQL và GV về các KNS cần giáo dục cho học sinh dân tộc thiểu số.....	50
Bảng 2.5. Thực trạng sử dụng các con đường giáo dục KNS cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	51
Bảng 2.6: Đánh giá của CBQL và GV về KNS của học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	53
Bảng 2.7. Thực trạng thực hiện mục tiêu giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số	54
Bảng 2.8. Thực trạng thực hiện nội dung giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số	56
Bảng 2.9. Mức độ thực hiện phương pháp GDKNS cho HSTH thông qua HĐTNST	58
Bảng 2.10: Đánh giá của CBQL và GV về thực trạng thực hiện hình thức giáo dục KNS cho học sinh dân tộc thiểu số	59
Bảng 2.11: Đánh giá của CBQL và GV về các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình GDKNS cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	60
Bảng 3.1: Đánh giá về mức độ cần thiết của các biện pháp pháp giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình	82
Bảng 3.2: Đánh giá về mức độ khả thi của các biện pháp pháp giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình	83

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Về mặt lý luận

Trong những năm trở lại đây, khi phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” được triển khai và hưởng ứng mạnh mẽ trong các cấp học, ngoài việc nâng cao chất lượng giáo dục, các đơn vị trường học ngày càng chú trọng tới công tác giáo dục đạo đức, kỹ năng sống (KNS) cho học sinh, đặc biệt là học sinh phổ thông. Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông là một trong những nhiệm vụ quan trọng, không thể thiếu của ngành giáo dục. Nghị quyết số 29- NQ/TW Ngày 4.11.2013 Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nêu rõ: *“Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học”*.

Mục tiêu giáo dục hiện nay là nhằm giúp HS hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, góp phần hình thành nhân cách con người Việt Nam XHCN. Yêu cầu về nội dung giáo dục tiểu học phải đảm bảo cho HS có hiểu biết đơn giản, cần thiết về tự nhiên, xã hội và con người; có kỹ năng cơ bản về nghe, nói, đọc, viết và tính toán; có thói quen rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh; có hiểu biết ban đầu về nghệ thuật. Để thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện nhân cách con người đòi hỏi nhà trường nói chung và giáo dục tiểu học nói riêng phải quan tâm trang bị tri thức, kỹ năng, thái độ cho người học, đảm bảo tính cân đối giữa dạy chữ và dạy người, đặc biệt là giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

Kỹ năng sống là nhịp cầu giúp con người biến tri thức thành hành động, thái độ thành hành vi, kỹ năng để sống an toàn, khỏe mạnh, thành công và hiệu quả. Người có kỹ năng sống phù hợp sẽ luôn vững vàng trước những khó khăn, thử thách; biết ứng xử, giải quyết vấn đề một cách tích cực và phù hợp. Đối với học sinh tiểu học - lứa tuổi tuy có sự chuyển biến rõ rệt về tâm lý, các em thích tìm tòi, khám phá song còn thiếu hiểu biết về thế giới, có tính hiếu động, thiếu kỹ năng sống, dễ bị lôi kéo, kích động. Vì vậy việc giáo dục kỹ năng sống cho HS tiểu học là rất cần thiết, giúp học sinh rèn luyện hành vi có trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội. Giáo dục KNS được thực hiện qua nhiều con đường, trong đó HĐTNST có nhiều ưu thế để GDKNS.

1.2. Về mặt thực tiễn

Học sinh tiểu học huyện Lâm Bình đa phần là dân tộc thiểu số, điều kiện địa lý, kinh tế vùng miền còn hạn chế, môi trường giao tiếp hẹp; do đặc điểm tâm lý của học sinh dân tộc có nhiều nét khác biệt về: nhận thức, tình cảm, tính chủ động trong quá trình giao tiếp chưa cao nên giao tiếp của HS còn một số hạn chế như: nhút nhát, tự ti và lúng túng khi đứng trước đám đông, chưa có kỹ năng hợp tác, làm việc theo nhóm, chưa có kỹ năng thích ứng, kỹ năng giải quyết vấn đề, đặc biệt kiến thức về cuộc sống của học sinh còn nghèo nàn. Vấn đề giáo dục kỹ năng sống cho học sinh dân tộc thiểu số các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang nói chung và việc tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh các trường tiểu học huyện Lâm Bình nói riêng những năm qua đã được triển khai thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên. Tuy nhiên việc tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo chưa triển khai rộng rãi vì gặp một số khó khăn, bất cập trong quá trình tổ chức nên còn mang tính hình thức, chất lượng và hiệu quả chưa cao. Một trong những nguyên nhân cơ bản là đến nay chưa có công trình nghiên cứu để tìm ra biện pháp giáo dục kỹ năng sống ở các trường tiểu học trên địa bàn huyện. Vì những lý do trên, tôi chọn đề tài: **“Giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường Tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang”** làm đề tài nghiên cứu luận văn Thạc sĩ.

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu đề xuất các biện pháp giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Quá trình giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho HS dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Các biện pháp giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho HS dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

4. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu

4.1. Giới hạn nội dung nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu giáo dục các kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho HS dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

4.2. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

Đề tài được triển khai, nghiên cứu tại 04 trường tiểu học trên địa bàn huyện Lâm

Bình, tỉnh Tuyên Quang bao gồm: Trường tiểu học Thổ Bình, Trường tiểu học Bình An, Trường tiểu học Lãng Can và Trường tiểu học Hồng Quang.

Giới hạn khách thể điều tra: Tổng số 50 người (04 cán bộ quản lý, 32 giáo viên đứng lớp, 04 Tổng phụ trách Đội).

5. Giả thuyết khoa học

Hoạt động giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang hiện nay gặp một số khó khăn, bất cập trong quá trình tổ chức nên mang tính hình thức, chất lượng và hiệu quả chưa cao. Nếu đề xuất được các biện pháp giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh dân tộc thiểu số mang tính khoa học, phù hợp với thực tiễn giáo dục địa phương sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục bậc tiểu học trong giai đoạn mới.

6. Nhiệm vụ nghiên cứu

6.1. Xác định cơ sở lý luận về giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học

6.2. Khảo sát thực trạng giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang

6.3. Đề xuất một số biện pháp giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang và khảo nghiệm, thử nghiệm tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

Thu thập và đọc các tài liệu lý luận, các văn bản pháp qui, các công trình nghiên cứu khoa học về giáo dục kỹ năng sống, giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh tiểu học. Từ đó phân tích và tổng hợp các vấn đề lý luận liên quan đến luận văn.

7.2. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: Chúng tôi xây dựng bảng hỏi với những câu hỏi đóng và mở dành để xin ý kiến đánh giá của CBQL, GV, về thực trạng giáo dục kỹ năng sống thông qua tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

- Phương pháp quan sát: Quan sát thực tế quá trình tổ chức giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh ở các trường tiểu học.

- Phương pháp phỏng vấn: Phỏng vấn cán bộ quản lý và giáo viên để làm rõ thực trạng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

- Phương pháp chuyên gia: Xin tư vấn thêm từ các chuyên gia có kinh nghiệm về việc tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

- Nghiên cứu sản phẩm: Phân tích những sáng kiến về hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

7.3. Phương pháp xử lý thông tin

Phương pháp thống kê trong toán học: Sử dụng phương pháp thống kê trong toán học để xử lý và phân tích các số liệu từ các bảng hỏi thu thập được.

8. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, khuyến nghị, tài liệu tham khảo và phụ lục; luận văn được cấu trúc thành ba chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho HS dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học.

Chương 2: Thực trạng về giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Chương 3: Biện pháp giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO CHO HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC

1.1. Tổng quan lịch sử nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Những nghiên cứu ở nước ngoài

Trên thế giới, đã có hơn 155 nước quan tâm đến giáo dục kỹ năng sống bằng cách đưa kỹ năng sống vào các nhà trường, trong đó có 143 nước đã đưa vào chương trình chính khoá ở Tiểu học và Trung học. Có thể kể tên một số nước như:

1. Ở Thái Lan, năm 1996, GDKNS được giáo dục và triển khai cùng chương trình ngăn chặn AIDS. Chương trình được thực hiện ở cả ba bậc học phổ thông, chủ yếu thông qua các hoạt động ngoại khóa. Hiện nay, Thái Lan đang trong giai đoạn duy trì và mở rộng phát triển GDKNS trên nhiều lĩnh vực khác nhau và coi đó như là nội dung bắt buộc phải đưa vào giảng dạy trong chương trình của nhà trường ở tất cả các cấp học. Theo đó, UNESCO Thái Lan đã công bố 7 giá trị truyền thống trong hệ giá trị của Thái Lan cần được giáo dục và cho rằng những giá trị sống được hình thành và phát triển thành các kỹ năng sống sẽ tạo nên nhân cách con người và có vai trò quan trọng trong công cuộc phát triển xã hội [20], [22].

2. Giáo dục kỹ năng sống ở Campuchia được xem xét dưới góc độ năng lực sống của con người, kỹ năng làm việc. Giáo dục kỹ năng sống được triển khai theo hướng giáo dục cho con người những kỹ năng cơ bản và kỹ năng nghề nghiệp trong cuộc sống thường ngày. Năm 2001, chương trình GDKNS được phát triển bởi một nhóm liên ngành của Bộ giáo dục, thanh niên và thể thao (MoEYS). Chương trình này là một phần kế hoạch của quốc gia “Giáo dục cho mọi người”, được thực hiện ở cả chính khóa và ngoại khóa (tiểu học và trung học). Một số dự án thí điểm đã được thực hiện bởi MoEYS cùng với sự hỗ trợ của một số tổ chức phi chính phủ để phát triển các KNS [20], [22].

3. Ở Lào, các nghiên cứu về KNS bắt đầu phát triển vào năm 1998. Giáo dục kỹ năng sống được thực hiện thông qua các nội dung cơ bản: phòng chống ma túy và sử dụng rượu, thuốc lá; phòng chống HIV/AIDS; phòng chống dịch bệnh; sức khỏe sinh sản; giáo dục dân số; bảo vệ môi trường; các mối quan hệ với gia đình và bạn bè; trách nhiệm công dân. Các nội dung này được đưa vào trong chương trình giảng dạy của 5 môn học: Thế giới xung quanh ta (ở tiểu học); Sinh học, Công dân, Địa lí, Khoa học tự nhiên (ở trung học) [20], [22].

4. Ở Philippin, từ năm 2001, KNS được tích hợp giảng dạy vào trong chương trình giáo dục cơ bản. Theo đó, Philippin còn triển khai GDKNS trong quân sự nhằm lồng ghép đưa 11 KNS cốt lõi vào chương trình giảng dạy (tự nhận thức, giải quyết vấn đề, ra quyết định, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, đối phó với căng thẳng, đối phó với cảm xúc, đồng cảm, giao tiếp hiệu quả, kỹ năng quan hệ tích cực, kỹ năng sản xuất kinh doanh) [20], [22], [16].

5. Những nghiên cứu về giáo dục KNS cho học sinh tiểu học tại Bỉ đã khẳng định một trong những sứ mạng của trường tiểu học là giúp cho trẻ tự lập và tạo điều kiện, tạo môi trường để trẻ phát triển KNS. Theo đó, cần cho trẻ học KNS và kỹ năng tự lập sẽ hình thành cho trẻ nhân cách tốt [18].

6. Bắt đầu từ năm 1996, tại Botswana và Nam Phi, dưới sự hỗ trợ của Trung tâm Chính sách quốc tế về rượu (ICAP), chương trình “Growing Up” (1996-1999) được ra đời nhằm thực hiện GDKNS cho một số trường tiểu học ở khu vực này. Chương trình “Growing Up” được thiết kế nhằm giúp người học tìm hiểu một số kỹ năng liên quan đến cuộc sống hàng ngày của các em, bao gồm 7 chủ đề: (1) Xây dựng một lớp học chia sẻ; (2) học tập hợp tác, làm việc nhóm, giao tiếp, lắng nghe và kết bạn; (3) đối phó với tình cảm và cảm xúc; (4) Ra quyết định; (5) lớn lên khoẻ mạnh; (6) giúp đỡ để trường học và gia đình trở thành nơi an toàn hơn; (7) mỗi cá nhân là một người đặc biệt [19].

1.1.2. Những nghiên cứu ở trong nước

Nghiên cứu về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống ở Việt Nam tương đối phong phú và được tiếp cận ở nhiều góc độ, tầng bậc khác nhau. Sau đây là các hướng nghiên cứu chính:

Một trong những người đầu tiên và là người có những nghiên cứu mang tính hệ thống về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống ở Việt Nam là tác giả Nguyễn Thanh Bình. Với một loạt các bài báo, các đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ và giáo trình, tài liệu tham khảo [1], [2] tác giả Nguyễn Thanh Bình đã góp phần đáng kể vào việc tạo ra những hướng nghiên cứu về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống ở Việt Nam. Nghiên cứu của tác giả đã chỉ rõ: Chương trình, tài liệu giáo dục kỹ năng sống được thiết kế cho giáo dục không chính quy là phổ biến và rất đa dạng về hình thức, cụ thể là:

+ Lồng ghép vào chương trình dạy chữ, học văn vào tất cả các môn học và các chương trình ở các mức độ khác nhau. Ví dụ: có nước lồng ghép dạy kỹ năng sống vào các chương trình dạy chữ cơ bản nhằm xoá mù chữ. Bên cạnh dạy chữ có kết hợp dạy kỹ năng làm nông nghiệp, kỹ năng bảo tồn môi trường, sức khỏe, HIV/AIDS;

+ Dạy các chuyên đề cần thiết cho người học. Ví dụ: tạo thu nhập; môi trường, kỹ năng nghề; kỹ năng kinh doanh.

Trong cuốn “Giáo trình Giáo dục kỹ năng sống” Nguyễn Thanh Bình khẳng định những yêu cầu cụ thể đối với việc đổi mới nội dung chương trình và phương pháp dạy học. Tác giả cho rằng: “Cốt lõi của việc đổi mới phương pháp dạy học là hướng vào học tập chủ động, chống thói quen thụ động, đồng thời coi dạy học thông qua tổ chức hoạt động của học sinh là đặc trưng thứ nhất của phương pháp dạy học tích cực” [2].

Các nghiên cứu tiêu biểu liên quan trực tiếp đến việc GDKNS cho HSTH qua dạy học môn Tự nhiên và Xã hội, môn Khoa học là: (1) “Giáo dục sống khỏe mạnh và KNS trong dạy học Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học” (Dự án Đào tạo Giáo viên Tiểu học- 2007)[3]; (2) “Tích hợp dạy KNS cho HSTH qua môn Khoa học và hoạt động ngoài giờ lên lớp” (Lục Thị Nga - 2009); “GDKNS trong các môn học ở tiểu học” (Bộ Giáo dục và Đào tạo - 2010)[10]. Nhìn chung, trong các nghiên cứu này, mới chỉ xác định những vấn đề lí luận chung về KNS và GDKNS, đồng thời chỉ ra một số hướng dẫn ban đầu về việc tích hợp thực hiện GDKNS thông qua dạy học môn Tự nhiên và Xã hội, môn Khoa học. Các nghiên cứu này chưa có những hướng dẫn cụ thể về nội dung và biện pháp GDKNS cho các đối tượng học sinh ở các khu vực vùng miền khác nhau, trong đó có HSTH người DTTS.

Các tác giả biên soạn bộ sách Giáo dục Kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học- Tài liệu dành cho giáo viên [4] đã phân tích tầm quan trọng của việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong các trường phổ thông, kỹ năng sống là nhiệm vụ giúp con người biến kiến thức thành thái độ, hành vi và thói quen tích cực, lành mạnh, kỹ năng sống thúc đẩy sự phát triển cá nhân và xã hội và cho rằng giáo dục kỹ năng sống là yêu cầu cấp thiết đối với thế hệ trẻ, giáo dục kỹ năng sống nhằm thực hiện yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông và cách tiếp cận phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

Ngô Thị Tuyên trong cuốn “Cẩm nang giáo dục cho học sinh tiểu học” đã chỉ ra rằng kỹ năng sống là sản phẩm bắt buộc phải có của giáo dục nhà trường. Tác giả đưa ra khái niệm về kỹ năng sống, các loại kỹ năng sống, vị trí vai trò của kỹ năng sống trong giáo dục nhà trường, phương pháp giáo dục kỹ năng sống và trình bày phương pháp xây dựng một chương trình học tập, nguyên tắc chọn nội dung và hướng dẫn giáo viên phương pháp giáo dục cho trẻ bằng việc làm để có được sản phẩm là kỹ năng sống. Tác giả Ngô Thị Tuyên cũng chỉ ra vai trò quan trọng của giáo dục kỹ năng sống trong các nhà trường và cho rằng thiếu kỹ năng sống con người sẽ thiếu nền tảng giá trị sống [15].

Nguyễn Dục Quang cho rằng: “Cách thức giáo dục kỹ năng sống được hiểu bao gồm những phương pháp tiếp cận, các phương pháp dạy học tích cực và các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cần quan tâm đến vai trò của người học” [13].

Vũ Minh trong bài báo “Dạy kỹ năng sống cho trẻ cả giáo viên và gia đình lung túng” đã chỉ ra vai trò quan trọng của việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học và những bất cập trong việc triển khai giáo dục kỹ năng sống cho học sinh khi chưa có một giáo trình thống nhất và bản thân giáo viên còn rất lung túng trong việc giáo dục kỹ năng sống lồng ghép vào các môn học. Tuy nhiên tác giả chưa nghiên cứu và đưa ra những biện pháp cụ thể khắc phục tình trạng này [7].

Theo các tác giả Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, Bùi Thị Thúy Hằng thì học sinh phải tham gia chủ động vào các hoạt động giáo dục kỹ năng sống mới làm thay đổi hành vi của các em. Tài liệu cũng đưa ra các phương pháp giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống và cách thức tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học [26].

Về hoạt động TNST, nghiên cứu mang tính chất tổng quan và tham khảo hoạt động của các quốc gia khác có thể nói đến bài viết của tác giả Đỗ Ngọc Thống với tiêu đề “Hoạt động trải nghiệm sáng tạo từ kinh nghiệm giáo dục quốc tế và vấn đề của Việt Nam”. Ở đây, tác giả phân tích kinh nghiệm giáo dục hoạt động TNST của một số nước cụ thể là Anh, Hàn Quốc và liên hệ đến Việt Nam. Theo tác giả, giáo dục sáng tạo là một yêu cầu quan trọng trong chương trình giáo dục phổ thông của nhiều nước. Sáng tạo đòi hỏi mọi cá nhân phải nỗ lực, năng động, có tư duy độc lập. Trong chương trình giáo dục của mỗi quốc gia, bên cạnh các hoạt động dạy và học qua các môn học còn có chương trình hoạt động ngoài các môn học. Ở đó, học sinh được trải nghiệm, thử sức thông qua các hoạt động đa dạng và phong phú gắn với thực tiễn. Việc áp dụng HĐ TNST ở trường phổ thông được các nước phát triển thực hiện một cách linh hoạt, hài hòa vừa giúp HS trải nghiệm thực tiễn vừa học tốt các môn học chính khóa. Ở Việt Nam, hoạt động TNST chưa được chú ý đúng mức, chưa có hình thức đánh giá và sử dụng kết quả các hoạt động một cách phù hợp [16].

1.2. Một số khái niệm

1.2.1. Kỹ năng và kỹ năng sống

Kỹ năng là năng lực hay khả năng chuyên biệt của một cá nhân về một hoặc nhiều khía cạnh nào đó được sử dụng để giải quyết tình huống hay công việc nào đó phát sinh trong cuộc sống.

Xét một cách tổng quan thì kỹ năng được chia thành 3 loại: Kỹ năng chuyên môn, kỹ năng sống và kỹ năng làm việc. Đối với lứa tuổi học sinh tiểu học thì kỹ năng được định hướng cần kết hợp đào tạo ở nhà trường và gia đình là kỹ năng sống. Có nhiều quan niệm về kỹ năng sống và mỗi quan niệm lại được diễn đạt theo những cách khác nhau:

Theo UNICEF thì KNS được xác định như kỹ năng tâm lý xã hội và những kỹ năng cá nhân là những kỹ năng thường được đánh giá là quan trọng. Tổ chức này cho rằng KNS là cách tiếp cận giúp thay đổi hoặc hình thành hành vi mới. Cách tiếp cận này lưu ý đến sự cân bằng về tiếp thu kiến thức, hình thành thái độ và kỹ năng[21].

Với mục đích giúp người học ứng phó với các vấn đề của cuộc sống và tự hoàn thiện mình, UNICEF phân loại KNS theo các mối quan hệ của cá nhân với các nhóm KNS:

+ Nhóm kỹ năng nhận biết và sống với chính mình, bao gồm các kỹ năng: kỹ năng tự nhận thức, lòng tự trọng, sự kiên định, đương đầu với cảm xúc, đương đầu với căng thẳng.

+ Nhóm kỹ năng nhận biết và sống với người khác, với các kỹ năng thành phần: kỹ năng quan hệ tương tác liên nhân cách, sự cảm thông, đứng vững trước áp lực tiêu cực của bạn bè hoặc của người khác, thương lượng, giao tiếp có hiệu quả.

+ Nhóm kỹ năng ra quyết định một cách hiệu quả, gồm các kỹ năng: tư duy phê phán, tư duy sáng tạo, ra quyết định, giải quyết vấn đề.

Kỹ năng sống được khai thác dưới nhiều góc độ khác nhau. Theo WHO (1993): *Kỹ năng sống là năng lực tâm lý xã hội, là khả năng ứng phó một cách có hiệu quả với những yêu cầu và thách thức của cuộc sống.* Đó cũng là khả năng của một cá nhân để duy trì một trạng thái khỏe mạnh về mặt tinh thần, biểu hiện qua các hành vi phù hợp và tích cực khi tương tác với người khác, với nền văn hóa và môi trường xung quanh. Năng lực tâm lý xã hội có vai trò quan trọng trong việc phát huy sức khỏe theo nghĩa rộng nhất về thể chất, tinh thần và xã hội[2].

UNESCO quan niệm: *Kỹ năng sống là năng lực cá nhân để thực hiện đầy đủ các chức năng và tham gia vào cuộc sống hàng ngày.* Đó là khả năng làm cho hành vi và sự thay đổi của mình phù hợp với cách ứng xử tích cực, giúp con người có thể kiểm soát, quản lý có hiệu quả các nhu cầu và những thách thức trong cuộc sống hàng ngày. Khái niệm kỹ năng sống nêu trên được xác định theo cách tiếp cận năng lực hành động của con người trước những vấn đề của cuộc sống. Thực tế cho thấy năng lực hành động của con người được tổ hợp từ nhiều thành phần năng lực khác nhau như năng lực chuyên môn, tri thức hiểu biết, năng lực phương pháp, năng lực xã hội, năng lực cá nhân vv... Khái niệm kỹ năng sống nêu trên được tiếp cận theo nghĩa rộng, bao gồm cả kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp và kỹ năng bổ trợ [23].

- Mặc dù cách biểu đạt khái niệm KNS có khác nhau (việc xác định nội hàm của khái niệm nông, sâu khác nhau dẫn đến phạm vi phản ánh của khái niệm rộng, hẹp khác nhau) nhưng điểm thống nhất trong các quan niệm về KNS đã trình bày ở trên là: khẳng định KNS thuộc về phạm trù năng lực (hiểu kỹ năng theo nghĩa rộng) chứ không thuộc phạm trù kĩ thuật của hành động, hành vi (hiểu kỹ năng theo nghĩa hẹp).

- Theo UNESCO, các kỹ năng sống cần giáo dục cho học sinh bao gồm:

- + Kỹ năng thương lượng/kỹ năng từ chối
- + Kỹ năng gián tiếp liên nhân cách
- + Kỹ năng ứng hộ, biện hộ, bênh vực
- + Kỹ năng tư duy có phê phán
- + Kỹ năng hợp tác và làm việc nhóm
- + Kỹ năng ra quyết định/Kỹ năng giải quyết vấn đề
- + Kỹ năng tăng cường năng lực kiểm soát bên trong
- + Kỹ năng quản lý cảm xúc
- + Kỹ năng ứng xử khi bị căng thẳng
- + Tự nhận thức, tự đánh giá bản thân, xã hội
- + Tự tin và tự trọng
- + Thể hiện sự cảm thông
- + Quan hệ ứng xử giữa cá nhân với người khác và với xã hội

Với phân tích nêu trên, tác giả đề tài sử dụng khái niệm KNS trong nghiên cứu đề tài với nội hàm: ***“Kỹ năng sống là năng lực làm cho hành vi và sự thay đổi của cá nhân phù hợp với cách ứng xử tích cực, giúp con người có thể kiểm soát, quản lý có hiệu quả các nhu cầu và những thách thức trong cuộc sống hàng ngày để sống thành công, hiệu quả”***.

1.2.2. Giáo dục kỹ năng sống

Khái niệm giáo dục chỉ quá trình sư phạm tổng thể (dạy học và giáo dục theo nghĩa hẹp) được thực hiện thông qua các hoạt động giáo dục. Đó là những hoạt động do các nhà trường tổ chức, thực hiện theo kế hoạch, chương trình giáo dục và trực tiếp điều hành, chịu trách nhiệm về chúng. Trong các hoạt động giáo dục thì hoạt động dạy học giữ vai trò nền tảng và chủ đạo. Các hoạt động giáo dục được tổ chức trên cơ sở các giá trị, nhằm tạo ra môi trường hoạt động và giao tiếp có định hướng cho người học, tuân theo những nguyên tắc chung, những mục tiêu chung, những chuẩn mực giá trị chung, những biện pháp chung.

Khi nói đến GDKNS, có nhiều cách biểu đạt nhấn mạnh đến những khía cạnh khác nhau như:

Theo tổ chức y tế thế giới (WHO): “GDKNS nhằm tạo thuận lợi cho việc thực hành, củng cố các kỹ năng tâm lý trong một nền văn hoá và phát triển một cách thích hợp, nó góp phần vào việc thúc đẩy phát triển cá nhân và xã hội, phòng chống các vấn đề y tế, xã hội và việc bảo vệ quyền con người”.

Theo tác giả Nguyễn Thanh Bình: GDKNS là “hình thành cách sống tích cực trong xã hội hiện đại, là xây dựng những hành vi lành mạnh và thay đổi những hành vi,

thói quen tiêu cực trên cơ sở giúp người học có cả kiến thức, giá trị, thái độ và kỹ năng thích hợp” [2].

Nhìn chung, các quan niệm về GDKNS trên đây đều nhấn mạnh đến một khía cạnh nào đó của quá trình giáo dục KNS. Theo WHO và tác giả Nguyễn Thanh Bình nhấn mạnh đến mục đích thực hiện GDKNS, còn các nghiên cứu Viện khoa học giáo dục Việt Nam nhấn mạnh đến tính chất và ý nghĩa của GDKNS. Trong nội hàm các quan niệm chưa nêu ra được cách thức để thực hiện GDKNS.

Dựa vào cách hiểu về khái niệm giáo dục, căn cứ vào khái niệm kỹ năng sống mà đề tài đã xác định, khái niệm giáo dục kỹ năng sống được hiểu như sau: *Giáo dục kỹ năng sống là quá trình dưới vai trò chủ đạo của giáo viên nhằm trang bị cho người học những kiến thức, thái độ, giá trị và tạo cho họ cơ hội rèn luyện, trải nghiệm trong cuộc sống thực tiễn, từ đó giúp họ làm chủ bản thân, ứng xử tích cực với mọi người và giải quyết có hiệu quả các tình huống, các vấn đề trong thực tiễn.*

1.2.3. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo

*** Hoạt động trải nghiệm**

Hoạt động trải nghiệm trong nhà trường cần được hiểu là hoạt động có động cơ, có đối tượng để chiếm lĩnh, được tổ chức bằng các việc làm cụ thể của học sinh, được thực hiện trong thực tế, được sự định hướng, hướng dẫn của nhà trường. Đối tượng để trải nghiệm nằm trong thực tiễn. Qua trải nghiệm thực tiễn, người học có được kiến thức, kỹ năng, tình cảm và ý chí nhất định.

*** Hoạt động trải nghiệm sáng tạo**

Cuộc sống cá nhân là một dòng hoạt động, cá nhân là chủ thể của các hoạt động thay thế nhau. *Hoạt động là quá trình cá nhân thực hiện các quan hệ giữa họ với thế giới tự nhiên, xã hội, người khác và bản thân. Đó là quá trình chuyển hoá năng lực lao động (cùng với các phẩm chất tâm lý) của bản thân thành sự vật, thành thực tế và quá trình ngược lại là quá trình tách những thuộc tính sự vật, của thực tế quay trở về với chủ thể, biến thành vốn liếng tinh thần của chủ thể.* Theo đó, tâm lý được nảy sinh bởi hoạt động của chủ thể, đồng thời tâm lý là một thành tố của hoạt động đó.

Như vậy, hoạt động của con người bao giờ cũng mang tính chất xã hội. Mỗi con người là một chủ thể của hoạt động. Con người có nhiều dạng hoạt động: hoạt động của con người nói chung, hoạt động riêng từng mặt. Các dạng hoạt động này có quan hệ gắn bó mật thiết với nhau.

Trải nghiệm hiểu đơn giản nhất là những gì con người đã từng kinh qua thực tế, từng biết, từng chịu. Theo các nhà khoa học giáo dục, trải nghiệm chính là những tồn tại khách quan tác động vào giác quan con người, tạo ra cảm giác, tri giác, biểu tượng, con người cảm thấy có tác động đó và cảm nhận nó một cách rõ nét, để lại ấn tượng

sâu đậm, rút ra bài học, vận dụng vào thực tiễn đời sống, hình thành nên các thái độ giá trị.

Sáng tạo là một đặc trưng nổi bật nhất của tâm lý người. Sáng tạo không phải là một hoạt động “rập khuôn” có sẵn hay lặp lại một cách máy móc. Mà đó là việc tạo ra những sản phẩm cần thiết cho cuộc sống của con người và xã hội. Quá trình sáng tạo là quá trình diễn ra từ ý nghĩ (ý tưởng) cho đến lúc tạo ra kết quả sáng tạo (sản phẩm). Đó là sự chuẩn bị, suy nghĩ, nảy sinh ý tưởng mới, là sự huy động cao độ toàn bộ sức mạnh trí tuệ của chủ thể sáng tạo. Như vậy, sự sáng tạo của con người là tìm cách giải quyết những tình huống có vấn đề thể hiện ở chỗ đưa ra được những cái mới, cái độc đáo (từ chưa biết trở thành biết). Nó trở thành động lực thúc đẩy cá nhân phát triển [6].

Để xác định được khái niệm “hoạt động trải nghiệm sáng tạo”, cần xuất phát từ các thuật ngữ “hoạt động”, “trải nghiệm”, “sáng tạo” và mối quan hệ qua lại giữa chúng với nhau. Tuy nhiên, nó cũng không phải là phép cộng đơn giản của ba thuật ngữ trên, bởi trong hoạt động đã có yếu tố trải nghiệm và sáng tạo. Chỉ có những hoạt động giáo dục có mục đích, có tổ chức nhằm hình thành phẩm chất và năng lực cho người học, dành cho đối tượng học sinh đảm bảo ba yếu tố Hoạt động - Trải nghiệm - Sáng tạo, mới được gọi là hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

Theo tác giả Đinh Thị Kim Thoa, hoạt động trải nghiệm sáng tạo là hoạt động giáo dục thông qua sự trải nghiệm và sáng tạo của cá nhân trong việc kết nối kinh nghiệm học được trong nhà trường với thực tiễn đời sống mà nhờ đó các kinh nghiệm được tích lũy thêm và dần chuyển hoá thành năng lực [26].

Theo Bùi Ngọc Diệp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo là một biểu hiện của hoạt động giáo dục đang tồn tại trong chương trình giáo dục hiện hành. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo là hoạt động mang tính xã hội, thực tiễn đến với môi trường giáo dục trong nhà trường để học sinh tự trải nghiệm trong tập thể, qua đó hình thành và thể hiện được phẩm chất, năng lực, nhận ra năng khiếu, sở thích, đam mê, bộc lộ và điều chỉnh cá tính, giá trị; nhận ra chính mình cũng như khuynh hướng phát triển của bản thân: hỗ trợ cho và cùng với các hoạt động dạy học trong chương trình giáo dục thực hiện tốt nhất mục tiêu giáo dục. Hoạt động này nhấn mạnh sự trải nghiệm, thúc đẩy năng lực sáng tạo của người học và được tổ chức thực hiện một cách linh hoạt sáng tạo [24].

Theo Lê Huy Hoàng, hoạt động trải nghiệm sáng tạo là hoạt động xã hội, thực tiễn giúp học sinh tự chủ trải nghiệm trong tập thể, qua đó hình thành và thể hiện phẩm chất năng lực; nhận ra năng khiếu, sở thích, đam mê, bộc lộ và điều chỉnh cá tính, giá trị, nhận ra chính mình cũng như khuynh hướng phát triển bản thân; hỗ trợ và cùng với các hoạt động dạy học trong chương trình giáo dục thực hiện tốt nhất mục tiêu giáo

dục. Hoạt động này nhấn mạnh sự trải nghiệm, thúc đẩy năng lực sáng tạo của người học và được tổ chức một cách linh hoạt, sáng tạo [12].

Nhìn chung, dù được diễn đạt bằng những cách khác nhau nhưng các tác giả đều thống nhất ở một điểm, coi hoạt động trải nghiệm sáng tạo là hoạt động giáo dục, được tổ chức theo phương thức trải nghiệm và sáng tạo nhằm góp phần phát triển toàn diện nhân cách học sinh.

Trên cơ sở phân tích các khái niệm (thuật ngữ) liên quan, từ các góc độ nghiên cứu khác nhau, có thể đưa ra nhiều cách định nghĩa khác nhau về hoạt động trải nghiệm sáng tạo như sau:

Theo nghĩa chung nhất: “Hoạt động trải nghiệm sáng tạo là hoạt động giáo dục, trong đó nội dung và cách thức tổ chức tạo điều kiện cho từng học sinh được tham gia trực tiếp và làm chủ thể của hoạt động, tự lên kế hoạch, chủ động xây dựng chiến lược hành động cho bản thân và cho nhóm để hình thành và phát triển những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị, kỹ năng sống và những năng lực cần có của công dân trong xã hội hiện đại, qua hoạt động học sinh phát huy khả năng sáng tạo để thích ứng và tạo ra cái mới, giá trị cho cá nhân và cộng đồng”.

Nếu quan niệm hoạt động trải nghiệm sáng tạo là một hình thức tổ chức hoạt động - “CÁCH” thì có thể hiểu: Hoạt động trải nghiệm sáng tạo là một trong số những hình thức dạy học, giáo dục, để tổ chức các hoạt động giáo dục (hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục), mà học sinh được tham gia trực tiếp để chiếm lĩnh tri thức, kỹ năng, kỹ xảo hình thành và phát triển năng lực của bản thân” [6].

Trong khi tham gia hoạt động người học phải khai thác được những kinh nghiệm, vốn sống đã có kết hợp với những trải nghiệm mới để hình thành những phẩm chất, năng lực mới, giá trị mới và tạo ra những sản phẩm (vật chất, tinh thần) có giá trị đối với bản thân và đối với người khác.

Nếu hiểu hoạt động trải nghiệm sáng tạo là một nội dung giáo dục - “CÁI” thì có thể quan niệm: Hoạt động trải nghiệm sáng tạo là tổng hòa các nội dung giáo dục, bao gồm: đời sống xã hội, văn hoá - nghệ thuật, thể thao, vui chơi giải trí, khoa học kỹ thuật công nghệ, lao động hướng nghiệp, được nhà giáo dục thiết kế theo mục tiêu phát triển toàn diện nhân cách học sinh [6].

Nếu hiểu hoạt động trải nghiệm sáng tạo theo nghĩa là bản chất của một hoạt động thì có thể quan niệm: Hoạt động trải nghiệm sáng tạo là một hoạt động có mục đích, có đối tượng... trong đó:

+ Chủ thể hoạt động trải nghiệm sáng tạo là: Học sinh và các lực lượng có liên quan (trong đó giáo viên giữ vai trò chủ đạo).

+ Đối tượng của hoạt động trải nghiệm sáng tạo là: Tri thức, kinh nghiệm xã

hội, giá trị (bao gồm cả giá trị sống), kỹ năng xã hội (bao gồm cả kỹ năng sống).

+ Mục tiêu của hoạt động trải nghiệm sáng tạo là: Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả.

+ Kết quả hoạt động trải nghiệm sáng tạo: Hệ thống các kỹ năng xã hội, năng lực xã hội, phẩm chất đạo đức, giá trị sống.

Nếu coi hoạt động trải nghiệm sáng tạo có giá trị tương đương với một môn học (theo cách quan niệm trong dự thảo đổi mới chương trình giáo dục phổ thông), có thể quan niệm: Hoạt động trải nghiệm sáng tạo là một hợp phần quan trọng trong chương trình giáo dục phổ thông, với tư cách như là một môn học, có nội dung chương trình cụ thể, phương pháp, đánh giá... được các nhà sư phạm thiết kế, nhằm mục tiêu phát triển toàn diện nhân cách học sinh, đặc biệt nhấn mạnh tạo điều kiện để người học trực tiếp tham gia các loại hình hoạt động giáo dục, phát huy năng lực sáng tạo.

Như vậy, hoạt động trải nghiệm sáng tạo được coi là một không gian giáo dục trong nhà trường phổ thông, trong đó có sự tích hợp nội dung học lập trong nhà trường từ các môn học gắn với kinh nghiệm của bản thân học sinh trong cuộc sống và năng lực sở trường của học sinh trong từng lĩnh vực để thích nghi với cuộc sống thực đang diễn ra bên trong và bên ngoài nhà trường. Đó cũng là không gian được tổ chức các hoạt động giáo dục đa dạng như giáo dục định hướng nghề nghiệp, các hoạt động giáo dục phát triển năng lực chuyên biệt, khác biệt cho các nhóm học sinh, gắn hoạt động của nhà trường với cuộc sống, tạo sự liên kết đa dạng giữa các môn học trong những tình huống thực tiễn, xây dựng các giá trị cuộc sống cho công dân theo định hướng các kỹ năng mềm mà trong các môn học không thể chuyển tải được, tổ chức các hoạt động giáo dục định hướng công dân... Đặc biệt không gian của hoạt động trải nghiệm sáng tạo cũng được tối ưu hoá qua việc dạy học bộ môn khi tổ chức các hoạt động khám phá khoa học, phát huy năng lực sáng tạo cần không gian và thời gian lớn vượt ngoài khuôn khổ cho phép của từng môn học riêng lẻ.

1.2.4. Giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo

Giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo là một hoạt động giáo dục được thực hiện dưới các hình thức phong phú và đa dạng, trong đó HS được tiếp xúc và mở rộng ứng dụng thực tế, trải nghiệm được nhiều vấn đề trong thực tiễn cuộc sống, đồng thời gây hứng thú trong học tập và có vai trò to lớn trong việc phát triển năng lực cá nhân, giúp các em có sự trải nghiệm một cách toàn diện trong mọi mặt của đời sống xã hội.

Giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo là nhà giáo

dục tổ chức, thiết kế các hoạt động giáo dục phong phú, đa dạng gắn hoạt động của nhà trường với cuộc sống, tạo sự liên kết đa dạng giữa các tri thức khoa học với trong những tình huống thực tiễn, tạo cho học sinh cơ hội rèn luyện, trải nghiệm trong cuộc sống thực tiễn, từ đó giúp các em làm chủ bản thân, ứng xử tích cực với mọi người và giải quyết có hiệu quả các tình huống, các vấn đề trong thực tiễn.

1.3. Lý luận về giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ở các trường tiểu học

1.3.1. Đặc điểm giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học

Theo tác giả Nguyễn Thị Tính, giáo dục KNS có một số đặc điểm sau [17]:

1.3.1.1. GDKNS là quá trình giáo dục có mục đích, nội dung, kế hoạch và biện pháp cụ thể

Mục đích cuối cùng của GDKNS là giúp người học có được cuộc sống thành công và hiệu quả khi tham gia vào các hoạt động hàng ngày. Do đó, GDKNS là một quá trình lâu dài, phức tạp, đòi hỏi nhiều lực lượng tham gia. Nội dung GDKNS rất phong phú, nó có thể gắn với việc giáo dục để con người có được hành động làm chủ bản thân; thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống; giáo dục cách sống, cư xử với người khác; giáo dục lối sống lạc quan, tự tin...

Nội dung GDKNS rất phong phú. Ngoài những KNS chung cần thiết cho tất cả mọi người như: KN làm chủ bản thân, KN giao tiếp, KN xác định giá trị, KN kiên định..., nó còn có các KNS gắn với những vấn đề cụ thể của cuộc sống hàng ngày như: vấn đề vệ sinh, dinh dưỡng, phòng chống HIV/AIDS, vấn đề dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản... Đối với các đối tượng khác nhau, nội dung GDKNS là khác nhau, nó thay đổi và phụ thuộc vào đặc điểm địa lí, văn hóa, lứa tuổi...

GDKNS là một quá trình lâu dài, phức tạp, đòi hỏi phải kết hợp nhiều lực lượng giáo dục, nhiều đối tượng cùng tham gia. Nó không phải chỉ tiến hành trong một vài ngày mà cần được xây dựng nội dung và lập kế hoạch rõ ràng, trên cơ sở đó tiến hành theo các biện pháp cụ thể.

1.3.1.2. GDKNS phải dựa trên nền tảng của GD giá trị

GDKNS nhằm trang bị cho người học những kiến thức, giá trị, thái độ và kỹ năng phù hợp để hướng đến việc hình thành những hành vi, thói quen lành mạnh, tích cực; loại bỏ các hành vi, thói quen tiêu cực xung quanh các mối quan hệ, các tình huống và hoạt động hàng ngày của con người. Do đó, việc GDKNS cần phải định hướng và hình thành cho trẻ những giá trị sống đúng đắn để từ đó trẻ biết nhìn nhận và đánh giá cái đúng/ cái sai; biết đặt ra mục tiêu và lí tưởng sống đúng đắn để từ đó rèn luyện được khả năng đứng vững trước những lời kéo, rủ rê của bạn bè và người xấu; cư xử đúng mực, giao tiếp có hiệu quả với những người xung quanh; khả năng quan sát, phân tích, suy nghĩ, đánh giá để đối phó và giải quyết được các tình huống khác nhau của đời sống xã hội một cách có hiệu quả...

Như vậy, GDKNS và GD giá trị có mối quan hệ gắn kết chặt chẽ với nhau, GD giá trị sẽ tạo ra nền tảng, định hướng cho việc thể hiện thái độ và hành vi của mỗi cá nhân. Nó chi phối đến hành động của chủ thể, đến việc chủ thể ra các quyết định để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống hàng ngày. Do đó có thể nói rằng, tất cả các quyết định của con người đều dựa trên giá trị, GDKNS là quá trình phải được tiến hành song song với GD giá trị, nó cũng tuân theo những nguyên tắc của GD giá trị.

1.3.1.3. GDKNS có tính linh hoạt cao

GDKNS luôn gắn liền với hành động của con người trong thực tiễn cuộc sống với sự vận động và biến đổi khác nhau. Chính vì vậy, GDKNS không phải là bất động, nó biến đổi và vận động linh hoạt cùng những diễn biến, vận động của xã hội. Tùy theo không gian, thời gian, đối tượng, hoàn cảnh khác nhau mà mục đích, nội dung, biện pháp GDKNS cũng khác nhau: KNS của người miền núi khác với KNS của người miền biển; KNS của học sinh tiểu học khác với KNS của học sinh trung học phổ thông.

1.3.1.4. GDKNS gắn liền với việc trải nghiệm và sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học tích cực

GDKNS không phải chỉ đơn thuần là việc truyền giảng những vấn đề lí thuyết, lí luận chung chung mà là quá trình rất phức tạp, đòi hỏi người học phải được cung cấp cơ hội để được trải nghiệm, vận dụng những kiến thức đã học vào việc giải quyết các vấn đề cụ thể của thực tiễn. Thông qua hoạt động trải nghiệm, người học sẽ được rèn luyện các KNS, từ đó có nhận thức rõ ràng hơn về vai trò, vị trí của bản thân; rút ra được nhiều kinh nghiệm sống khi tiếp xúc, quan hệ với người khác; giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống hàng ngày một cách linh hoạt, tích cực hơn.

Khác với các quá trình giáo dục khác, việc sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học tích cực có vai trò to lớn trong việc GDKNS thông qua dạy học các môn học. Nó không chỉ kích thích được hứng thú, giúp học sinh phát huy khả năng tự học, độc lập khám phá tri thức của môn học mà nó còn tạo cơ hội để người học được “học cách học”, qua đó được rèn luyện một số KNS chung, cơ bản như: KN giao tiếp trong trình bày, phát biểu ý kiến; KN lắng nghe ý kiến người khác; KN hợp tác làm việc tập thể; KN tư duy phê phán trước một vấn đề; KN ra quyết định...

1.3.2. Nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học

1.3.2.1. Đảm bảo sự tương tác cao cho người học

GDKNS phải tạo điều kiện và cơ hội để người học được hoạt động trong môi trường học tập có sự giao tiếp và tương tác tích cực. GDKNS phải tạo điều kiện cho trẻ quan sát, đóng vai, tạo ra sự tương tác giữa những người học với nhau và với các cá nhân khác trong xã hội. Thông qua quá trình tương tác với bạn học và những người xung quanh, học sinh sẽ có dịp thể hiện các ý tưởng của mình, xem xét ý tưởng của

người khác, được đánh giá và tự xem xét lại những kinh nghiệm sống của cá nhân. Vì vậy, việc tổ chức các hoạt động có tính chất tương tác cao trong nhà trường tạo cơ hội quan trọng để GDKNS hiệu quả, đặc biệt là các nhóm KN giao tiếp, KN xác định giá trị, KN ra quyết định, KN giải quyết vấn đề.

1.3.2.2. Đảm bảo cho học sinh được trải nghiệm

Nội dung GDKNS tập trung giáo dục cho người học khả năng vận dụng kiến thức và thể hiện giá trị bản thân trong những tình huống cụ thể hàng ngày thông qua quá trình cá nhân tương tác với người khác. GDKNS phải tạo ra cơ hội để trẻ bộc lộ được vốn kinh nghiệm, hiểu biết đã có của bản thân xung quanh việc giải quyết những vấn đề của cuộc sống. Từ đó, trẻ biết chọn lọc, kế thừa những hiểu biết, kinh nghiệm đúng vào việc thay đổi hành vi tiêu cực, hình thành hành vi tích cực.

Chính vì vậy, trong quá trình GDKNS, giáo viên cần thiết kế và tổ chức thực hiện các hoạt động gắn kết ở cả trong và ngoài giờ học, nhằm tạo cơ hội để học sinh được thể hiện ý tưởng cá nhân, tự trải nghiệm bản thân và biết phân tích kinh nghiệm sống của chính mình và người khác. Đối với HSTH, việc trải nghiệm có thể được tiến hành ở trên lớp thông qua việc tham gia xử lý các tình huống, thực hiện các trò chơi (đặc biệt đóng vai) gắn với thực tế cuộc sống. Nó cũng có thể được tổ chức thông qua việc yêu cầu học sinh thực hiện những hành động cụ thể ở gia đình, ở địa phương gắn với nội dung các bài học.

Thông qua việc thực hiện các hoạt động, giải quyết các vấn đề gắn với thực tiễn, người học bộc lộ cảm xúc của bản thân; phân tích về những gì bản thân họ đã làm và những gì họ thấy; suy đoán về các hành động có thể thay thế để giải quyết vấn đề hợp lý hơn, hiệu quả hơn phù hợp với tình hình thực tế.

1.3.2.3. Đảm bảo tiến trình thực hiện

Bản chất của GDKNS là rèn luyện kỹ năng. Do đó, nó không chỉ đơn thuần là việc hình thành cho người học có được những kiến thức về các mối quan hệ, các hoạt động trong cuộc sống; hiểu được mối quan hệ giữa giá trị cá nhân với các giá trị chung mà hơn cả là hình thành và rèn luyện cho người học có được kỹ năng thực hiện các hành động tích cực trong các mối quan hệ với bản thân, người khác và với cộng đồng xã hội. Chính vì vậy, GDKNS cần đảm bảo tiến trình của việc hình thành KN, tức là phải đi từ việc học sinh hình thành kiến thức, nhận biết các giá trị đến việc thực hành, vận dụng và rèn luyện trong thực tiễn.

1.3.2.4. Đảm bảo hình thành và thay đổi hành vi.

Hành vi của mỗi người là kết quả của tri thức, thái độ... và có thể coi đó là kết quả cao nhất, khó nhất cần phải đạt được trong GDKNS. Giáo dục KNS cần phải định

hướng vào việc hình thành cho học sinh những giá trị sống đúng đắn, từ đó giúp các em có khả năng đứng vững trước những lôi kéo, rủ rê của bạn bè và người xấu; cư xử đúng mực, giao tiếp có hiệu quả với những người xung quanh; Khả năng quan sát, phân tích, suy nghĩ, đánh giá để đối phó và giải quyết được các tình huống khác nhau của đời sống xã hội một cách có hiệu quả... Kết quả của GDKNS được thể hiện thông qua những hành vi của chủ thể khi họ tham gia vào những tình huống khác nhau của thực tiễn cuộc sống và GDKNS hiệu quả là phải làm cho chủ thể biết phân tích cái đúng/cái sai; cái tốt/cái xấu một cách đúng đắn, từ đó hình thành mong muốn và thực hiện điều chỉnh hành vi để hướng đến những hành vi tích cực.

1.3.3. Các con đường giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học

Giáo dục KNS trong nhà trường tiểu học không được tổ chức thành một môn học hay một lĩnh vực học tập cụ thể mà được thực hiện qua các con đường cơ bản sau:

1.3.3.1. Giáo dục KNS qua dạy học các môn học

Để thực hiện GDKNS qua dạy học các môn học, giáo viên có thể thực hiện theo hai cách tiếp cận:

Thứ nhất là khai thác nội dung môn học, lựa chọn những bài học phù hợp với đối tượng học sinh để GDKNS. Trên cơ sở mục tiêu, nội dung môn học; đặc điểm học tập, sinh hoạt của đối tượng học sinh; môi trường địa phương... giáo viên lựa chọn những bài học có nội dung gần gũi với đối tượng học sinh để GDKNS.

Trong nhà trường tiểu học hiện nay, một số môn học như: môn Đạo đức, môn Tự nhiên và Xã hội (ở các lớp 1, lớp 2, lớp 3), môn Khoa học (ở lớp 4, lớp 5), môn Tiếng Việt được coi là những môn học có nhiều tiềm năng để giáo viên có thể khai thác nhằm GDKNS. Môn Đạo đức, trên cơ sở hướng tới mục tiêu cao nhất là hình thành cho HSTH những tri thức, kỹ năng và thái độ đúng đắn liên quan đến các chuẩn mực hành vi đạo đức thì hầu hết tất cả các bài học đạo đức đều có tiềm năng để giáo dục KN giao tiếp, KN xác định giá trị, KN ra quyết định... Môn Tự nhiên và Xã hội, môn Khoa học được xây dựng dựa trên quan điểm tích hợp các nội dung của khoa học tự nhiên với khoa học về sức khỏe, dân số, môi trường. Nội dung môn học được lựa chọn thiết thực, gần gũi và có ý nghĩa với học sinh, giúp các em có thể vận dụng những kiến thức khoa học vào cuộc sống hàng ngày. Do đó, đây cũng là những môn học chú trọng nhiều đến giáo dục các KNS: kỹ năng tự nhận thức, đánh giá bản thân; KN tự tin, trình bày vấn đề thuyết phục; KN kiên định; KN đặt mục tiêu; KN ra quyết định và giải quyết vấn đề liên quan đến việc tự chăm sóc sức khỏe, xây dựng hành vi sống tích cực cho bản thân, gia đình và cộng đồng... Môn Tiếng Việt ở nhà trường tiểu học có nhiệm vụ hình thành và phát triển ở học sinh các kỹ năng sử dụng tiếng Việt (nghe, nói, đọc, viết) để học tập và giao tiếp trong các môi trường hoạt động của lứa tuổi. Thông qua

hoạt động dạy và học môn Tiếng Việt, góp phần mở rộng hiểu biết về tự nhiên, xã hội và con người, đồng thời phát triển ở HS các kỹ năng giao tiếp với cộng đồng, xã hội; KN nhận thức về thế giới xung quanh; KN xác định và xây dựng hệ thống giá trị riêng cho bản thân; KN ra quyết định giải quyết vấn đề.

Thứ hai là tăng cường sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực trong các môn học để GDKNS. Trong môn Đạo đức, để hình thành các chuẩn mực hành vi đạo đức cho học sinh thì các phương pháp học tập chủ động như: động não, đóng vai, thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, rèn luyện... thường xuyên được sử dụng, điều này góp phần làm cho việc GDKNS trở nên dễ dàng và hiệu quả hơn. Môn Tự nhiên và Xã hội, môn Khoa học chú trọng đến việc hình thành và phát triển các kỹ năng trong học tập như quan sát, thảo luận, nêu nhận xét, thắc mắc, đặt câu hỏi và diễn đạt hiểu biết của bản thân về các sự vật, hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và trong xã hội. Do vậy, khi tham gia các hoạt động trong môn học, HS sẽ có nhiều cơ hội để rèn luyện KN giao tiếp, hợp tác, làm việc tập thể... Môn Tiếng Việt hướng đến việc tổ chức cho học sinh thực hành giao tiếp, tổ chức các hoạt động nhóm, trò chơi học tập, giải quyết vấn đề... Qua đó, học sinh được tăng cường trải nghiệm, rèn luyện kỹ năng hợp tác, bày tỏ ý kiến cá nhân,...

1.3.3.2. GDKNS thông qua các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

“Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp là hoạt động được tổ chức ngoài giờ học các môn học. Có thể coi đó là hoạt động nối tiếp và thống nhất hữu cơ với các hoạt động giáo dục trong giờ học trên lớp”. Nó là cầu nối giữa công tác giảng dạy trên lớp với công tác giáo dục học sinh ngoài lớp. Hoạt động ngoài giờ lên lớp tạo điều kiện để HS thực hành và tăng cường những KNS theo những cách thức phù hợp với từng nhóm đối tượng và từng vùng. Chẳng hạn như: hoạt động kỉ niệm các ngày lễ lớn; hoạt động học tập và tìm hiểu những truyền thống tốt đẹp của trường, của địa phương; hoạt động kết nghĩa, giao lưu với các trường bạn, các đơn vị bộ đội; các hoạt động tìm hiểu về các danh nhân, các nhà khoa học; nghe nói chuyện về các thành tựu khoa học kỹ thuật, các ngành nghề trong xã hội; thử làm các đồ dùng học tập, dụng cụ trực quan, ...; kể cả những hoạt động đơn giản thường nhật như: trực nhật, vệ sinh lớp học, sân trường; sửa bồn hoa, chăm sóc cây cảnh trang trí lớp, tham gia các công trình măng non, ..

Thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp, theo mỗi ngày, mỗi tháng, mỗi năm, HSTH được phát triển toàn diện. Các em tiếp nhận không chỉ tri thức, mà còn hình thành đạo đức, sức khỏe, thẩm mỹ và rèn các KNS cơ bản trong cộng đồng; thích ứng với những đổi mới diễn ra hằng ngày trong gia đình, xã hội hiện đại như : Giao tiếp, ứng xử với những người trong gia đình: ông, bà, cha, mẹ, anh chị em; với người trên và bạn bè ở trường, ở phường, xã, xóm, thôn; biết kính trọng thầy giáo, cô giáo; biết

cảm thông chia sẻ, giúp đỡ bạn bè,...; biết thương lượng, chia sẻ, hợp tác, thích nghi với sự đa dạng về văn hoá gia đình, nhà trường, địa phương; hình thành được các kỹ năng tư duy như sáng tạo, phê phán, giải quyết vấn đề, ra quyết định, phát triển trí tưởng tượng,...

Trong nhà trường tiểu học hiện nay, GDKNS có thể được thực hiện qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp với hình thức cơ bản sau:

Thứ nhất, GDKNS qua hình thức sinh hoạt theo chủ điểm với các nội dung như: cuộc thi, hoạt động tập thể, sinh hoạt văn nghệ, thực hiện các hành động “người thật, việc thật”...qua đó góp phần rèn luyện cho HS các KN làm việc nhóm, KN tự tin, KN ra quyết định giải quyết vấn đề...

Thứ hai, GDKNS qua các buổi sinh hoạt tập thể, bao gồm: sinh hoạt lớp, chào cờ, sinh hoạt Đội, Sao. Ở tiểu học, những tiết này được quy định rõ ràng trong thời khóa biểu. Nội dung các tiết sinh hoạt tập thể không chỉ là đánh giá các công việc, các hoạt động của lớp được diễn ra trong tuần, tháng, học kì; phổ biến các hoạt động của trường tới từng lớp một cách kịp thời và chính xác mà còn là thời gian để tổ chức các hoạt động lao động công ích, các hoạt động xã hội, triển khai giáo dục an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, phòng chống tệ nạn xã hội... Do đó, buổi sinh hoạt tập thể là những cơ hội rất tốt để nhà trường có thể rèn luyện cho học sinh các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lập kế hoạch, đặt mục tiêu, kỹ năng làm việc nhóm,...

1.3.3.3. GDKNS thông qua các hoạt động trải nghiệm

Hoạt động trải nghiệm mang tính tự chọn tùy theo điều kiện của từng trường, từng địa phương và khả năng của học sinh mà lựa chọn những nội dung hoạt động cho phù hợp. Nội dung và hình thức hoạt động trải nghiệm phải phù hợp với nhu cầu và khả năng của học sinh, đảm bảo gây được hứng thú và sáng tạo trong hoạt động của các em. Chính vì thế hoạt động trải nghiệm có thể thu hút hứng thú của học sinh và giúp các em rèn luyện được các KNS cho bản thân. Một số hình thức hoạt động trải nghiệm có nhiều tiềm năng để GDKNS cho HSTH như: Sinh hoạt câu lạc bộ theo chủ đề; Giao lưu văn hoá giữa các nhóm, các lớp hoặc với địa phương; Vui chơi giải trí với nhiều loại trò chơi khác nhau như: trò chơi vui khoẻ, trò chơi dân gian...; Sinh hoạt văn nghệ, tổ chức các cuộc thi; Tổ chức các hoạt động thể dục thể thao; Tham gia các hoạt động xã hội với nội dung về giáo dục pháp luật, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục dân số, môi trường, các hoạt động tuyên truyền, cổ vũ phong trào ở địa phương,...

1.4. Những vấn đề cơ bản về giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học

1.4.1. Đặc điểm học sinh dân tộc thiểu số cấp tiểu học

1.4.1.1. Đặc điểm tâm lý

Do sống từ nhỏ với thiên nhiên và không gian rộng lớn xung quanh nên nhận thức cảm tính của học sinh dân tộc phát triển khá tốt. Cảm giác, tri giác của các em có những nét độc đáo, tuy nhiên còn thiếu toàn diện, cảm tính, mơ hồ, không thấy được bản chất của sự vật hiện tượng. Quá trình tri giác thường gắn với hành động trực tiếp, sờ mó, gắn với màu sắc hấp dẫn của sự vật đã tạo ra hưng phấn xúc cảm ở học sinh. Đối tượng tri giác của học sinh dân tộc chủ yếu là sự vật gần gũi, cây con, thiên nhiên. Do vậy, trong quá trình giáo dục nói chung và GDKNS nói riêng cần tổ chức cho các em các hình thức học tập đa dạng như: tham quan, ngoại khoá, nghiên cứu tài liệu, tăng cường cách dạy học trực quan,.. để tạo tiền đề cho quá trình nhận thức ở mức độ cao hơn, chính xác hơn [14].

Ngoài ra, trạng thái chú ý không bền khi giao tiếp, đặc biệt trong các giờ học chính khoá, sự chú ý nhiều khi mang tính chất hình thức, tuân theo kỉ luật, nhưng thực chất học sinh không tập trung tư tưởng. Về tư duy, đặc điểm nổi bật trong tư duy của học sinh dân tộc là thói quen ngại suy nghĩ, ngại động não. Thông qua các hoạt động và giao tiếp ở những tình huống khác nhau, cảm xúc thái độ của học sinh dân tộc bộc lộ một cách khá sâu sắc. Trong quan hệ cộng đồng, quan hệ xã hội, các em coi trọng tín nghĩa, thẳng thắn, yêu ghét rạch ròi. Tình cảm của học sinh dân tộc thầm kín, ít biểu hiện ra ngoài một cách mạnh mẽ. Mặc dầu chịu ảnh hưởng từ nhỏ điều kiện sống khó khăn, nhưng học sinh dân tộc có tính cách riêng, yêu lao động, quý trọng tình thầy trò, tình bạn, trung thực, dũng cảm.

1.4.1.2. Đặc điểm nhu cầu

Đến trường đi học đối với học sinh dân tộc nói riêng là sự thay đổi căn bản của hoạt động chủ đạo. Lúc này, nhận thức của các em có sự chuyển biến tích cực, ý thức về mình là học sinh, là những cán bộ tương lai của địa phương, đất nước. Bên cạnh đó, những tác động bên ngoài có vai trò quan trọng vì nó đáp ứng nhu cầu của học sinh. Nhu cầu được khen, có được uy tín trước bạn bè, hoặc nhu cầu được chơi, hoạt động ngoại khoá... đều có tác dụng tích cực đối với hoạt động học tập của học sinh dân tộc [14].

Trong môi trường học tập mới ở trường phổ thông, hoạt động của bản thân học sinh là động lực để thúc đẩy các em trở thành thành viên của xã hội, phát triển nhân cách. Các dạng hoạt động khác như: học tập, vui chơi, hoạt động xã hội... đều thông qua giao lưu quan hệ với người khác (thầy - trò, bạn bè, gia đình, xã hội...). Trong đó, đặc điểm quan trọng của học sinh là nhu cầu tự khẳng định mình trong học tập và rèn luyện ngày càng chiếm ưu thế. Sự phát triển nhu cầu của học sinh dân tộc cũng diễn ra theo quy luật chung: từ những quá trình và chức năng trực tiếp thành gián tiếp từ không chủ định thành chủ định, từ chưa có ý thức trở thành có ý thức.

1.4.1.3. Đặc điểm giao tiếp

Do tính chất đặc thù, trong giao tiếp ở gia đình và ở trường, HSTH người DTTS sử dụng cả hai ngôn ngữ: tiếng mẹ đẻ và tiếng Việt, trong đó, ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ vẫn là ngôn ngữ được sử dụng phổ biến hơn. Trước khi đến trường, học sinh dân tộc đã được tiếp xúc với cộng đồng dân tộc, tiếp thu truyền thống, phong tục tập quán của dân tộc mình. Môi trường giao tiếp hẹp, đối tượng giao tiếp chủ yếu trong gia đình, làng bản nhưng có sức hấp dẫn lớn đối với học sinh. Do đó, lối nói, cách nghĩ, hành vi của học sinh dân tộc có những nét riêng.

Học sinh DTTS rất thẳng thắn, bình đẳng khi giao tiếp với người thân, với bạn, lời nói của các em ít quan tâm đến chủ ngữ, hay nói trong không, với giáo viên ít thưa gửi. Gặp người lạ các em khó tiếp xúc, ngại trao đổi, chủ yếu là tò mò quan sát. Mặc dù cư trú xen kẽ với nhiều dân tộc khác, tiếp xúc với nhiều nguồn ảnh hưởng, song không làm biến đổi lớn về phong cách giao tiếp của học sinh dân tộc. Do vậy, quá trình giao tiếp của học sinh DTTS (đặc biệt là HSTH) trong môi trường trường học nói riêng và môi trường xã hội nói chung còn nhiều khó khăn và hạn chế [14].

1.4.2. Yêu cầu đối với việc tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong giáo dục KNS cho học sinh tiểu học

+ Tính tham gia trực tiếp của học sinh vào từng hoạt động: học sinh tự biến đổi mình, tự làm phong phú mình bằng cách thu lượm và xử lý thông tin từ môi trường xung quanh. HS được trải qua các hoạt động thực tiễn, được trực tiếp tham gia hoạt động trong các tình huống dạy học và giáo dục cụ thể.

+ Tính tự chủ của học sinh trong kế hoạch và hành động của cá nhân: Thông qua các hoạt động thực hành, những việc làm cụ thể, học sinh sẽ phát huy vai trò cụ thể, tính tích cực, chủ động, tự giác và sáng tạo của bản thân. Các em được tham gia vào tất cả các khâu của quá trình hoạt động từ thiết kế, chuẩn bị, thực hiện và đánh giá kết quả.

+ Tính tập thể của học sinh: Đảm bảo bầu không khí tâm lý cởi mở và tin tưởng trong tập thể hoạt động (Đó là một môi trường cho sự tự do tư tưởng, tự do tranh luận, khuyến khích việc nảy sinh ý tưởng thông qua hoạt động tương tác giữa các cá nhân với nhau diễn ra trong quá trình học tập hay làm việc cùng nhau).

+ Tính tiếp cận với môi trường cuộc sống trong và ngoài nhà trường: Để thực hiện được các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nhà trường phải xác định rõ mục tiêu của hoạt động để từng cá nhân học sinh được tham gia trực tiếp vào các hoạt động thực tiễn khác nhau của đời sống gia đình, nhà trường cũng như ngoài xã hội với tư cách là chủ thể của hoạt động.

+ Tính sáng tạo để thích ứng và tạo ra cái mới, giá trị mới cho bản thân. Hoạt

động trải nghiệm đòi hỏi tính sáng tạo mà kết quả của trải nghiệm là hình thành được kinh nghiệm mới (kiến thức - hiểu biết mới, năng lực mới, thái độ, giá trị mới,..)

+ Tính trọn vẹn của hoạt động thực tiễn;

+ Học sinh được khẳng định giá trị bản thân qua huy động kinh nghiệm và năng lực của mình: Người học được thử nghiệm, thể nghiệm bản thân trong thực tế giờ học, từ đó hiểu mình hơn và tự phát hiện những khả năng của bản thân mình.

+ Học sinh hình thành các ý thức, phẩm chất cùng chung sống và sống có trách nhiệm với bản thân và xã hội;

+ Học sinh được tiếp cận với các giá trị cuộc sống trong các tình huống thực tiễn.

1.4.3. Mục tiêu, nội dung giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số

1.4.3.1. Mục tiêu giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số

Mục tiêu giáo dục của Việt Nam đã chuyển từ cung cấp kiến thức là chủ yếu sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học, hình thành và phát triển những năng lực cần thiết ở người học, trong đó các kỹ năng là một thành phần quan trọng để đáp ứng yêu cầu đổi mới đất nước. HS không chỉ cần có kiến thức, mà còn phải biết làm, biết hành động phù hợp trong những tình huống, hoàn cảnh. Thông qua HĐTNST cần hình thành ở học sinh tiểu học:

- HS tiếp thu kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp.

+ Về kiến thức: Học sinh nhận thức và tự nhận thức về tầm quan trọng của kỹ năng sống.

+ Về kỹ năng: Hình thành ở HS những hành vi, thói quen lành mạnh, tích cực; đồng thời loại bỏ những hành vi, thói quen tiêu cực trong các mối quan hệ, các tình huống và hoạt động hàng ngày.

+ Về thái độ: Học sinh hiểu được những tác động mà hành vi và thái độ của mình có thể gây ra, có thái độ và hành vi tích cực đối với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội, đối với các vấn đề của cuộc sống trong mọi mối quan hệ của bản thân.

- Tạo cơ hội thuận lợi để HS thực hiện tốt quyền, bổn phận của mình và phát triển hài hoà về các mặt thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức.

1.4.3.2. Nội dung giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số

Để việc giáo dục KNS cho học sinh đạt hiệu quả cần phải thay đổi tư duy, tiếp đó là tiến hành nhiều giải pháp đồng bộ. Mục đích quan trọng nhất của giáo dục KNS

là hình thành nhân cách cho học sinh, trang bị và rèn luyện cho học sinh những kỹ năng tương ứng, cần thiết nhất để các em có thể thích ứng với cuộc sống của xã hội thời hiện đại, luôn có những thay đổi trong điều kiện của một xã hội đang trên đà phát triển và hội nhập. Với mỗi đối tượng khác nhau thì nội dung GDKNS cũng được thực hiện một cách khác nhau. Vì vậy, để thực hiện giáo dục KNS đạt hiệu quả thì việc xây dựng nội dung thực hiện rất quan trọng, trên cơ sở đó người giáo dục sẽ có được định hướng cần phải làm gì để có thể đưa ra cách thực hiện cụ thể.

Hệ thống KNS thông qua HĐTNST có thể giáo dục cho học sinh DTTS ở các trường tiểu học [15]:

- Kỹ năng tự nhận thức: là tự mình nhìn nhận và đánh giá về bản thân. Đối với HSDTTS, các em chưa đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân; chưa biết đặt ra mục tiêu phấn đấu cho bản thân. Vì vậy, cần giáo dục cho các em:

+ Tự nhận thức được sự trưởng thành của cơ thể. (giải thích được tại sao có sự phát triển và lớn lên của cơ thể.

+ Tự nhận thức được các vấn đề về sức khỏe của cá nhân

+ Tự nhận thức được các vấn đề về chăm sóc sức khỏe

+ Tự nhận thức được vai trò của mình trong tập thể, trong gia đình, cộng đồng.

+ Nhận thức được các bệnh thường gặp của bản thân, gia đình và cộng đồng

- Kỹ năng ra quyết định: Xác định tìm kiếm các lựa chọn, giải quyết vấn đề, ứng phó, thương lượng. Đa phần HSDTTS chưa tự tin vào bản thân khi đưa ra quyết định một vấn đề nào đó. Vì vậy kết quả của việc GD kỹ năng ra quyết định cho HS giúp các em:

+ Thực hiện các hành động, việc làm để vệ sinh, bảo vệ môi trường sống.

+ Thực hiện phòng chống một số bệnh thường gặp trong cộng đồng người DTTS: bệnh sốt xuất huyết, bệnh viêm phổi, bệnh sốt rét...

+ Ra quyết định lựa chọn những hành động để đảm bảo an toàn khi ở nhà, ở trường, trên đường đi học.

- Kỹ năng tự tin, chủ động, trình bày, nêu vấn đề

Đa phần HSDTTS có thể đưa ra ý kiến của mình khi đưa ra một vấn đề nào đó liên quan đến nội dung môn học hay hoạt động khác nhưng các em không tự tin vào bản thân, không chủ động, hăng hái tham gia phát biểu. Các em chỉ đưa ra ý kiến của mình khi có sự tác động của giáo viên. Vì thế, khi GD kỹ năng tự tin, chủ động trình bày nêu vấn đề sẽ giúp các em:

+ Chủ động, hăng hái tham gia phát biểu, đóng góp ý kiến trong các hoạt động học tập cũng như ngoài giờ;

+ Tự tin vào bản thân, không rụt rè khi trình bày phát biểu ý kiến về một vấn đề nào đó liên quan đến nội dung môn học hay các hoạt động khác.

+ Có khả năng sử dụng kết hợp các ngôn ngữ cơ thể như: ánh mắt, cử chỉ, nét mặt, điệu bộ phù hợp để nêu quan điểm của bản thân, trình bày một cách thuyết phục về vấn đề nào đó.

- Kỹ năng kiềm chế cảm xúc và làm chủ bản thân

Hầu như HSĐTTS không thể tự kiềm chế cảm xúc tiêu cực của bản thân khi có sự mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với người khác. Bởi vậy GD kỹ năng này giúp:

+ HS có khả năng vượt qua sợ hãi.

+ Tự kiềm chế cảm xúc tiêu cực của bản thân để có những lời nói tích cực khi có sự mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với các bạn khác khi tham gia các hoạt động.

+ HS xác định và đạt được mục tiêu của bản thân

+ HS biết quản lý thời gian và đảm nhận trách nhiệm của mình

- Kỹ năng hợp tác - làm việc nhóm

Học sinh DTTS rất có ý thức làm việc nhóm khi GV yêu cầu nhưng còn bị động, chưa chủ động nêu ý kiến trong các hoạt động nhóm. GD kỹ năng này giúp các em:

+ Sống tốt trong môi trường tập thể

+ Tôn trọng mục đích, mục tiêu chung của nhóm

+ Tôn trọng những quyết định chung, những điều đã cam kết

+ Biết giao tiếp hiệu quả, tôn trọng, đoàn kết và cảm thông, chia sẻ với các thành viên khác trong nhóm

+ Nghiêm túc, sẵn sàng cùng mọi người trong nhóm nhận và hoàn thành các nhiệm vụ học tập ở trên lớp cũng như ngoài lớp liên quan đến hoạt động TNST.

+ Chủ động nêu ý kiến trước nhóm, trước tập thể, lắng nghe các bạn nói khi làm chung công việc nhóm, hợp tác với nhau để hoàn thành nhiệm vụ GV giao cho.

+ Có trách nhiệm về những thành công hay thất bại của nhóm, về những sản phẩm do nhóm tạo ra.

- Kỹ năng giao tiếp: Phản hồi, lắng nghe tích cực, trình bày suy nghĩ và ý tưởng, ứng xử giao tiếp, thể hiện cảm thông.

Đặc trưng của HSĐTTS là sống cởi mở, chủ động giao tiếp với người quen nhưng chưa chủ động, còn rụt rè trong giao tiếp với người lạ. Vì vậy GD kỹ năng giao tiếp giúp các em:

+ Nghe hiểu được tiếng Việt, dùng tiếng Việt để trình bày suy nghĩ của mình

+ Các em biết giới thiệu về bản thân, về gia đình, về trường, lớp học và bạn bè. thầy cô giáo.

+ Biết chào hỏi lễ phép trong nhà trường, ở nhà và ở nơi công cộng.

+ Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi.

- + Biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến người khác
- + Biết cách đặt câu hỏi với thầy cô giáo và người lớn với các vấn đề chưa hiểu rõ.
- + Biết nói ra chủ kiến, chính kiến của bản thân

Trên đây là nội dung và các biểu hiện cơ bản nhất của các KNS có thể giáo dục cho học sinh DTTS ở các trường tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Các KNS này không tách rời nhau mà chúng luôn có mối quan hệ gắn bó, tác động chặt chẽ với nhau.

1.4.4. Phương pháp, hình thức giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số

1.4.4.1. Phương pháp giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số

a. Phương pháp giải quyết vấn đề

Giải quyết vấn đề là một phương pháp giáo dục nhằm phát triển năng lực tư duy, sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề của học sinh, đặc biệt là học sinh dân tộc thiểu số. Các em được đặt trong những tình huống có vấn đề, thông qua việc giải quyết vấn đề giúp các em lĩnh hội tri thức, kỹ năng và phương pháp.

Trong tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo, phương pháp giải quyết vấn đề thường được vận dụng khi học sinh phải xem xét và đề xuất những giải pháp trước một hiện tượng, sự việc nảy sinh trong quá trình hoạt động.

Phương pháp giải quyết vấn đề có ý nghĩa như một phương pháp quan trọng để phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh. Giải quyết vấn đề giúp học sinh có cách nhìn toàn diện hơn trước các hiện tượng, sự việc nảy sinh trong hoạt động, trong cuộc sống hàng ngày. Để phương pháp này thành công thì vấn đề đưa ra phải sát với mục tiêu của hoạt động, kích thích học sinh tích cực tìm tòi cách giải quyết. Đối với tập thể lớp, khi giải quyết vấn đề phải coi trọng nguyên tắc tôn trọng và bình đẳng, tránh gây ra căng thẳng không có lợi cho việc giáo dục KNS cho học sinh.

b. Phương pháp sắm vai

Sắm vai là phương pháp giáo dục giúp học sinh thực hành những cách ứng xử, bày tỏ thái độ trong những tình huống giả định hoặc trên cơ sở óc tưởng tượng và ý nghĩ sáng tạo của các em. Đóng vai thường không có kịch bản cho trước, mà học sinh phải tự xây dựng dưới sự hướng dẫn của giáo viên trong quá trình hoạt động.

Đây là phương pháp nhằm giúp học sinh suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một cách ứng xử cụ thể mà các em quan sát được. Việc “diễn” không phải là phần quan trọng nhất của phương pháp này mà quan trọng nhất là việc xử lý tình huống khi diễn và thảo luận sau phần diễn ấy.

Mục đích của phương pháp này không phải là chỉ ra cái cần làm, mà nó là bắt đầu cho một cuộc thảo luận.

Sắm vai có ý nghĩa rất lớn trong việc hình thành và phát triển các kỹ năng giao tiếp cho học sinh dân tộc thiểu số. Thông qua sắm vai, học sinh được rèn luyện, thực hành những kỹ năng ứng xử và bày tỏ thái độ trong môi trường an toàn trước khi thực hành trong thực tiễn, tạo điều kiện phát triển óc sáng tạo của các em, khích lệ thay đổi thái độ và hành vi theo hướng tích cực trước một vấn đề hay đối tượng nào đó.

Trong trò chơi cũng như trong cuộc sống, đứa trẻ mong muốn được sắm vai yêu thích, sắm vai trở thành một phương pháp để thể hiện những niềm vui, nỗi buồn, những mối quan tâm, những băn khoăn, mong muốn được chia sẻ, những sự do dự, ngập ngừng... của bản thân các em.

Phương pháp này dựa trên cấu trúc trò chơi của trẻ em. Thông qua các vai được sắm trong trò chơi, học sinh thể hiện các khía cạnh khác nhau trong tính cách của mình: sự ưa thích, tình cảm, sự hiểu biết về các nhân vật mà các em đang đóng vai đó và những người bạn đang chơi cùng với những hành động của các em là đặc biệt quan trọng do ý nghĩa nhiều mặt của nó.

c. Phương pháp làm việc nhóm

Làm việc theo nhóm nhỏ là phương pháp tổ chức dạy học - giáo dục trong đó giáo viên sắp xếp học sinh thành những nhóm nhỏ theo hướng tạo ra sự tương tác trực tiếp giữa các thành viên, mà theo đó học sinh trong nhóm trao đổi, giúp đỡ và cùng nhau phối hợp làm việc để hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm.

Làm việc nhóm có ý nghĩa rất lớn trong việc:

-Phát huy cao độ vai trò chủ thể, tính tự giác, tích cực, sáng tạo, năng động, tinh thần trách nhiệm của học sinh, tạo cơ hội cho các em tự thể hiện, tự khẳng định khả năng của mình, thực hiện tốt hơn nhiệm vụ được giao.

-Giúp hình thành các kỹ năng xã hội và các phẩm chất nhân cách cần thiết như: kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng hợp tác; có trách nhiệm cao, tinh thần đồng đội, sự quan tâm và mối quan hệ khăng khít; sự ủng hộ cá nhân và khuyến khích tinh thần học hỏi lẫn nhau.

-Thể hiện mối quan hệ bình đẳng, dân chủ và nhân văn: làm việc theo nhóm sẽ tạo cơ hội bình đẳng cho mỗi cá nhân người học được khẳng định mình và được phát triển. Nhóm làm việc sẽ khuyến khích học sinh giao tiếp với nhau và như vậy sẽ giúp cho những trẻ em nhút nhát, thiếu tự tin, cô độc có nhiều cơ hội hoà nhập với lớp học...

Để việc rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm cho học sinh có hiệu quả, khi tiến hành làm việc theo nhóm trong hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giáo viên cần tiến hành theo các bước sau:

-Bước chuẩn bị cho hoạt động:

+ Hướng dẫn học sinh trao đổi, đề xuất vấn đề, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, cách thức thực hiện và lập kế hoạch.

+ Hướng dẫn học sinh tự lựa chọn nhóm theo từng nội dung; phân công nhóm trưởng và các vai trò khác cho từng thành viên.

+ Hướng dẫn từng nhóm phân công công việc hợp lý, có liên quan, phụ thuộc nhau.

+ Chú trọng học sinh vào một số kỹ năng làm việc nhóm cần thiết cho hoạt động (chọn 2 - 3 kỹ năng để nhấn mạnh): giải thích sự cần thiết; làm rõ khái niệm và cách thức thể hiện; tạo ra tình huống để luyện tập; tổ chức cho học sinh tự nhận xét, đánh giá; yêu cầu học sinh thể hiện các kỹ năng đó trong hoạt động.

-Bước thực hiện:

+ Quan sát, nắm bắt thông tin ngược từ học sinh xem các nhóm có hiểu rõ nhiệm vụ không? Có thể hiện kỹ năng làm việc nhóm đúng không? Các vai trò thể hiện như thế nào?

+ Giúp đỡ những nhóm vận hành đúng hướng và duy trì mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau một cách tích cực.

+ Khuyến khích, động viên các nhóm hoặc cá nhân làm việc tốt.

+ Can thiệp, điều chỉnh hoạt động của nhóm khi thấy rất cần thiết.

-Bước đánh giá hoạt động:

+ Lôi cuốn học sinh nhận xét, đánh giá về kết quả hoạt động của nhóm, mức độ tham gia của từng thành viên.

+ Gọi mở cho học sinh phân tích sự phối hợp hoạt động giữa các thành viên trong nhóm, sự thể hiện các kỹ năng làm việc nhóm.

+ Điều chỉnh, bổ sung trên cơ sở đánh giá đúng sự cố gắng của từng nhóm, chú trọng phân tích những kỹ năng làm việc nhóm mà học sinh đã thể hiện.

+ Đưa ra những kết luận rõ ràng bao gồm cả những kết quả hoạt động và mức độ thể hiện các kỹ năng làm việc nhóm (cái gì đã làm tốt, cái gì cần rèn luyện thêm và rèn luyện như thế nào).

d. Phương pháp dạy học dự án

Dạy học dự án là một mô hình dạy và học trong đó việc học tập của học sinh được thực hiện một cách có hệ thống thông qua một loạt các thao tác từ thiết kế giờ học đến lập kế hoạch, giải quyết vấn đề, ra quyết định, tạo sản phẩm, đánh giá và trình bày kết quả để từ đó giúp học sinh phát triển kiến thức và kỹ năng.

Các nguyên tắc phát triển giờ dạy học theo dự án

Dạy học dự án được thiết kế theo 5 khâu sau:

Phương pháp dạy học này cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

1) Phương pháp dạy học dựa trên các phong cách học tập khác nhau của học sinh.

- 2) Gắn bài học với thế giới thực và phát triển năng lực, nhất là năng lực sáng tạo của học sinh để giải quyết các vấn đề thực tiễn.
- 3) Tạo môi trường an toàn - cung cấp các thông tin ngược và cho phép học sinh lựa chọn cách học.
- 4) Khuyến khích việc sử dụng các kỹ năng tư duy bậc cao, học các khái niệm và các sự kiện cơ bản.
- 5) Sử dụng các phương pháp thực hành hình thành kỹ năng, hoạt động trực tiếp.
- 6) Học khám phá để hiểu sâu kiến thức.
- 7) Sử dụng các thông tin thật.
- 8) Sử dụng công nghệ thông tin để tìm kiếm thông tin, thể hiện bài trình bày dựa trên nền công nghệ thông tin và đa phương tiện, trực quan hoá các kết quả.
- 9) Đánh giá quá trình học tập và đánh giá dự án.
- 10) Tạo cơ hội thể hiện cho tất cả mọi học sinh.
- 11) Sử dụng nhiều hình thức giao tiếp khác nhau.
- 12) Đánh giá dựa trên hiệu quả hoạt động và sự sáng tạo của học sinh.
- 13) Học sinh chịu trách nhiệm cá nhân về việc học tập của mình.
- 14) Học sinh học tập hợp tác.
- 15) Có mối quan hệ chặt chẽ giữa việc học kiến thức, kỹ năng mới của học sinh với kinh nghiệm và kiến thức cũ.
- 16) Tích hợp các môn học.
- 17) Giáo viên là người hỗ trợ việc học tập của học sinh.
- 18) Khuyến khích học sinh tự đánh giá.

Phương pháp dạy học dự án có ưu điểm:

- Gắn lý thuyết với thực hành, tư duy và hành động, nhà trường và xã hội
- Kích thích động cơ, hứng thú học tập của HS
- Phát huy tính tự lực, tinh thần trách nhiệm; phát triển khả năng sáng tạo, rèn luyện tính bền bỉ, kiên nhẫn; kỹ năng hợp tác; năng lực đánh giá.
- HS có cơ hội rèn luyện nhiều kỹ năng sống quan trọng như: giao tiếp, ra quyết định, giải quyết vấn đề, đặt mục tiêu ...

1.4.4.2. Hình thức giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số

Hình thức tổ chức và các mô hình tổ chức HĐ TNST cho HS khá phong phú như: hoạt động câu lạc bộ, tổ chức trò chơi, diễn đàn, sân khấu tương tác, tham quan

dã ngoại, các hội thi, hoạt động giao lưu, hoạt động nhân đạo, hoạt động tình nguyện, hoạt động cộng đồng, sinh hoạt tập thể, lao động công ích, sân khấu hóa (kịch, thơ, hát, múa rối, tiểu phẩm, kịch tham gia,...), thể dục thể thao, tổ chức các ngày hội,... Mỗi hình thức hoạt động trên đều mang ý nghĩa giáo dục nhất định. Dưới đây là một số hình thức tổ chức HĐTNST có thể sử dụng để GDKNS cho học sinh dân tộc thiểu số:

a. Tổ chức trò chơi

** Đặc điểm:*

Trò chơi là một loại hình hoạt động giải trí, thư giãn; là món ăn tinh thần bổ ích và không thể thiếu được trong cuộc sống con người, những trò chơi phù hợp có tác dụng giáo dục tích cực. Trò chơi là hình thức tổ chức các hoạt động vui chơi với nội dung kiến thức thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, có tác dụng giáo dục “chơi mà học, học mà chơi”.

Mục đích của trò chơi nhằm lôi cuốn học sinh tham gia vào các hoạt động giáo dục một cách tự nhiên và tăng cường tính trách nhiệm; hình thành cho học sinh tác phong nhanh nhẹn phát huy tính sáng tạo cũng như tăng cường sự thân thiện, hoà đồng giữa các học sinh, tạo hứng thú, xua tan căng thẳng, mệt mỏi cho các em học sinh trong quá trình học tập và giúp cho quá trình học tập được tiến hành một cách nhẹ nhàng, sinh động, không khô khan, nhàm chán. Thông qua hình thức này có thể hình thành ở học sinh những kỹ năng như: kỹ năng hợp tác-làm việc nhóm, kỹ năng ra quyết định.

Trò chơi có thể được sử dụng trong nhiều tình huống khác nhau của hoạt động trải nghiệm sáng tạo như làm quen, khởi động, dẫn nhập vào nội dung học tập, cung cấp và tiếp nhận tri thức; đánh giá kết quả, rèn luyện các kỹ năng và củng cố những tri thức đã được tiếp nhận... Trò chơi có những thuận lợi như: phát huy tính sáng tạo, hấp dẫn và gây hứng thú cho học sinh; giúp cho học sinh dễ tiếp thu kiến thức mới; giúp chuyển tải tri thức của nhiều lĩnh vực khác nhau; tạo được bầu không khí thân thiện; tạo cho học sinh tác phong nhanh nhẹn...

** Những chức năng cơ bản của trò chơi:*

Trò chơi có nhiều chức năng xã hội khác nhau như chức năng giáo dục, chức năng văn hoá, chức năng giải trí, chức năng giao tiếp...

-Chức năng giáo dục: Trò chơi là phương tiện giáo dục hấp dẫn, đáp ứng nhu cầu thiết thực của học sinh, tác động toàn diện đến tất cả các mặt khác nhau của nhân cách: về thể chất, tâm lý, đạo đức và xã hội. Trò chơi giúp các em nâng cao thể lực, rèn luyện sự nhanh nhẹn, dẻo dai và bền bỉ của cơ bắp, thần kinh, phát triển tốt các chức năng của các giác quan (thị giác, xúc giác, khứu giác, thính giác...), các chức năng vận

động, phát triển tốt các phẩm chất và năng lực tư duy sáng tạo, linh hoạt.

Trò chơi còn phát triển tốt các phẩm chất nhân cách cho học sinh như tính tập thể, tính hợp tác, tính kỷ luật, tính sáng tạo, tính tự chủ, tính tích cực, sự nỗ lực, ý chí, lòng dũng cảm, tính linh hoạt, tính tự tin, sự thân thiện, lòng bao dung, những tình cảm đạo đức, tình cảm thẩm mỹ lành mạnh...

- Chức năng giao tiếp: Trò chơi là một hình thức giao tiếp. Trò chơi tạo cơ hội để học sinh tham gia vào các mối quan hệ giao tiếp bạn bè, phát triển tốt các năng lực giao tiếp, trò chơi đồng thời là một phương tiện (một con đường) mà thông qua đó, học sinh có thể giao tiếp được với nhau một cách tự nhiên và dễ dàng.

- Chức năng văn hoá: trò chơi là một hình thức sinh hoạt văn hoá lành mạnh của con người, thể hiện những đặc điểm văn hoá có tính bản sắc của mỗi dân tộc, mỗi cộng đồng. Mỗi trò chơi là một giá trị văn hóa dân tộc độc đáo. Tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi là một phương pháp tái tạo văn hoá, bảo tồn văn hoá và phát triển văn hoá rất có hiệu quả (đặc biệt là các trò chơi dân gian, trò chơi lễ hội).

-Chức năng giải trí: Trò chơi là một phương thức giải trí tích cực và hiệu quả, giúp học sinh tái tạo năng lực thần kinh và cơ bắp sau những thời gian học tập, lao động căng thẳng. Trò chơi giúp học sinh thư giãn, thay đổi tâm trạng, giải tỏa những buồn phiền, những mệt mỏi về trí tuệ và cơ bắp, tạo niềm vui, hứng khởi, sự hồn nhiên, yêu đời... để học sinh tiếp tục học tập và rèn luyện tốt hơn. Những trò chơi vui nhộn và hào hứng không chỉ thoả mãn nhu cầu của các em mà nó còn mang lại những giá trị tinh thần hết sức to lớn, hữu ích.

* Phân loại trò chơi

Căn cứ vào nội dung chơi, có thể phân loại trò chơi như sau:

- Trò chơi học tập;
- Trò chơi vận động;
- Trò chơi khởi động, dẫn nhập vào nội dung học tập;
- Trò chơi mô phỏng game truyền hình như: Đường lên đỉnh Olympia, Ai là triệu phú, Đấu trường 100, Rung chuông vàng,...

Cùng với học tập, giao lưu với bạn bè, vui chơi cũng là một nhu cầu của học sinh. Lí luận và thực tiễn đã chứng tỏ rằng: nếu biết tổ chức cho các em vui chơi một cách hợp lí, lành mạnh thì đều mang lại hiệu quả giáo dục. Qua trò chơi, các em không những được phát triển về các mặt trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ mà còn được hình thành nhiều phẩm chất và hành vi tích cực.

- Qua trò chơi, học sinh có cơ hội để thể nghiệm những thái độ, hành vi. Chính nhờ sự thể nghiệm này, sẽ hình thành được ở các em niềm tin vào những thái độ, hành vi tích cực, tạo ra động cơ bên trong cho những hành vi ứng xử trong cuộc sống. Mặt

khác, các em rèn luyện được khả năng quyết định lựa chọn cho mình cách ứng xử đúng đắn, phù hợp trong tình huống.

- Bảng trò chơi, việc học tập được tiến hành một cách nhẹ nhàng, sinh động; không khô khan, nhàm chán. Học sinh được lôi cuốn vào quá trình luyện tập một cách tự nhiên, hứng thú và có tinh thần trách nhiệm, đồng thời giải trừ được những mệt mỏi, căng thẳng trong học tập.

- Trò chơi còn giúp tăng cường khả năng giao tiếp giữa học sinh với học sinh, giữa GV với học sinh.

Như vậy, tổ chức trò chơi cho HS trong trường tiểu học là một hình thức tổ chức hoạt động TNST có tính phổ biến và có ý nghĩa giáo dục tích cực, đặc biệt là đối với HS dân tộc thiểu số.

b. Tham quan, dã ngoại

Tham quan, dã ngoại là một hình thức tổ chức học tập thực tế hấp dẫn đối với học sinh. Mục đích của tham quan, dã ngoại là để các em học sinh được đi thăm, tìm hiểu và học hỏi kiến thức, tiếp xúc với các thắng cảnh, các di tích lịch sử, văn hoá hoặc địa danh nổi tiếng của đất nước ở ngoài nơi các em đang sống, học tập... giúp các em có được những kinh nghiệm từ thực tế, từ các mô hình, cách làm hay và hiệu quả trong một lĩnh vực nào đó, từ đó có thể áp dụng vào cuộc sống của chính các em.

Đây là một hình thức tự học, tích cực, bổ ích và có hiệu quả, nối liền bục giảng với đời sống thực tiễn giúp học sinh phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo.

Tham quan, dã ngoại vừa là hoạt động giáo dục, vừa là hoạt động thẩm mỹ, góp phần tạo ra lối sống văn hóa, khả năng hưởng thụ, cảm nhận văn hóa nghệ thuật cho học sinh. Qua hoạt động dã ngoại HS được phát triển cân đối về trí tuệ, thể dục, thẩm mỹ và quan trọng hơn là HS được trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh để hình thành KNS cho bản thân. Bên cạnh đó giúp HS rèn luyện được tính kỷ luật, phát huy tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong mọi hoạt động.

Nội dung tham quan, dã ngoại có tính giáo dục tổng hợp đối với học sinh như: giáo dục lòng yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước, giáo dục truyền thống cách mạng, truyền thống lịch sử, truyền thống của của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Các lĩnh vực tham quan, dã ngoại có thể được tổ chức ở nhà trường tiểu học là:

- Tham quan các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hoá;
- Tham quan du lịch truyền thống;
- Dã ngoại theo các chủ đề học tập;
- Dã ngoại theo các hoạt động nhân đạo.

Tham quan, dã ngoại là hoạt động thu hút đông đảo học sinh tham gia bởi tính lãng mạn, mang màu sắc vui chơi của nó. Tham quan, dã ngoại là điều kiện và môi

trường tốt cho các em tự khẳng định mình và biết đánh giá sự cố gắng, sự trưởng thành của bản thân

c. Hội thi/cuộc thi

Hội thi/cuộc thi là một trong những hình thức tổ chức hoạt động hấp dẫn, lôi cuốn học sinh và đạt hiệu quả cao trong việc tập hợp, giáo dục, rèn luyện và định hướng giá trị cho tuổi trẻ. Hội thi mang tính chất thi đua giữa các cá nhân, nhóm hoặc tập thể luôn hoạt động tích cực để vươn lên đạt được mục tiêu mong muốn thông qua việc tìm ra người/đội thắng cuộc. Chính vì vậy, tổ chức hội thi cho học sinh là một yêu cầu quan trọng, cần thiết của nhà trường, của giáo viên trong quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

Mục đích tổ chức hội thi/cuộc thi nhằm lôi cuốn học sinh tham gia một cách chủ động, tích cực vào các hoạt động giáo dục của nhà trường; đáp ứng nhu cầu về vui chơi giải trí cho học sinh, thu hút tài năng và sự sáng tạo của học sinh; phát triển khả năng hoạt động tích cực và tương tác của học sinh, góp phần bồi dưỡng cho các em động cơ học tập tích cực, kích thích hứng thú trong quá trình nhận thức.

Hội thi/cuộc thi có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như: thi vẽ, thi viết, thi tìm hiểu, thi đố vui, thi giải ô chữ, thi tiểu phẩm, thi thời trang, thi kể chuyện, thi chụp ảnh, thi kể chuyện theo tranh, thi sáng tác bài hát, hội thi học tập, hội thi thời trang, hội thi học sinh thanh lịch... có nội dung giáo dục về một chủ đề nào đó.

Khi tổ chức hội thi/cuộc thi nên kết hợp với các hình thức tổ chức khác (như văn nghệ, trò chơi, vẽ tranh...) để cuộc thi/hội thi phong phú, đa dạng, thu hút được nhiều học sinh tham gia hơn.

d. Hoạt động chiến dịch

Chiến dịch là một nội dung hoạt động không chỉ tác động đến học sinh mà tới cả các thành viên trong cộng đồng. Chính trong hoạt động chiến dịch, học sinh có cơ hội khẳng định mình trong cộng đồng, qua đó hình thành và phát triển ý thức “mình vì mọi người, mọi người vì mình”.

Việc học sinh tham gia các hoạt động chiến dịch nhằm tăng cường sự hiểu biết và sự quan tâm của học sinh đối với các vấn đề xã hội như vấn đề môi trường, giao thông, an toàn xã hội... giúp học sinh có ý thức hành động vì cộng đồng; tập dượt cho học sinh tham gia giải quyết những vấn đề xã hội; phát triển ở học sinh một số kỹ năng cần thiết như kỹ năng hợp tác, kỹ năng thu thập thông tin, kỹ năng đánh giá và kỹ năng ra quyết định.

Mỗi chiến dịch nên mang một chủ đề để định hướng cho các hoạt động như:

- Chiến dịch Giờ Trái đất;
- Chiến dịch làm sạch môi trường xung quanh trường học;
- Chiến dịch bảo vệ môi trường;
- Chiến dịch tình nguyện hè;
- Chiến dịch ngày thứ 7 tình nguyện;

Tuỳ thuộc vào các vấn đề của địa phương mà nhà trường có thể lựa chọn và tổ chức cho học sinh tham gia các chiến dịch với những chủ đề phù hợp với đối tượng và đặc điểm địa phương.

e. Hoạt động nhân đạo

Hoạt động nhân đạo là một nội dung hoạt động tác động đến trái tim, tình cảm, sự đồng cảm, thấu cảm của học sinh trước những con người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Thông qua hoạt động nhân đạo, học sinh biết thêm những hoàn cảnh khó khăn của người nghèo, người nhiễm chất độc da cam, trẻ em mồ côi, người tàn tật, khuyết tật, người già cô đơn không nơi nương tựa, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, những đối tượng dễ bị tổn thương trong cuộc sống... để kịp thời giúp đỡ, giúp họ từng bước khắc phục khó khăn, ổn định cuộc sống, vươn lên hoà nhập với cộng đồng.

Hoạt động nhân đạo giúp các em học sinh được chia sẻ những suy nghĩ, tình cảm và giá trị vật chất của mình với những thành viên trong cộng đồng, giúp các em biết quan tâm hơn đến những người xung quanh từ đó giáo dục các giá trị cho học sinh như: tiết kiệm, tôn trọng, chia sẻ, cảm thông, yêu thương, trách nhiệm, hạnh phúc...

Hoạt động nhân đạo trong trường tiểu học có thể thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như:

- Xây dựng quỹ ủng hộ các bạn thuộc hộ nghèo, có hoàn cảnh khó khăn;
- Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam;
- Gây quỹ ủng hộ người tàn tật, khuyết tật;
- Quyên góp ủng hộ nhân dân vùng bão, lũ;

Thông qua hoạt động này, các em sẽ được bồi dưỡng thêm về nhân cách, khắc sâu tình người. Trong thực tế, hoạt động này đã được các nhà trường tiến hành tương đối tốt. Song hoạt động này phải được khai thác một cách triệt để nhằm phát triển tối đa nhân cách ở các em. Tuỳ thuộc vào điều kiện thực tế của mỗi trường mà tổ chức hoạt động nhân đạo phù hợp, hiệu quả và có tính giáo dục cao cho học sinh.

f. Lao động công ích

Trong nhà trường, lao động công ích được hiểu là sự đóng góp sức lao động của học sinh cho các công trình công cộng của nhà trường hoặc địa phương nơi các em sinh sống. Lao động công ích giúp học sinh hiểu được giá trị của lao động, từ đó biết trân trọng sức lao động và có ý thức bảo vệ, giữ gìn những công trình công cộng. Thông

qua lao động công ích, học sinh được rèn luyện các kỹ năng sống như: Kỹ năng hợp tác, kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, kỹ năng xác định giá trị, kỹ năng đặt mục tiêu, kỹ năng lập kế hoạch...

Các hoạt động công ích học sinh có thể tham gia ở nhà trường và địa phương là:

- Vệ sinh vườn trường, sân trường, lớp học, môi trường xung quanh nhà trường;
- Vệ sinh đường làng, ngõ xóm;
- Trồng và chăm sóc vườn hoa, cây cảnh, cây xanh;
- Vệ sinh các công trình công cộng;
- Trồng và chăm sóc cây xanh nơi công cộng

Thông qua lao động công ích sẽ giúp các em gắn bó với đời sống xã hội. Ngoài ra, lao động công ích còn góp phần làm cho trẻ hiểu thêm về giá trị lao động, từ đó giúp trẻ có ý thức lao động lành mạnh. Lao động công ích giúp trẻ vận dụng kiến thức vào đời sống như: Trục nhật, vệ sinh lớp học, sân trường, làm đẹp bồn hoa, cây cảnh cho đẹp trường, lớp. Đây là hoạt động thật sự cần thiết giúp các em thích nghi với cuộc sống xung quanh. Sau này dù có rơi vào hoàn cảnh khắc nghiệt nào thì các em vẫn có thể tồn tại được. Đó là nhờ các em biết lao động.

g. Sinh hoạt tập thể

Sinh hoạt tập thể là một yếu tố chính để duy trì và phát triển các phong trào và đoàn thể thanh thiếu niên. Sinh hoạt tập thể giúp các em được thư giãn sau những giờ học mệt mỏi với những bài vở, lý thuyết ở trong nhà trường.

Sinh hoạt tập thể là hình thức chuyển tải những bài học về đạo đức, nhân bản, luân lý, giá trị,... đến với HS một cách nhẹ nhàng, hấp dẫn. Chúng ta nên biến những bài học đó thành những bài ca, điệu múa, điệu dân vũ, vở kịch hay trò chơi,... để các em được học tập một cách dễ hiểu, gần gũi, thoải mái nhất. Những hoạt động này không những giúp cho các em tiếp thu bài học một cách thoải mái, tự nhiên, mà còn giúp cho các em được vui chơi, thư giãn.

Giáo dục KNS thông qua các tiết sinh hoạt tập thể giúp các em những hiểu biết về tập thể, vai trò của mỗi cá nhân trong tập thể, đồng thời cung cấp cho HS những thông tin cần thiết và đa dạng của đời sống xã hội, giúp các em định hướng và rèn luyện tiến bộ về mọi mặt. Qua hoạt động trong các tiết sinh hoạt tập thể các em còn luyện được các kỹ năng cơ bản như: kỹ năng hoạt động tập thể, kỹ năng tự quản, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đánh giá, tính trung thực, qua đó kích thích tính tích cực, tinh thần trách nhiệm và phát huy được những tiềm năng vốn có của mỗi học sinh.

Sinh hoạt tập thể được tổ chức dưới những hình thức hoạt động như: ca hát, nhảy múa, vui chơi, dân vũ, vở kịch, múa hát sân trường, khiêu vũ, ...

** Ca hát*

Ca hát là giáo dục bằng truyền cảm, là bộc lộ tâm tình của mình bằng ngôn ngữ của âm thanh và nhịp điệu. Nó biểu dương ý chí và tình đồng đội, giải tỏa những buồn chán, ức chế, làm hưng phấn tinh thần, giải bày tâm trạng của cá nhân hay tập thể, đem lại bầu khí vui tươi trong sinh hoạt...

Vì ca nhạc mang tính đa diện như hùng tráng, bi thương, vui vẻ, trầm buồn, kích động... tùy theo bài hát cũng như tâm trạng người hát và người nghe. Cho nên chỉ cần nghe một cá nhân hay tập thể hát lên một vài bài hát, thì chúng ta cũng có thể đánh giá được tâm trạng và “trình độ” sinh hoạt của cá nhân hay tập thể đó.

Ca hát là một hoạt động quan trọng, không thể thiếu được trong sinh hoạt tập thể của trẻ em, nhất là HS tiểu học. Hoạt động này góp phần hình thành cho các em kỹ năng mạnh dạn, tự tin trước đám đông. Đây là một trong những kỹ năng rất quan trọng trong xu thế toàn cầu hóa.

** Ca múa tập thể*

Ca múa tập thể là một trong những sinh hoạt ưa thích của học sinh, nó vừa giải trí, vừa vận động, vừa là một phương tiện giáo dục rất hiệu quả.

Ca múa là hình thức bộc lộ tình cảm bằng những cử chỉ và điệu bộ một cách có nghệ thuật, cho nên điệu múa phải đi đôi với lời ca, bổ túc cho nhau, làm nổi bật ý tưởng của lời ca. Phải linh động, uyển chuyển, nhịp nhàng theo tiết tấu nhịp điệu của bài ca.

Ca múa tập thể nghĩa là những điệu múa mà tất cả mọi người đều có thể thực hiện được như: múa hát sân trường, dân vũ rửa tay, khiêu vũ tập thể,....

1.4.5. Đánh giá kết quả giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh tiểu học

Kết quả giáo dục kỹ năng sống được thể hiện ở sự thay đổi về nhận thức, thái độ, hành vi của học sinh sau một quá trình tiến hành các tác động giáo dục.

Hoạt động trải nghiệm vừa là môi trường, phương tiện để giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, vừa là cơ sở để giáo viên đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng sống. Đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm cần được tiến hành theo trình tự sau:

Bước 1: Xác định chuẩn kỹ năng sống

Chuẩn là lời tuyên bố về điều mà học sinh tiểu học cần biết và có thể làm được sau một quá trình tham gia hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

Chuẩn là những phát biểu có thể quan sát được, đánh giá được, là điều kiện thiết yếu để xây dựng nhiệm vụ đánh giá.

Bước 2: Xây dựng nhiệm vụ đánh giá kỹ năng sống

Nhiệm vụ đánh giá kỹ năng sống là một bài tập/tình huống hay hoạt động được thiết kế để giáo dục kỹ năng và đồng thời đánh giá năng lực vận dụng kiến thức, kỹ

năng. Nhiệm vụ được xây dựng căn cứ vào tiến trình tổ chức hoạt động trải nghiệm và chuẩn kỹ năng. Các nhiệm vụ đánh giá có thể thiết kế như sau:

Sử dụng câu hỏi mang tính chất khái quát: Nhằm đánh giá mức độ kiến thức của học sinh. Câu hỏi kiến tạo: có nội dung hẹp, định hướng cách trả lời, có giới hạn về độ dài; ít nhiều cũng bộc lộ năng lực tư duy của các em.

Sử dụng bài luận ngắn; Bài tập mô phỏng; Bản đồ khái niệm; Thuyết trình theo sơ đồ; Thực hiện các bước chuẩn bị làm một thí nghiệm;

Bài tập thực hành - sản phẩm: học sinh phải kiến tạo một sản phẩm cụ thể, có giá trị, bằng chứng của sự vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học, hoặc khả năng ứng dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá những kiến thức, kỹ năng đó. Bài tập lớn, truyện ngắn, bài thơ; Báo cáo khoa học; Báo cáo về một thí nghiệm; Bài báo; Poster...

Bước 3: Xác định các tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của học sinh

Tiêu chí là những chỉ báo/ chỉ số (mô tả những dấu hiệu đặc trưng) của việc hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tiêu chí đánh giá cần đảm bảo các yêu cầu: Phát biểu rõ ràng, ngắn gọn, quan sát được, mang tính mô tả hành vi và được viết đơn giản để học sinh hiểu được.

Bước 4: Xây dựng hướng dẫn đánh giá kỹ năng sống theo tiêu chí (phiếu đánh giá)

Bản hướng dẫn (kèm biểu điểm) là bản cung cấp những miêu tả hoặc các chỉ số thực hiện, chỉ từng mức độ hoàn thành nhiệm vụ ứng với các tiêu chí (đồng thời là điểm số cho các tiêu chí đó ở mức đó). Tùy theo nhiệm vụ, có thể lựa chọn 1 trong 2 loại bản hướng dẫn là đánh giá định tính hoặc đánh giá định lượng.

1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học

1.5.1. Các yếu tố chủ quan

1.5.1.1. Nhận thức của đội ngũ cán bộ-giáo viên, cha mẹ học sinh, các lực lượng xã hội về việc giáo dục KNS cho học sinh

Nhận thức của các lực lượng giáo dục đóng vai trò quan trọng, quyết định tới sự thành công hay thất bại của việc tổ chức giáo dục kỹ năng sống. Chỉ khi BGH các nhà trường và các lực lượng giáo dục nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của việc GD KNS thông qua HĐ TNST đối với việc giáo dục toàn diện HS hướng tới mục tiêu đào tạo của cấp tiểu học thì kế hoạch giáo dục kỹ năng sống của ban giám hiệu mới có tính khả thi cao và việc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch này mới đem lại hiệu quả như mong muốn.

Muốn đạt được mục tiêu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh hiện nay, các nhà trường phải được phổ biến làm rõ vai trò của kỹ năng sống trong việc hình thành và

phát triển nhân cách học sinh trong cán bộ, giáo viên và các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường; phải bồi dưỡng kiến thức để các lực lượng giáo dục xác định được vị trí của hoạt động giáo dục kỹ năng sống trong quá trình dạy học giáo dục; phải làm cho các lực lượng giáo dục hiểu rõ rằng giáo dục kỹ năng sống không chỉ là trách nhiệm của nhà trường mà còn là trách nhiệm của gia đình và toàn xã hội, xác định rõ vai trò, nhiệm vụ của giáo dục gia đình, nhà trường, xã hội trong công tác giáo dục học sinh.

Để đạt kết quả cao trong việc giáo dục kỹ năng sống cho HS thì các lực lượng giáo dục phải tạo ra sự thống nhất về mục tiêu, nội dung, phương pháp và đạt tới sự đồng thuận trong việc lựa chọn hình thức tổ chức phối hợp các hoạt động.

Sự đồng thuận và sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường, xã hội sẽ tạo ra sức mạnh tổng hợp để giáo dục học sinh. Nếu không có sự gắn kết chặt chẽ, sự giáo dục của nhà trường có thể chỉ hình thành giúp các em các hành động một cách nền tảng mà không đánh giá được mức độ thường xuyên các kỹ năng thực sự có được của HS. Sự phản ánh của gia đình về mức độ vận dụng kỹ năng của HS cũng góp phần cải thiện được chất lượng giáo dục KNS của nhà trường thông qua việc tiếp nhận những ưu điểm, nhược điểm của HS từ những giám sát, nhận xét của cha mẹ học sinh từ môi trường sống ngoài nhà trường. Theo đó, sự tương tác giữa gia đình và nhà trường là nền tảng đánh giá hiệu quả của những HĐ TNST được áp dụng trong giáo dục KNS cho HS.

1.5.1.2. Trình độ năng lực của đội ngũ giáo viên

Để thực hiện có hiệu quả kế hoạch giáo dục KNS cho học sinh thì trình độ năng lực của đội GV, đặc biệt là GVCN đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch giáo dục KNS. Đội ngũ GVCN phải được tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên về năng lực tổ chức, phương pháp hoạt động giáo dục KNS; đồng thời, cần nắm vững các KNS rèn luyện cho HS cũng như nắm vững nội dung chương trình giáo dục KNS.

1.5.1.3. Nhận thức của học sinh

Học sinh là trung tâm của dạy học và giáo dục. Nên các em muốn rèn luyện kỹ năng sống đạt hiệu quả cao thì phải chủ động tham gia tích cực vào các hoạt động trong học tập cũng như các hoạt động ngoài học tập. Ngoài ra, các em cần chủ động trong việc trang bị cho mình những kỹ năng cơ bản đặc biệt là kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng hợp tác, trao đổi giúp đỡ lẫn nhau trong học tập... hơn ai hết học sinh là người quyết định kỹ năng sống của mình. Theo đó, học sinh phải có nhận thức đúng về sự cần thiết phải rèn luyện kỹ năng sống, có thói quen và ý thức rèn luyện một cách thường xuyên, liên tục trong cuộc sống hàng ngày, trong các buổi lên lớp và trong mọi mối quan hệ.

1.5.2. Các yếu tố khách quan

Các yếu tố khách quan bên trong bao gồm: Việc ban hành các văn bản của Bộ,

Sở GD&ĐT và sự chỉ đạo của sở, phòng GD&ĐT đối với hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

Ngoài ra điều kiện cơ sở vật chất là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng của giáo dục KNS, đặc biệt là với phương thức trải nghiệm sáng tạo, vậy nên hàng năm cần phải xây dựng kế hoạch cụ thể đầu tư cơ sở vật chất, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện CMHS trong việc hỗ trợ kinh phí phục vụ cho các hoạt động giáo dục KNS.

Các yếu tố khách quan bên trong đóng vai trò rất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động giáo dục KNS cho học sinh tiểu học. Hiện nay, việc xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục KNS của các nhà trường vẫn hoàn toàn dựa vào các văn bản chỉ đạo của phòng giáo dục, sở giáo dục và bộ giáo dục đào tạo. Nếu các văn bản được ban hành đầy đủ, đảm bảo tính thời sự (thường xuyên được bổ sung), sát với thực tiễn cơ sở thì các nhà trường khi xây dựng kế hoạch sẽ đảm bảo đầy đủ và đúng theo yêu cầu đặt ra. Những văn bản chỉ đạo cần xác định nội dung giáo dục KNS tối thiểu mà HS tiểu học cần được giáo dục; có chuẩn tối thiểu để các cơ sở giáo dục đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng sống.

Bên cạnh đó cần có sự chỉ đạo sát sao của sở, phòng GD&ĐT đối với hoạt động giáo dục kỹ năng sống từ việc triển khai kế hoạch tới các nhà trường đến việc giám sát, kiểm tra; mọi việc cần phải cụ thể, rõ ràng đồng thời có tiêu chí đánh giá việc quản lí, thực hiện hoạt động giáo dục kỹ năng sống mới có thể thúc đẩy các nhà trường tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống có hiệu quả.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Hoạt động giáo dục KNS thông qua hoạt động TNST trong nhà trường cần được hiểu là hoạt động được tổ chức bằng các việc làm cụ thể của HS, được thực hiện trong thực tế, có sự định hướng của nhà trường. Thông qua trải nghiệm, HS lĩnh hội được kiến thức, kỹ năng, tình cảm và ý chí nhất định. Mặt khác, bản thân HS nhận biết được vấn đề trong các tình huống tương tự, tự mình nhận ra chức năng mới của đối tượng,

tìm kiếm và phân tích được các yếu tố của đối tượng trong các mối tương quan của nó, hay tự mình tìm kiếm ra giải pháp thay thế và kết hợp được các phương pháp đã biết để đưa ra hướng giải quyết mới cho một vấn đề.

Giáo dục KNS phải được bắt đầu từ khi trẻ còn rất nhỏ, đặc biệt ở lứa tuổi tiểu học. Bởi vì lứa tuổi này đã hình thành những hành vi các nhân, tính cách và nhân cách. Hình thành và xây dựng cho các em các kỹ năng sống như: Giao tiếp, thuyết trình, làm việc theo nhóm,... sẽ giúp các em tự tin, chủ động biết cách xử lý mọi tình huống trong cuộc sống và quan trọng hơn là khơi gợi những khả năng tư duy sáng tạo, biết phát huy thế mạnh của các em. Việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh sẽ hình thành và tập dượt cho các em những hành vi, thói quen, kỹ năng xử lý các tình huống diễn ra trong cuộc sống. Học sinh tiểu học là những học sinh đang ở độ tuổi 6 - 11 tuổi, độ tuổi có nhiều biến động về tâm sinh lý rất nhạy cảm dễ bị ảnh hưởng bởi môi trường sống bên ngoài tác động.

Qua thực tế cho thấy việc sử dụng các biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh qua các hoạt động trong nhà trường là điều cần thiết, có tác động tốt đến việc rèn kỹ năng sống cho HS, tác động tốt đến việc hình thành nhân cách của trẻ, mang tính nhân văn, giúp trẻ phát triển toàn diện trở thành những người công dân tốt phù hợp với xã hội hiện nay.

Chương 2

THỰC TRẠNG VỀ GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO CHO HỌC SINH DÂN TỘC THiểu SỐ Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYỀN QUANG

2.1. Vài nét về tình hình kinh tế - xã hội, các trường tiểu học và đặc điểm học sinh tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang

2.1.1. Khái quát về tình hình kinh tế - xã hội huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang

Lâm Bình là huyện vùng cao, vùng sâu, vùng xa của tỉnh, tổng diện tích tự nhiên 78.152,17 ha; 08 đơn vị hành chính cấp xã; 76 thôn, bản; dân số trên 30 nghìn người, với trên 10 dân tộc cùng chung sống. Trên địa bàn huyện có 27 đơn vị trường học, trong đó có 08 trường mầm non; 08 trường tiểu học; 08 trường trung học cơ sở (01 trường bán trú trung học cơ sở); 01 trường nội trú trung học cơ sở; 02 trường trung học phổ thông; 352 nhóm, lớp, với 7.842 học sinh.

Kinh tế nông lâm nghiệp phát triển, có nhiều chuyển biến trong sản xuất, nhiều mô hình kinh tế hoạt động hiệu quả; thu hút được nhiều nguồn lực xây dựng các dự án, công trình hạ tầng thiết yếu tại trung tâm huyện và các xã; quản lý chất lượng và đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, dự án; hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách, chi ngân sách được bảo đảm; có thêm 02 thôn Khuổi Củng, Khuổi Trang, xã Xuân Lập được sử dụng điện lưới Quốc gia.

Duy trì thực hiện tốt các nhiệm vụ về giáo dục, y tế, dân số-kế hoạch hóa gia đình; an sinh xã hội được chăm lo. Các hoạt động văn hóa-xã hội có nhiều khởi sắc. Tổ chức thành công các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân Đinh Dậu năm 2017, đặc biệt là tổ chức Lễ hội Lồng Tồng, Ngày hội văn hoá các dân tộc huyện Lâm Bình Xuân Đinh Dậu 2017, Lễ hội Lồng Tồng xã Thượng Lâm và Lễ hội Nhảy lửa dân tộc Pà Thẻn, xã Hồng Quang tạo khí thế vui mừng, phấn khởi, cổ vũ, động viên cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và các tầng lớp nhân dân ra sức thi đua lao động, học tập và công tác; lĩnh vực du lịch, đặc biệt là du lịch cộng đồng (Homestay) bước đầu thu được kết quả tích cực. Thực hiện tốt công tác thanh tra, tư pháp, dân tộc, tôn giáo; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

2.1.2. Khái quát về các trường tiểu học và đặc điểm học sinh dân tộc thiểu số huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang

a. Khái quát về các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang

Tính cho đến năm học 2016-2017 giáo dục Tiểu học bao gồm: 08 trường với 37 điểm trường; tổng số lớp 157 lớp; tổng số học sinh 2.889 học sinh. Công tác sắp xếp trường lớp, trong năm học toàn huyện tiến hành ghép được 07 lớp và 02 điểm trường.

Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia: Có 3 trường được công nhận là trường chuẩn quốc gia (TH Thượng Lâm, TH Thổ Bình, TH Khuôn Hà); hoàn thiện hồ sơ đề nghị kiểm tra công nhận lại đối với trường Tiểu học Khuôn Hà đạt chuẩn quốc gia mức độ 1; bổ sung kinh phí để hoàn thiện và nâng cấp các hạng mục cơ sở vật chất cho các trường, đặc biệt kêu gọi đầu tư xây dựng các phòng chức năng, nhà đa năng cho trường Tiểu học Khuôn Hà; sửa chữa các phòng chức năng cho trường Tiểu học Lăng Can.

Hàng năm UBND huyện bố trí kinh phí để cải tạo, sửa chữa, xây mới phòng học, phòng chức năng; kêu gọi các tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí xây dựng cơ sở vật chất cho các đơn vị trường học. Trong năm xây mới được 32 phòng học, 12 phòng chức năng, tổng số vốn đầu tư trên 10 tỷ đồng. Cơ sở vật chất phòng lớp học cơ bản đáp ứng cho công tác dạy và học. Ngoài ra UBND huyện còn yêu cầu các phòng chuyên môn tổ chức rà soát thường xuyên về cơ sở vật chất của các trường để kịp thời tu sửa, trong năm đã cấp hơn 400 triệu (bốn trăm triệu) để sửa chữa cơ sở vật chất và đồ dùng dạy học; bố trí các nguồn vốn đầu tư xây dựng nhà bán trú, bếp ăn, các thiết bị sinh hoạt cần thiết cho học sinh bán trú nhất là các trường có nhiều học sinh bán trú.

Tổng số phòng học 328 phòng, trong đó kiên cố 144 phòng (mầm non 36 phòng, tiểu học 54 phòng, trung học cơ sở 54 phòng); bán kiên cố 148 phòng (mầm non 57 phòng, tiểu học 82 phòng, trung học cơ sở 9 phòng); nhà tạm xuống cấp 24 phòng (mầm non 11 phòng, tiểu học 13 phòng); 12 phòng học mượn (mầm non 04 phòng, tiểu học 08 phòng).

b. Đặc điểm học sinh dân tộc thiểu số huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang

Theo số liệu thống kê kết quả năm học 2015 - 2016, 2016 - 2017, kết quả xếp loại 2 mặt giáo dục ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình như sau:

Năm học 2015-2016	Năng lực		Phẩm chất	
	Đạt	Chưa đạt	Đạt	Chưa đạt
Số lượng	2.667/2.738	71/2.738	2.682/2.738	56/2.738
%	97,4%	2,6%	98%	2%

Năm học 2016-2017		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Năng lực	Tự phục vụ, tự quản	1.038/2.889	35,9%	1.760/2.889	60,9%	91/2.889	3%
	Hợp tác	1.016/2.889	35,2%	1.781/2.889	61,6%	92/2.889	3%
	Tự học và giải quyết vấn đề	935/2.889	32%	1.856/2.889	64,2%	98/2.889	3%
Phẩm chất	Chăm học, chăm làm	997/2.889	34%	1.820/2.889	63%;	92/2.889	3%
	Tự tin, trách nhiệm	1.060/2.889	36,7%	1.745/2.889	60,4%	84/2.889	3%
	Trung thực, kỷ luật	1.293/2.889	44,8%	1.541/2.889	53,3%	55/2.889	2%
	Đoàn kết, yêu thương	1.497/2.889	51,8%	1.358/2.889	47%	34/2.889	1%

Nhìn vào bảng ta thấy tỷ lệ HS xếp loại năng lực và phẩm chất ở mức khá cao. Ý thức trách nhiệm, năng lực chuyên môn, chất lượng giảng dạy của đội ngũ giáo viên tốt. Các cuộc vận động và phong trào thi đua của ngành ngày càng đi vào chiều sâu và có hiệu quả.

2.2. Tổ chức điều tra khảo sát

2.2.1 Mục tiêu khảo sát

Tìm hiểu thực trạng giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số ở một số trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang, nhằm xác định cơ sở thực tiễn để đề xuất biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh có hiệu quả cao hơn.

2.2.2. Khách thể khảo sát

50 GV trong đó: 4 cán bộ quản lý, 4 Tổng phụ trách Đội, 42 GV chủ nhiệm của 4 trường tiểu học trong huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

2.2.3. Nội dung khảo sát

Thực trạng nhận thức của CBQL và GV về GDKNS và GDKNS thông qua hoạt động TNST cho học sinh dân tộc thiểu số.

Thực trạng về việc GDKNS thông qua hoạt động TNST cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số.

Những yếu tố ảnh hưởng đến việc GDKNS cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số thông qua hoạt động TNST.

2.2.4. Phương pháp khảo sát và xử lý kết quả

2.2.4.1. Phương pháp khảo sát

- *Phương pháp phỏng vấn*: Phỏng vấn các cán bộ quản lý, giáo viên tiểu học huyện Lâm Bình để tìm hiểu sâu hơn nhận thức về giáo dục KNS, mức độ và hiệu quả việc giáo dục KNS thông qua hoạt động TNST.

- *Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi*: Nhằm thu thập thông tin về nhận thức, mức độ và hiệu quả giáo dục KNS cho học sinh các trường tiểu học trên địa bàn huyện Lâm Bình hiện nay.

Phiếu điều tra đối với cán bộ quản lý, giáo viên gồm 7 câu hỏi. Kết quả thu được làm căn cứ đề xuất giải pháp giáo dục KNS thông qua hoạt động TNST cho học sinh vùng DTTS.

2.2.4.2. Xử lý số liệu khảo sát

- Số liệu thu được từ phiếu hỏi được chúng tôi tiến hành tính điểm trung bình để sắp xếp theo thứ bậc.

- Điểm trung bình các mục trong các bảng được tính theo công thức:

$$\bar{X} = \frac{\sum X_i K_i}{\sum K_i} = \frac{\sum X_i K_i}{N}$$

Các đại lượng trong công thức được quy định \bar{X} : Điểm trung bình; K_i : Số người cho điểm số X_i ; N : Số người tham gia đánh giá.

- Xác định điểm số cho các mức độ đánh giá: Cách tính điểm được thể hiện như sau:

Các mức độ	Điểm				
	5	4	3	2	1
Mức độ nhận thức	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
	Rất cần thiết	Cần thiết	Phân vân	Ít cần thiết	Không cần thiết
Mức độ thực hiện	Luôn luôn	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
Mức độ chất lượng	Tốt	Khá	Trung bình	Kém	Chưa có kỹ năng
Mức độ ảnh hưởng	Rất ảnh hưởng	Ảnh hưởng	Phân vân	Ít ảnh hưởng	Không ảnh hưởng
Mức điểm	4,3 – 5	3,5 – 4,2	2,7 – 3,4	1,9 – 2,6	1 – 1,8

2.3. Kết quả khảo sát thực trạng giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang

2.3.1. Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên về giáo dục KNS và giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo

2.3.1.1. Nhận thức về đặc điểm của giáo dục KNS trong trường tiểu học

Để tìm hiểu nhận thức của CBQL và GV về đặc điểm của giáo dục KNS, tác giả đã tiến hành khảo sát bằng phiếu hỏi đến CBQL, GV, Tổng phụ trách Đội tại 4 trường tiểu học trên địa bàn huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang. Kết quả khảo sát như sau:

Bảng 2.1. Nhận thức của Cán bộ quản lý và giáo viên về đặc điểm giáo dục kỹ năng sống

TT	Đặc điểm	Tổng	Trung bình	Thứ bậc
1	GDKNS là quá trình giáo dục có mục đích, nội dung, kế hoạch và biện pháp cụ thể.	230	4.60	1
2	Mục đích của GDKNS là giúp người học có được cuộc sống thành công và hiệu quả khi tham gia vào các hoạt động hàng ngày.	225	4.50	2
3	Giáo dục KNS để con người có được hành động làm chủ bản thân; thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống;	222	4.44	3
4	GDKNS là một quá trình lâu dài, phức tạp, đòi hỏi phải kết hợp nhiều lực lượng giáo dục, nhiều đối tượng cùng tham gia.	217	4.34	4
5	GDKNS cần được xây dựng nội dung và lập kế hoạch rõ ràng, trên cơ sở đó tiến hành theo các biện pháp cụ thể.	202	4.04	8
6	GDKNS luôn gắn liền với hành động của con người trong thực tiễn cuộc sống với sự vận động và biến đổi khác nhau.	211	4.22	6
7	Nội dung GDKNS luôn thay đổi và phụ thuộc vào đặc điểm địa lí, văn hóa, lứa tuổi, ...	203	4.06	7
8	GDKNS gắn liền với việc trải nghiệm và sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học tích cực	216	4.32	5
9	GDKNS chỉ đơn thuần là việc truyền giảng những vấn đề lí thuyết, lí luận chung chung.	134	2.68	9
	Điểm trung bình		4.13	

Khi khảo sát nhận thức của CBQL và GV về đặc điểm của giáo dục KNS, tác giả đã đưa ra 9 đặc điểm, kết quả khảo sát cho thấy: CBQL và GV đánh giá cao các nội dung chúng tôi đưa ra về đặc điểm của giáo dục KNS cho HS tiểu học (điểm trung bình: 4,13). Tuy nhiên, phân tích từng nội dung có thể mức độ đánh giá có sự phân tầng như sau:

Đánh giá ở mức cao nhất là:

GDKNS là quá trình giáo dục có mục đích, nội dung, kế hoạch và biện pháp cụ thể. (ĐTB: 4,60)

Mục đích của GDKNS là giúp người học có được cuộc sống thành công và hiệu quả khi tham gia vào các hoạt động hàng ngày. (ĐTB: 4,50)

Giáo dục KNS để con người có được hành động làm chủ bản thân; thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống; (ĐTB: 4,44)

Ở mức thấp hơn là:

GDKNS là một quá trình lâu dài, phức tạp, đòi hỏi phải kết hợp nhiều lực lượng giáo dục, nhiều đối tượng cùng tham gia. (ĐTB: 4,34)

GDKNS gắn liền với việc trải nghiệm và sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học tích cực (ĐTB: 4,32)

GDKNS luôn gắn liền với hành động của con người trong thực tiễn cuộc sống với sự vận động và biến đổi khác nhau. (ĐTB: 4,22)

Ở mức thấp nhất là:

GDKNS cần được xây dựng nội dung và lập kế hoạch rõ ràng, trên cơ sở đó tiến hành theo các biện pháp cụ thể. (ĐTB: 4,04)

Nội dung GDKNS luôn thay đổi và phụ thuộc vào đặc điểm địa lí, văn hóa, lứa tuổi, ... (ĐTB: 4,06).

Như vậy, CBQL, GV đã nhận thức được rõ những đặc điểm cơ bản nhất của GDKNS, nhưng item gây nhiều không được đánh giá cao. Đặc biệt là các ý kiến đều không đồng ý hoặc phân vân khi quan niệm “GDKNS chỉ đơn thuần là việc truyền giảng những vấn đề lí thuyết, lí luận chung chung”. (ĐTB: 2,68)

2.3.1.2. Nhận thức về các nguyên tắc giáo dục KNS cho học sinh tiểu học

Để nắm được thực trạng nhận thức về các nguyên tắc giáo dục KNS cho học sinh tiểu học trên địa bàn huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang, tác giả đã đưa ra 5 nguyên tắc. Kết quả thể hiện trong bảng 2.2.

Bảng 2.2 Nhận thức của CBQL và GV về các nguyên tắc giáo dục KNS cho học sinh tiểu học

TT	Nguyên tắc		Tổng	Trung bình	Thứ bậc	ĐTB
1	Nguyên tắc 1	GDKNS phải tạo điều kiện và cơ hội để người học được hoạt động trong môi trường học tập có sự giao tiếp và tương tác tích cực.	210	4.20	10	4,28
2		GDKNS phải tạo điều kiện cho trẻ quan sát, đóng vai, tạo ra sự tương tác giữa những người học với nhau và với các cá nhân khác trong xã hội.	218	4.36	5	
3	Nguyên	GDKNS nhằm trang bị cho người học những	227	4.54	1	4,26

TT	Nguyên tắc		Tổng	Trung bình	Thứ bậc	ĐTB
	tắc 2	kiến thức, giá trị, thái độ và kỹ năng phù hợp để hướng đến việc hình thành những hành vi, thói quen lành mạnh, tích cực;				
4		GDKNS cần phải định hướng và hình thành cho trẻ những giá trị sống đúng đắn để từ đó trẻ biết nhìn nhận và đánh giá cái đúng/ cái sai;	224	4.48	2	
5		GD giá trị sẽ tạo ra nền tảng, định hướng cho việc thể hiện thái độ và hành vi của mỗi cá nhân.	210	4.20	11	
6		GDKNS là quá trình phải được tiến hành song song với GD giá trị, nó cũng tuân theo những nguyên tắc của GD giá trị.	190	3.80	16	
7	Nguyên tắc 3	Nội dung GDKNS cần tập trung giáo dục cho học sinh khả năng vận dụng kiến thức và thể hiện giá trị bản thân trong những tình huống cụ thể hàng ngày	205	4.10	15	4,19
8		GDKNS phải tạo ra cơ hội để trẻ bộc lộ được vốn kinh nghiệm, hiểu biết đã có của bản thân trong việc giải quyết những vấn đề của cuộc sống.	210	4.20	9	
9		Cần hình thành và rèn luyện cho người học có được kỹ năng thực hiện các hành động tích cực trong các mối quan hệ với bản thân, người khác và với cộng đồng xã hội.	214	4.28	8	
10	Nguyên tắc 4	GDKNS là việc hình thành cho người học có được những kiến thức về các mối quan hệ, các hoạt động trong cuộc sống;	208	4.16	13	4,24
11		GDKNS đi từ việc học sinh hình thành kiến thức, nhận biết các giá trị đến việc thực hành, vận dụng và rèn luyện trong thực tiễn.	216	4.32	6	
12	Nguyên tắc 5	GDKNS cần giúp các em có khả năng đứng vững trước những lời kéo, rủ rê của bạn bè và người xấu;	215	4.30	7	4,30
13		GDKNS cần hình thành cách cư xử đúng mực, giao tiếp có hiệu quả với những người xung quanh;	223	4.46	3	
14		GDKNS cần phát triển năng lực quan sát, phân tích, suy nghĩ, đánh giá để đối phó và giải quyết được các tình huống khác nhau của đời sống	206	4.12	14	
15		GDKNS cần làm cho các em biết phân tích cái đúng/cái sai; cái tốt/cái xấu một cách đúng đắn,	221	4.42	4	
16		GDKNS cần hình thành ở các em mong muốn và thực hiện điều chỉnh hành vi để hướng đến những hành vi tích cực.	210	4.20	11	
		Điểm trung bình chung		4.26		

Qua bảng số liệu có thể thấy điểm trung bình khá cao (từ 4,19 đến 4,30). Ở mức

cao nhất là nguyên tắc 5 “Đảm bảo hình thành và thay đổi hành vi” (ĐTB: 4,30) và nguyên tắc 1 “Đảm bảo sự tương tác cao cho người học” (ĐTB: 4,28).

Ở mức thấp hơn là:

Nguyên tắc 2 “Đảm bảo cho học sinh được trải nghiệm” (ĐTB: 2,46)

Nguyên tắc 4 “Đảm bảo tiến trình thực hiện” (ĐTB: 4,24)

Mức thấp nhất là:

Nguyên tắc 3 “Nội dung GDKNS cần tập trung giáo dục cho học sinh khả năng vận dụng kiến thức và thể hiện giá trị bản thân trong những tình huống cụ thể hàng ngày”. “GDKNS phải tạo ra cơ hội để trẻ bộc lộ được vốn kinh nghiệm, hiểu biết đã có của bản thân trong việc giải quyết những vấn đề của cuộc sống”. “Cần hình thành và rèn luyện cho người học có được kỹ năng thực hiện các hành động tích cực trong các mối quan hệ với bản thân, người khác và với cộng đồng xã hội” (ĐTB: 4,19).

Qua phỏng vấn một số giáo viên, chúng tôi được biết: Các thầy cô giáo quan niệm kết quả GDKNS phải được thể hiện trong sự thay đổi hành vi, cách ứng xử của học sinh với học sinh và học sinh với thầy, cô giáo. Nếu không tạo ra sự chuyển biến đó thì chưa thể gọi là thành công trong công tác giáo dục. Chính vì vậy nguyên tắc “Đảm bảo hình thành và thay đổi hành vi” và “Đảm bảo sự tương tác cao cho người học” cần được quan tâm hàng đầu. Còn nguyên tắc “Đảm bảo cho học sinh được trải nghiệm” và “Đảm bảo tiến trình thực hiện” mang tính chất hỗ trợ cho hai nguyên tắc cơ bản trên nên không được đánh giá cao.

2.3.1.3. Nhận thức về các con đường giáo dục KNS cho học sinh tiểu học

Có nhiều con đường để GDKNS cho học sinh tiểu học, mỗi con đường đều có tác dụng và ưu thế nhất định; nhận thức được các con đường GDKNS là rất cần thiết để CBQL và GV tiến hành các hoạt động GDKNS cho học sinh ở trường tiểu học. Vì vậy tác giả tiếp tục khảo sát nhận thức của CBQL và GV về các con đường GDKNS cho học sinh tiểu học.

Bảng 2.3: Nhận thức của CBQL và GV về các con đường GDKNS

TT	Con đường GDKNS	Tổng	Trung bình	Thứ bậc
1	Khai thác nội dung môn học, lựa chọn những bài học phù hợp với đối tượng học sinh để GDKNS.	208	4.16	3
2	Tăng cường sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực trong các môn học để GDKNS.	212	4.24	2
3	GDKNS qua hình thức sinh hoạt theo chủ điểm	193	3.86	5
4	GDKNS qua các buổi sinh hoạt tập thể, bao gồm: sinh hoạt lớp, chào cờ, sinh hoạt Đội, Sao.	222	4.44	1
5	GDKNS thông qua các hoạt động trải nghiệm mang tính tự chọn tùy theo điều kiện của từng trường, từng địa phương và khả năng của HS	198	3.96	4
	Điểm trung bình		4.13	

Tác giả đã đưa ra 5 con đường GDKNS để khảo sát nhận thức của CBQL và GV về con đường GDKNS. Kết quả được thể hiện như sau: Các con đường GDKNS cho học sinh tiểu học mà chúng tôi đưa ra được CBQL và GV đánh giá cao (ĐTB: 4,13). Tuy nhiên, mức độ đánh giá có sự phân tầng khi phân tích từng nội dung:

Đánh giá ở mức cao nhất là:

GDKNS qua các buổi sinh hoạt tập thể, bao gồm: sinh hoạt lớp, chào cờ, sinh hoạt Đội, Sao. (ĐTB: 4,44)

Tăng cường sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực trong các môn học để GDKNS. (ĐTB: 4,24)

Khai thác nội dung môn học, lựa chọn những bài học phù hợp với đối tượng học sinh để GDKNS. (ĐTB: 4,16)

Đánh giá ở mức thấp nhất là:

GDKNS thông qua các hoạt động trải nghiệm mang tính tự chọn tùy theo điều kiện của từng trường, từng địa phương và khả năng của học sinh (ĐTB: 3,96)

GDKNS qua hình thức sinh hoạt theo chủ điểm (ĐTB: 3,86)

Chúng tôi trực tiếp trò chuyện với các giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường tiểu học Bình An, các thầy cô giáo đã chia sẻ: Các buổi sinh hoạt tập thể có ưu thế hơn để GDKNS cho HS bởi nhiều lý do: Thứ nhất, các hoạt động sinh hoạt tập thể được diễn ra thường xuyên, hàng tuần đều có hoạt động sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, sinh hoạt sao nên GV có thể tổ chức lồng ghép GDKNS cho HS có hệ thống. Thứ hai, tính chất của các hoạt động có sự tương tác cao giữa học sinh và học sinh. Thứ ba, tính chất của các hoạt động đó có thể rèn các kỹ năng tự ý thức, kỹ năng giao tiếp cho HS. Giáo dục KNS có thể được thực hiện thông qua dạy học, đặc biệt là các môn Tự nhiên và xã hội, Khoa học, Đạo đức.

Qua đây có thể thấy rằng GDKNS thông qua các hoạt động trải nghiệm và qua hình thức sinh hoạt theo chủ đề chưa được chú trọng đến. Tìm hiểu chúng tôi được biết hoạt động trải nghiệm mới được thực hiện trong các nhà trường tiểu học nên CBQL và GV chưa thấy được tầm quan trọng của con đường này trong việc giáo dục KNS cho sinh.

2.3.1.4. Nhận thức về các KNS cần giáo dục cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang

Giáo dục KNS cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số có những kỹ năng cần thiết, nhận thức được những kỹ năng này là cơ sở quan trọng để cán bộ quản lý và giáo viên tiến hành các hoạt động giáo dục KNS trong nhà trường. Vì vậy tác giả tiếp tục khảo sát nhận thức của cán bộ quản lý và giáo viên về các KNS cần giáo dục cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số. Kết quả thể hiện trong bảng 2.4.

Bảng 2.4. Nhận thức của CBQL và GV về các KNS cần giáo dục cho học sinh dân tộc thiểu số

TT	KNS cần giáo dục cho HS Tiểu học	Tổng	Trung bình	Thứ bậc
1	Kỹ năng tự nhận thức	215	4.30	4
2	Kỹ năng thương lượng/kỹ năng từ chối	189	3.78	10
3	Kỹ năng giao tiếp	234	4.68	1
4	Kỹ năng ủng hộ, biện hộ, bênh vực	176	3.52	13
5	Kỹ năng tư duy có phê phán	180	3.60	12
6	Kỹ năng ra quyết định	192	3.84	9
7	Kỹ năng tự tin, chủ động, trình bày, nêu vấn đề	213	4.26	5
8	Kỹ năng kiểm chế cảm xúc và làm chủ bản thân	208	4.16	7
9	Kỹ năng ứng xử khi bị căng thẳng	189	3.78	10
10	Kỹ năng thể hiện sự cảm thông	209	4.18	6
11	Kỹ năng hợp tác - làm việc nhóm	221	4.42	3
12	Kỹ năng thể hiện sự tôn trọng, quan tâm đến mình và người khác.	225	4.50	2
13	Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin	204	4.08	8
	Điểm trung bình		4	

Qua bảng ta có thể thấy: Những KNS được đánh giá cao cần GD cho HS tiểu học huyện Lâm Bình là kỹ năng giao tiếp (ĐTB: 4,68) ; Kỹ năng thể hiện sự tôn trọng, quan tâm đến mình và người khác (ĐTB: 4,50); Kỹ năng hợp tác-làm việc nhóm (ĐTB: 4,42); Kỹ năng tự nhận thức (ĐTB: 4,30). Qua tìm hiểu chúng tôi được biết đây là những kỹ năng mà HS tiểu học ở huyện còn thiếu và yếu, rất cần được giáo dục.

Ở mức thấp hơn là:

Kỹ năng tự tin, chủ động, trình bày, nêu vấn đề; Kỹ năng thể hiện sự cảm thông; Kỹ năng kiềm chế cảm xúc và làm chủ bản thân; Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin (ĐTB : 4,08 - 4,26). Theo các GV, đây là những kỹ năng cần thiết được giáo dục nhưng chưa cấp thiết.

Ở mức thấp nhất là:

Kỹ năng ra quyết định, Kỹ năng thương lượng/kỹ năng từ chối; Kỹ năng ứng xử khi bị căng thẳng; Kỹ năng ủng hộ, biện hộ, bênh vực; Kỹ năng tư duy có phê phán (ĐTB: 3,52 - 3,84). Các GV cho rằng đây là các kỹ năng quan trọng nhưng xếp thứ tự ưu tiên sau các kỹ năng trên vì tính cấp thiết thực tiễn chưa cao.

Tác giả tiến hành phỏng vấn một số giáo viên và đã thu được nhiều phương án khác nhau. Phần lớn giáo viên cho rằng kỹ năng giao tiếp và kỹ năng hợp tác - làm việc nhóm là hai kỹ năng căn bản, cần thiết nhất cần giáo dục cho học sinh tiểu học, đặc biệt là học sinh người dân tộc thiểu số bởi các em có đặc thù là hay tự ti, ngại tiếp xúc và giao tiếp với người khác. Bên cạnh đó cũng có giáo viên cho rằng kỹ năng thể hiện sự tôn trọng, quan tâm đến mình và người khác là rất cần thiết. Điều này cho thấy nhận thức của giáo viên chưa thực sự sâu sắc trong quá trình giáo dục KNS cho học sinh.

2.3.2. Thực trạng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang

2.3.2.1. Thực trạng sử dụng các con đường giáo dục KNS cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang

Giáo dục KNS cho học sinh tiểu học được thực hiện thông qua nhiều con đường khác nhau, tuy nhiên mức độ và hiệu quả thực hiện lại khác nhau nên việc nhận biết được thực trạng này là cơ sở để đề xuất các biện pháp giáo dục KNS cho phù hợp.

Bảng 2.5. Thực trạng sử dụng các con đường giáo dục KNS cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang

TT	Con đường GDKNS	Tổng	Trung bình	Thứ bậc
1	Khai thác nội dung môn học, lựa chọn những bài học phù hợp với đối tượng học sinh để GDKNS.	210	4.20	2
2	Tăng cường sử dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực trong các môn học để GDKNS.	206	4.12	3
3	GDKNS qua hình thức sinh hoạt theo chủ đề	202	4.04	4
4	GDKNS qua các buổi sinh hoạt tập thể, bao gồm: sinh hoạt lớp, chào cờ, sinh hoạt Đội, Sao.	215	4.30	1
5	GDKNS thông qua các hoạt động trải nghiệm mang tính tự chọn tùy theo điều kiện của từng trường, từng địa phương và khả năng của học sinh	198	3.96	5
	Điểm trung bình		4.12	

Kết quả khảo sát cho thấy:

Những con đường GDKNS được thực hiện ở mức “thường xuyên” là:

GDKNS qua các buổi sinh hoạt tập thể, bao gồm: sinh hoạt lớp, chào cờ, sinh hoạt Đội, Sao. (ĐTB xếp thứ nhất : 4, 30)

Khai thác nội dung môn học, lựa chọn những bài học phù hợp với đối tượng học sinh để GDKNS. (Điểm trung bình xếp thứ 2: 4,20)

Tăng cường sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực trong các môn học để GDKNS (ĐTB xếp thứ 3: 4,12)

GDKNS qua hình thức sinh hoạt theo chủ điểm (ĐTB xếp thứ 4: 4,04)

Điều đó cho thấy đây những là con đường giáo dục chủ yếu được sử dụng trong nhà trường để giáo KNS cho học sinh.

Con đường “GDKNS thông qua các hoạt động trải nghiệm mang tính tự chọn tùy theo điều kiện của từng trường, từng địa phương và khả năng của học sinh” thì ít được thực hiện (ĐTB là 3,96)

Tác giả đã phỏng vấn đồng chí M.T.L - Hiệu phó trường tiểu học Bình An và được trả lời rằng: GDKNS thông qua các hoạt động trải nghiệm cho học sinh tổ chức 1 lần/năm. Hoạt động này mới được thực hiện bắt đầu từ năm học 2017-2018 theo Công văn của Sở

Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức Hội thảo trao đổi kết quả học tập kinh nghiệm đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo GDTH tại tỉnh Bắc Giang. Phòng Giáo dục và Đào tạo cử cán bộ quản lý các trường tham gia hội thảo. Một trong những nội dung của hội thảo là dự sinh hoạt ngoại khóa, trải nghiệm thực tế tại trường Tiểu học 19-8. Sau đó các trường sẽ đăng ký các hoạt động trải nghiệm và tiến hành hoạt động. Còn GDKNS qua hình thức sinh hoạt theo chủ điểm thực hiện 4 tiết/ tháng, bắt đầu thực hiện từ năm học 2016-2017.

2.3.2.2. Thực trạng KNS của học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang

Chúng tôi xin ý kiến của khách thể khảo sát bằng phiếu hỏi, kết hợp với quan sát và trò chuyện với học sinh để đánh giá thực trạng KNS của học sinh tiểu học. Kết quả khảo sát như sau:

Bảng 2.6: Đánh giá của CBQL và GV về KNS của học sinh dân tộc thiểu số

ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang

TT	Kỹ năng sống	Cán bộ quản lý, giáo viên						
		Tốt	Khá	Trung bình	Kém	Chưa có kỹ năng	Điểm TB	Xếp loại
1	Kỹ năng tự nhận thức: là tự mình nhìn nhận và đánh giá về bản thân	22	23	4	1	0	4,32	3
2	Kỹ năng ra quyết định: Xác định tìm kiếm các lựa chọn, giải quyết vấn đề, ứng phó, thương lượng.	9	34	7	0	0	4,04	6
3	Kỹ năng tự tin, chủ động, trình bày, nêu vấn đề	20	23	7	0	0	4,26	5
4	Kỹ năng kiềm chế cảm xúc và làm chủ bản thân	22	21	5	2	0	4,26	4
5	Kỹ năng hợp tác - làm việc nhóm	25	19	5	1	0	4,36	2
6	Kỹ năng giao tiếp: Phản hồi, lắng nghe tích cực, trình bày suy nghĩ và ý tưởng, ứng xử giao tiếp, thể hiện cảm thông.	27	18	5	0	0	4,44	1
	Điểm trung bình						4,28	

Nhìn vào bảng khảo sát ta thấy:

Một số kỹ năng học sinh tiểu học thực hiện khá tốt đó là: Kỹ năng giao tiếp (ĐTB: 4,44), Kỹ năng hợp tác- làm việc nhóm (ĐTB: 4,36), Kỹ năng tự nhận thức (ĐTB: 4,32)

Một số kỹ năng HS thực hiện ở mức thấp hơn đó là: Kỹ năng kiềm chế cảm xúc và làm chủ bản thân (ĐTB: 4,26), Kỹ năng tự tin, chủ động, trình bày, nêu vấn đề (ĐTB: 4,26), Kỹ năng ra quyết định (ĐTB: 4,04).

Phỏng vấn một số GV chúng tôi được biết những kỹ năng trên chưa được đánh giá cao bởi nhiều nguyên nhân: Do đặc điểm của học sinh người dân tộc thiểu số rất nhút nhát, e dè nên khi trình bày một vấn đề hay nguyện vọng đều là điều khá khó khăn. Một mặt khác, bản tính thật thà của trẻ em cộng với đặc điểm của học sinh dân tộc nên các em thường bộc lộ cảm xúc rất tự nhiên, nhiều khi lại chưa phù hợp với hoàn cảnh.

2.3.3. Thực trạng giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo

tại các trường tiểu học của huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang

2.3.3.1. Thực trạng thực hiện mục tiêu, nội dung giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số

*** Thực trạng thực hiện mục tiêu giáo dục KNS**

Để nắm được thực trạng thực hiện mục tiêu GDKNS cho học sinh tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang, tác giả đã đưa ra 3 mục tiêu. Kết quả thể hiện trong bảng 2.7:

Bảng 2.7. Thực trạng thực hiện mục tiêu giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số

TT	Mục tiêu		Tổng	Trung bình	Điểm TB
1	Mục tiêu về kiến thức	Trình bày được tầm quan trọng của kỹ năng sống	203	4,06	4,09
2		Chỉ ra được các kỹ năng sống cần hình thành ở học sinh tiểu học.	214	4,28	
3		Phân tích được nội dung, ý nghĩa và cách thực hiện từng kỹ năng sống cần thiết cho học sinh tiểu học hiện nay.	196	3,92	
4	Mục tiêu về kỹ năng	Vận dụng được kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống nảy sinh trong cuộc sống và học tập.	207	4,14	4,25
5		Nhìn nhận và đánh giá đúng ưu điểm, hạn chế của bản thân, có thể kiểm soát được tình cảm và xúc cảm để từ đó có những quyết định chính xác về học tập, giao tiếp và phát triển bản thân.	208	4,16	
6		Hợp tác thành công với bạn trong thực hiện các nhiệm vụ học tập và vui chơi.	212	4,24	
7		Giao tiếp đúng mực với thầy cô và bạn bè.	223	4,46	
8	Mục tiêu về thái độ	Học sinh có thái độ và hành vi tích cực đối với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội, đối với các vấn đề của cuộc sống trong mọi mối quan hệ của bản thân.	209	4,18	4,20
9		HS thực hiện nghiêm túc quyền, bổn phận của mình để phát triển hài hoà về các mặt thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức.	211	4,22	
Trung bình chung				4,18	

Qua bảng số liệu có thể thấy, mục tiêu giáo dục KNS được xếp theo thứ tự như

sau: mục tiêu về kỹ năng, mục tiêu về thái độ, mục tiêu về kiến thức:

Được đánh giá cao nhất là mục tiêu về kỹ năng (ĐTB: 4,25, xếp thứ 1)

“Vận dụng được kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống nảy sinh trong cuộc sống và học tập.

Nhìn nhận và đánh giá đúng ưu điểm, hạn chế của bản thân, có thể kiểm soát được tình cảm và xúc cảm để từ đó có những quyết định chính xác về học tập, giao tiếp và phát triển bản thân.

Hợp tác thành công với bạn trong thực hiện các nhiệm vụ học tập và vui chơi.

Giao tiếp đúng mực với thầy cô và bạn bè.”

Tiếp đó là mục tiêu về thái độ (ĐTB: 4,20, xếp thứ 2)

“Học sinh có thái độ và hành vi tích cực đối với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội, đối với các vấn đề của cuộc sống trong mọi mối quan hệ của bản thân.

HS thực hiện nghiêm túc quyền, bổn phận của mình để phát triển hài hoà về các mặt thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức.”

Mục tiêu về kiến thức (ĐTB: 4,09, xếp thứ 3)

“Trình bày được tầm quan trọng của kỹ năng sống

Chỉ ra được các kỹ năng sống cần hình thành ở học sinh tiểu học.

Phân tích được nội dung, ý nghĩa và cách thực hiện từng kỹ năng sống cần thiết cho học sinh tiểu học hiện nay.”

Phân tích một cách cụ thể hơn thì mục tiêu giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh dân tộc thiểu số được thực hiện ở mức độ thường xuyên. Trong đó mục tiêu giáo dục kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hợp tác được đánh giá là thực hiện ở mức độ cao hơn. Điều này đã chứng minh ưu thế của tổ chức hoạt động trải nghiệm trong giáo dục KNS cho học sinh.

*** Thực trạng thực hiện nội dung giáo dục KNS**

Đánh giá chung về thực trạng thực hiện nội dung giáo dục KNS theo từng kỹ năng của CBQL và GV ở mức Khá với điểm trung bình từ 4,10 đến 4,36.

Bảng 2.8. Thực trạng thực hiện nội dung giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số

STT	Nội dung GDKNS		Tổng	Trung bình	Thứ bậc	Điểm TB
1	Kỹ năng tự nhận thức	Học sinh tự nhận thức được sự trưởng thành của cơ thể. (giải thích được tại sao có sự phát triển và lớn lên của cơ thể.	203	4,06	25	4,15
2		Học sinh tự nhận thức được các vấn đề về sức khỏe của cá nhân	208	4,16	16	
3		Học sinh tự nhận thức được các vấn đề về chăm sóc sức khỏe	208	4,16	16	
4		Học sinh tự nhận thức được vai trò của mình trong tập thể, trong gia đình, cộng đồng.	212	4,24	10	
5		Học sinh nhận thức được các bệnh thường gặp của bản thân, gia đình và cộng đồng.	207	4,14	20	
6	Kỹ năng ra quyết định	Thực hiện các hành động, việc làm để vệ sinh, bảo vệ môi trường sống.	211	4,22	12	4,12
7		Thực hiện phòng chống một số bệnh thường gặp trong cộng đồng người DTTS: bệnh sốt xuất huyết, bệnh viêm phổi, bệnh sốt rét,..	201	4,02	27	
8		Ra quyết định lựa chọn những hành động để đảm bảo an toàn khi ở nhà, ở trường, trên đường đi học.	206	4,12	21	
9	Kỹ năng tự tin, chủ động, trình bày nêu vấn đề	Chủ động, hăng hái tham gia phát biểu, đóng góp ý kiến trong các hoạt động học tập cũng như ngoài giờ;	215	4,30	7	4,10
10		Tự tin vào bản thân, không rụt rè khi trình bày phát biểu ý kiến về một vấn đề nào đó liên quan đến nội dung môn học hay các hoạt động khác.	207	4,14	19	
11		Có khả năng sử dụng kết hợp các ngôn ngữ cơ thể như: ánh mắt, cử chỉ, nét mặt, điệu bộ phù hợp để nêu quan điểm của bản thân, trình bày một cách thuyết phục về vấn đề nào đó.	193	3,86	29	
12	Kỹ năng kiểm chế cảm xúc và làm chủ bản thân	HS có khả năng vượt qua sợ hãi.	201	4,02	26	4,11
13		Tự kiểm chế cảm xúc tiêu cực của bản thân để có những lời nói tích cực khi có sự mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với các bạn khác khi tham gia các hoạt động.	204	4,08	24	
14		HS xác định và đạt được mục tiêu của bản thân	204	4,08	23	

STT	Nội dung GDKNS		Tổng	Trung bình	Thứ bậc	Điểm TB
15		HS biết quản lý thời gian và đảm nhận trách nhiệm của mình	212	4,24	11	
16		HS sống tốt trong môi trường tập thể	218	4,36	6	
17	Kỹ năng hợp tác- làm việc nhóm	Tôn trọng mục đích, mục tiêu chung của nhóm	207	4,14	18	4,22
18		Tôn trọng những quyết định chung, những điều đã cam kết	214	4,28	8	
19		Biết giao tiếp hiệu quả, tôn trọng, đoàn kết, và cảm thông, chia sẻ với các thành viên khác trong nhóm	214	4,28	9	
20		Nghiêm túc, sẵn sàng cùng mọi người trong nhóm nhận và hoàn thành các nhiệm vụ học tập ở trên lớp cũng như ngoài lớp liên quan đến hoạt động TNST.	210	4,20	13	
21		Chủ động nêu ý kiến trước nhóm, trước tập thể, lắng nghe các bạn nói khi làm chung công việc nhóm, hợp tác với nhau để hoàn thành nhiệm vụ GV giao cho.	209	4,18	15	
22		Có trách nhiệm về những thành công hay thất bại của nhóm, về những sản phẩm do nhóm tạo ra.	205	4,10	22	
23	Kỹ năng giao tiếp	Nghe hiểu được tiếng Việt, dùng tiếng Việt để trình bày suy nghĩ của mình	222	4,44	4	4,36
24		Các em biết giới thiệu về bản thân, về gia đình, về trường lớp học và bạn bè thầy cô giáo.	223	4,46	2	
25		Biết chào hỏi lễ phép trong nhà trường, ở nhà và ở nơi công cộng.	221	4,42	5	
26		Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi.	230	4,60	1	
27		Biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến người khác	223	4,46	3	
28		Biết cách đặt câu hỏi với thầy cô giáo và người lớn với các vấn đề chưa hiểu rõ	209	4,18	14	
29		Biết nói ra chủ kiến, chính kiến của bản thân	199	3,98	28	
		Điểm trung bình chung		4,20		

Bảng số liệu 2.8 cho thấy việc thực hiện nội dung khi giáo dục KNS cho học sinh được xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp như sau:

1.Kỹ năng giao tiếp (ĐTB: 4,36)

2. Kỹ năng hợp tác - làm việc nhóm (ĐTB: 4,22)
3. Kỹ năng nhận thức (ĐTB: 4,15)
4. Kỹ năng ra quyết định (ĐTB: 4,12)
5. Kỹ năng kiềm chế cảm xúc và làm chủ bản thân (ĐTB: 4,11)
6. Kỹ năng tự tin, chủ động, trình bày, nêu vấn đề (ĐTB: 4,10)

Qua tìm hiểu chúng tôi được biết các hoạt động trải nghiệm chú trọng nhiều đến giáo dục kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hợp tác cho học sinh. Ví dụ: Trường tiểu học tổ chức hoạt động trải nghiệm thiên nhiên để tìm hiểu và khám phá thế giới. Học sinh được tham quan khu rừng gần trường, được tham gia các trò chơi tập thể, tham gia nấu ăn,... Các kỹ năng kiềm chế cảm xúc và tự tin, chủ động trình bày vấn đề chưa được quan tâm giáo dục nhiều. Kết quả khảo sát này hoàn toàn phù hợp với kết quả đánh giá ở bảng 2.6.

2.3.3.2. *Thực trạng sử dụng phương pháp, hình thức giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số*

*** Thực trạng sử dụng phương pháp giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số**

Chúng tôi tìm hiểu mức độ sử dụng các phương pháp giáo dục để truyền tải nội dung giáo dục KNS cho học sinh. Kết quả như sau:

Bảng 2.9. Mức độ thực hiện phương pháp GDKNS cho HSTH thông qua HĐNST

TT	Phương pháp GDKNS	Tổng	Trung bình	Thứ bậc
1	Phương pháp giải quyết vấn đề	191	3,82	3
2	Phương pháp sắm vai	195	3,90	2
3	Phương pháp làm việc nhóm	216	4,32	1
4	Phương pháp dạy học dự án	179	3,58	4
	Điểm trung bình		3,91	

Phương pháp được sử dụng ở mức thường xuyên là: Phương pháp làm việc nhóm (ĐTB = 4,32), phương pháp sắm vai (ĐTB = 3,90), phương pháp giải quyết vấn đề (ĐTB = 3,82);

Phương pháp ít được sử dụng để giáo dục KNS cho học sinh là: Phương pháp dạy học dự án (ĐTB = 3,58)

Qua phỏng vấn một số GV chúng tôi được biết phương pháp được sử dụng thường xuyên để giáo dục KNS cho học sinh là phương pháp làm việc nhóm. Chẳng hạn như thông qua những buổi làm việc nhóm trên lớp cũng như việc học nhóm ở nhà, thông qua việc GV phân công lao động cho từng nhóm học sinh,..điều này giúp các em có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và các hoạt động khác.

*** Thực trạng sử dụng hình thức giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số**

Trong phạm vi đề tài nghiên cứu, tác giả khảo sát chất lượng thực hiện 6 hình thức giáo dục kỹ năng sống, kết quả thu được thể hiện trong bảng 2.10:

Bảng 2.10: Đánh giá của CBQL và GV về thực trạng thực hiện hình thức giáo dục KNS cho học sinh dân tộc thiểu số

TT	Hình thức GDKNS	Tổng	Trung bình	Thứ bậc
1	Tổ chức trò chơi	217	4,34	1
2	Tham quan, dã ngoại	185	3,70	3
3	Hội thi/cuộc thi	188	3,76	2
4	Hoạt động chiến dịch	173	3,46	6
5	Hoạt động nhân đạo	181	3,62	5
6	Lao động công ích	185	3,70	3
	Điểm trung bình		3,76	

Đánh giá chung về thực trạng thực hiện hình thức giáo dục KNS của CBQL và GV ở mức Khá với điểm trung bình từ 3,46 đến 4,34.

Hình thức GDKNS được tổ chức nhiều nhất cho HS là Tổ chức trò chơi với ĐTB là 4,34

Ở mức thấp hơn là GDKNS thông qua các hình thức: Hội thi/cuộc thi (ĐTB là 3,76). Cùng số điểm trung bình là 3,70 là hai hình thức Tham quan dã ngoại và Lao động công ích.

Thấp nhất là hai hình thức:

Hoạt động nhân đạo (ĐTB: 3,62)

Hoạt động chiến dịch (ĐTB: 3,46)

Qua tìm hiểu chúng tôi được biết những hình thức như hội thi/ cuộc thi, tham quan dã ngoại và lao động công ích chỉ được tổ chức theo học kì hay khi đến những ngày lễ lớn. Được tổ chức nhiều nhất là hình thức tổ chức trò chơi. Ví dụ như GV tổ chức trò chơi khi bắt đầu buổi học, tổ chức trong các giờ học thể dục,.. Đây là một hình thức mà trong bất kì một hoạt động nào cũng đều có thể sử dụng. Tổ chức trò chơi giúp các em giải tỏa căng thẳng và tạo hứng thú trong học tập.

2.3.4. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học

Thông qua việc khảo sát ý kiến các cán bộ, giáo viên về các yếu tố ảnh hưởng. Kết quả thu được ở bảng 2.11

Bảng 2.11: Đánh giá của CBQL và GV về các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình GDKNS cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang

TT	GDKNS	Tổng	Trung bình	Thứ bậc
1	Nhận thức của đội ngũ CB - GV, cha mẹ học sinh, các lực lượng xã hội về việc giáo dục KNS cho học sinh	215	4,30	3
2	Trình độ năng lực của đội ngũ GV	217	4,34	1
3	Cơ sở vật chất của nhà trường	198	3,96	6
4	Nhận thức của học sinh	216	4,32	2
5	Các văn bản của Bộ, Sở GD&ĐT và sự chỉ đạo của sở, phòng GD&ĐT đối với hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.	208	4,16	4
6	Sự chỉ đạo sát sao của sở, phòng GD&ĐT đối với hoạt động giáo dục kỹ năng sống	205	4,10	5
	Điểm trung bình		4,20	

Nhìn vào kết quả bảng 2.11 tác giả nhận định về mức độ ảnh hưởng đến quá trình giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang như sau:

Trình độ năng lực của đội ngũ giáo viên được các CBQL và GV đánh giá ở mức độ rất ảnh hưởng 25/50 ý kiến = 50%, 22/50 ý kiến = 44% đánh giá ở mức độ ảnh hưởng, với ĐTB = 4,34. Nhận thức của học sinh được xếp thứ 2 với ĐTB= 4,32.

Như vậy để hoạt động giáo dục KNS cho học sinh đem lại kết quả cao đòi hỏi phải có trình độ năng lực của đội ngũ giáo viên trên cơ sở đó hình thành cho các em ý thức, thái độ và hứng thú đối với môn học và các hoạt động.

Ngoài ra yếu tố nhận thức đúng đắn của đội ngũ CB- GV, cha mẹ học sinh, các lực lượng xã hội về việc giáo dục KNS cho học sinh cũng có vai trò quan trọng, quyết định tới sự thành công hay thất bại của việc tổ chức giáo dục kỹ năng sống.

Với kết quả khảo sát về các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình GDKNS cho học sinh, tác giả đã thu được kết quả với điểm trung bình trung từ 3,96- 4,34 tức là ở mức rất quan trọng và quan trọng. Qua đây giúp tác giả nhận định được để đem lại kết quả cao trong quá trình GDKNS cho học sinh chúng ta phải coi trọng đến nhiều yếu tố trong đó không thể không kể cơ sở vật chất của nhà trường.

2.4. Đánh giá chung về thực trạng

* Về nhận thức: Đa số CBQL, GV nhận thức đầy đủ về đặc điểm, nguyên tắc GDKNS cho HS tiểu học. Trên thực tế, CBQL, GV đã được tham gia tập huấn về GDKNS cho HS tiểu học nên cũng có hiểu cơ bản về nội dung giáo dục này.

* Về hoạt động giáo dục kỹ năng sống: Hoạt động GDKNS cho HS tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang có nhiều ưu điểm được thể hiện ở nội dung đánh giá và các KNS của HS tiểu học được đánh giá khá cao. Con đường được sử dụng nhiều

để GDKNS thông qua sinh hoạt tập thể và dạy học. Hoạt động trải nghiệm chưa phát huy được vai trò và ưu thế trong GDKNS cho học sinh.

* Về giáo dục KNS thông qua HĐTNST: Mặc dù chưa được tiến hành thường xuyên nhưng mỗi HĐTNST được tổ chức lại đem lại hiệu quả GDKNS khá cao. Việc thực hiện mục tiêu, nội dung, phương pháp GDKNS thông qua HĐTNST đánh giá ở mức tốt.

* Nguyên nhân:

- Sự chỉ đạo để định hướng tổ chức hoạt động TNST ở trường tiểu học còn chưa sát sao, yêu cầu tổ chức HĐTNST còn ít và mang tính hình thức.

- Giáo viên còn nhiều lúng túng, chưa hình dung rõ quy trình và cách thức tổ chức HĐTNST để GDKNS cho học sinh.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Việc tổ chức các hoạt động cho học sinh tiểu học, đặc biệt các hoạt động mang tính trải nghiệm là điều rất cần thiết, qua đó học sinh nắm được các nội dung mang tính tổng quát, đồng thời các em được tiếp xúc, gặp phải nhiều tình huống mà qua đó thể hiện được tầm quan trọng của KNS, nó sẽ hình thành trực tiếp kỹ năng, bài học kinh nghiệm cho các em hoặc có những tình huống mà sau là những ví dụ, kỷ niệm để về sau sẽ hình thành cho các em những KNS. Đặc biệt qua các buổi sinh hoạt tập trung thường mang lại cho các em nhiều hứng thú, nhiều tình huống phải hoạt động theo nhóm nên qua đó các KNS tổng hợp, tinh thần tương thân tương ái có tính lan tỏa rất mạnh trong toàn thể nhóm học sinh.

Kết quả khảo sát hoạt động giáo dục KNS ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình có thể thấy: Nhận thức của đội ngũ CBQL và GV về đặc điểm, nguyên tắc KNS, các con đường và hệ thống các KNS cần GD cho học sinh tiểu học đúng nhưng chưa đủ. Hoạt động giáo dục KNS ở các trường hiện nay còn gặp nhiều khó khăn từ nhận thức, hiểu biết của đội ngũ CBQL và GV về KNS và giáo dục KNS sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc lựa chọn các KNS phù hợp đưa vào triển khai trong hoạt động giáo dục KNS. Phần lớn, giáo dục kỹ năng sống tại các nhà trường tập trung vào hoạt động giảng dạy trên lớp, thông qua các nội dung truyền đạt theo phương thức giáo viên giảng - học trò ghi chép và phản hồi theo câu hỏi của giáo viên. Chưa thực sự có đổi mới trong hình thức, cách thức tổ chức giáo dục kỹ năng sống. Đây sẽ là cơ sở thực tiễn để đề xuất biện pháp giáo dục KNS cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Chương 3

BIỆN PHÁP GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO CHO HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG

3.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp

3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học

Khi đề xuất các biện pháp cần đảm bảo tính khoa học, nghĩa là các biện pháp phải phản ánh những thành tựu khoa học, công nghệ và văn hoá hiện đại. Từ những biện pháp này có thể giúp học sinh tiếp cận với những phương pháp, hình thức học tập cũng như các hoạt động trải nghiệm, nhận thức, thói quen suy nghĩ và làm việc một cách khoa học. Qua đó dần dần hình thành cơ sở thế giới quan khoa học, tình cảm và những phẩm chất đạo đức của con người hiện đại. Đảm bảo tính khoa học trong đề xuất biện pháp được thể hiện như sau:

Biện pháp đề xuất là phù hợp với lý luận về giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm.

Biện pháp đề xuất phải chỉ dẫn cụ thể cho giáo viên tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang trong tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm.

3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích

Thực hiện giáo dục KNS cho học sinh tiểu học thông qua hoạt động TNST là thực hiện quan điểm sự phạm tích hợp trong giáo dục, dạy học nhằm thiết lập chính thể nội dung giáo dục (nội dung học vấn và các hoạt động thực hiện) cho phép phát triển tối đa các năng lực của học sinh trong điều kiện có sự giới hạn về thời gian và nguồn lực.

Với yêu cầu cần tích hợp các thành tố cấu trúc của giáo dục KNS với các thành tố của hoạt động TNST, nguyên tắc đảm bảo tính mục đích đòi hỏi khi đề xuất các biện pháp giáo dục KNS cho học sinh tiểu học thông qua hoạt động TNST phải quán triệt các vấn đề sau:

- Nắm vững các yêu cầu của đổi mới giáo dục tiểu học về đổi mới mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục làm cơ sở cho việc phân tích các chương trình môn học và hoạt động giáo dục thuộc chương trình giáo dục tiểu học.

- Phân tích cụ thể các mục tiêu của hoạt động TNST và mục tiêu của giáo dục KNS cho học sinh tiểu học để tích hợp các mục tiêu này một cách khoa học. Trong quá trình tích hợp mục tiêu của hoạt động TNST và mục tiêu của giáo dục KNS cần lấy mục tiêu của hoạt động TNST làm cơ sở cho sự tích hợp.

3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn

Các biện pháp đề xuất phải đảm bảo tính thực tiễn, có nghĩa là nó phải dựa trên các quan điểm chỉ đạo về phát triển giáo dục tiểu học của Đảng, Nhà nước; dựa theo định hướng, chủ trương, chính sách phát triển của địa phương và ngành GD.

Các biện pháp phải xuất phát từ thực trạng hoạt động giáo dục kỹ năng sống của nhà trường, dựa trên những vấn đề còn hạn chế, vướng mắc trong công tác giáo dục đề đề xuất. Nếu các biện pháp không xuất phát từ thực tiễn thì hiệu quả chỉ thể hiện trên giấy tờ còn trên thực tế không phát huy tác dụng.

Ngoài ra, các biện pháp đề xuất phải căn cứ vào điều kiện cho phép của các trường tiểu học cả về vật chất và nhân lực bởi vì đó chính là yếu tố giúp cho việc áp dụng các biện pháp thuận lợi.

3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi

Các biện pháp giáo dục KNS thông qua hoạt động TNST đề xuất có tính khả thi trước hết phải có tính thực tiễn, phải dựa trên các chủ trương, đường lối, chính sách và thực trạng công tác quản lý của hiệu trưởng, công tác giảng dạy của giáo viên. Các biện pháp đề xuất phải sát với thực tế đáp ứng của các trường tiểu học, phù hợp với điều kiện vật chất và nhân lực, có khả năng ứng dụng cao. Các biện pháp khi xây dựng phải mang tính khoa học, chính xác với các bước tiến hành cụ thể, dễ làm, dễ hiểu, dễ vận dụng vào thực tiễn và có tính khả thi.

3.2. Các biện pháp giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình

3.2.1. Biện pháp 1: Xác định nhu cầu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học

*** Mục tiêu của biện pháp**

Nhằm đề xuất những cách thức để giáo viên có thể xác định được nhu cầu giáo dục KNS của học sinh, từ đó tổ chức thiết kế và lựa chọn các KNS cần thiết để giáo dục học sinh. Biện pháp này có ý nghĩa rất lớn làm cho hoạt động giáo dục KNS thông qua hoạt động TNST của giáo viên mang lại ý nghĩa thiết thực.

*** Nội dung và cách thức tiến hành:**

- *Phân tích bối cảnh:* Để xây dựng được các KNS cần giáo dục cho học sinh tiểu học thì giáo viên phải phân tích được bối cảnh kinh tế - xã hội của địa phương, phải xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của học sinh.

Ví dụ ở huyện Lâm Bình, trước tiên giáo viên cần phải xác định được các yếu tố thuận lợi (điều kiện, cuộc sống của học sinh gắn bó với thiên nhiên, đây là một yếu tố thuận lợi để tổ chức các hoạt động mang tính chất trải nghiệm, điều đó làm cho vốn sống của bản thân các em về thế giới xung quanh rất phong phú và đa dạng. Môi trường ở huyện Lâm Bình phần lớn là học sinh người dân tộc thiểu số, họ sống rất quây quần,

gần gũi, có sự chia sẻ với nhau. Tiếp đó GV cũng phải chỉ ra được những yếu tố hạn chế (số hộ nghèo còn nhiều, bởi vậy cha mẹ các em phải lo kiếm sống mưu sinh nên không tạo đủ điều kiện để cho các em có thể phát triển một cách tốt nhất; bên cạnh đó còn có những học sinh ngoài việc đến trường còn phải làm những việc khác để phụ giúp gia đình).

Do đặc điểm đặc thù nên HS cần phải được giao tiếp nhiều hơn với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, phải có môi trường giao tiếp với nhau và cần có sự định hướng để hình thành những năng lực tự phục vụ, từ đó các em không chỉ phục vụ cho hoạt động học tập của mình mà còn có thể giúp giảm tải những áp lực khó khăn trong gia đình.

- *Sử dụng các phương pháp nghiên cứu nhu cầu giáo dục KNS*

Để xác định được những nhu cầu KNS để giáo dục cho học sinh thì giáo viên phải sử dụng phối hợp các phương pháp nghiên cứu.

+ Phương pháp quan sát:

Quan sát là giáo viên sử dụng các tri giác có chủ định để thu thập thông tin về hoạt động thực tiễn của học sinh. Để phương pháp quan sát có hiệu quả thì GV cần phải xây dựng được phiếu quan sát.

Yêu cầu khi quan sát: GV khi quan sát phải xác định rõ ràng mục đích, nhiệm vụ quan sát; từ đó ghi chép đầy đủ diễn biến của học sinh. Ngoài ra, GV không được chủ quan trong khi nhận xét, đánh giá.

+ Sử dụng phiếu khảo sát GV: GV là những người trực tiếp làm nhiệm vụ tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh, đặc biệt là giáo viên chủ nhiệm là những người hiểu học sinh nhất, hiểu được năng lực vốn có và kỹ năng hiện tại cũng như nhu cầu của các em.

Yêu cầu khi xây dựng phiếu: Để đưa ra được danh mục nhưng kỹ năng cần thiết cần khảo sát ở nhiều giáo viên ở trường trên địa bàn. Từ đó cần phân tích các kết quả một cách khách quan.

+ Sử dụng phiếu khảo sát cha mẹ:

Cha mẹ là những người gần gũi và hiểu con cái của mình, mong muốn của cha mẹ về tương lai của con ảnh hưởng rất lớn đến việc giáo dục học sinh của giáo viên. Để tìm hiểu được cha mẹ học sinh cần phải trả lời được các câu hỏi: Mong muốn của cha mẹ về con trong tương lai như thế nào? Hiện tại con mình có những ưu, nhược điểm gì?

Yêu cầu khi xây dựng phiếu khảo sát: Câu hỏi đưa ra phải rõ ràng, khi khảo sát cần lựa chọn những đối tượng điển hình (có trình độ học thức và có sự tư duy định hướng cho sự phát triển của con)

- Xử lý thông tin thu được và đề xuất danh mục các KNS cần được hình thành cho học sinh thông qua hoạt động TNST.

Ví dụ: Chúng tôi xây dựng phiếu khảo sát để xác định nhu cầu giáo dục KNS cho học sinh tiểu học huyện Lâm Bình như sau:

+ *Khảo sát giáo viên:*

PHIẾU KHẢO SÁT

(Dành cho giáo viên)

Để lựa chọn các kỹ năng sống cần thiết giáo dục cho học sinh, thầy, cô cho biết những kỹ năng sống nào cần giáo dục cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số?

Hãy đánh giá theo 5 mức độ: 1: Không cần thiết, 2: Ít cần thiết; 3: Phân vân; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết

STT	Kỹ năng sống cần giáo dục cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số	Ý kiến				
		1	2	3	4	5
1	Kỹ năng tự nhận thức	1	2	3	4	5
2	Kỹ năng thương lượng/kỹ năng từ chối	1	2	3	4	5
3	Kỹ năng giao tiếp	1	2	3	4	5
4	Kỹ năng ủng hộ, biện hộ, bênh vực	1	2	3	4	5
5	Kỹ năng tư duy có phê phán	1	2	3	4	5
6	Kỹ năng ra quyết định	1	2	3	4	5
7	Kỹ năng tự tin, chủ động, trình bày, nêu vấn đề	1	2	3	4	5
8	Kỹ năng kiểm chế cảm xúc và làm chủ bản thân	1	2	3	4	5
9	Kỹ năng ứng xử khi bị căng thẳng	1	2	3	4	5
10	Kỹ năng thể hiện sự cảm thông	1	2	3	4	5
11	Kỹ năng hợp tác - làm việc nhóm	1	2	3	4	5
12	Kỹ năng thể hiện sự tôn trọng, quan tâm đến mình và người khác.	1	2	3	4	5
13	Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin	1	2	3	4	5

+ *Quan sát học sinh:*

PHIẾU QUAN SÁT HỌC SINH

Họ tên người quan sát:

Thời gian quan sát:

Lớp: Trường Tiểu học

Nội dung hoạt động	Biểu hiện của HS (gợi ý các nội dung sau)	Gợi ý những kỹ năng sống cần có
Giờ học	Mức độ tích cực: Hợp tác trong học tập: Trả lời câu hỏi:	
Giờ ra chơi	Các hoạt động chơi: Các nhóm chơi: Thái độ khi tham gia chơi:	
Sau giờ học	Các hoạt động nhóm: Các hoạt động câu lạc bộ:	
Hoạt động trải nghiệm	Tích cực: Hợp tác: ... Giao tiếp: Ra quyết định:	

+ *Khảo sát cha mẹ học sinh:*

PHIẾU KHẢO SÁT

(Dành cho cha mẹ học sinh)

Để lựa chọn các kỹ năng sống cần thiết giáo dục cho học sinh, hãy cho ý kiến về những nội dung kỹ năng sống nào cần giáo dục cho con của anh/chị?

Hãy đánh giá theo 5 mức độ: 1: Không cần thiết, 2: Ít cần thiết; 3: Phân vân; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết

Nội dung kỹ năng sống cần giáo dục cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số	Ý kiến				
	1	2	3	4	5
1. Học sinh tự nhận thức được sự trưởng thành của cơ thể. (giải thích được tại sao có sự phát triển và lớn lên của cơ thể.	1	2	3	4	5
2. Học sinh tự nhận thức được các vấn đề về sức khỏe của cá nhân	1	2	3	4	5
3. Học sinh tự nhận thức được các vấn đề về chăm sóc sức khỏe	1	2	3	4	5
4. HS tự nhận thức được vai trò của mình trong tập thể, trong gia đình, cộng đồng.	1	2	3	4	5
5. Học sinh nhận thức được các bệnh thường gặp của bản thân, gia đình và cộng đồng	1	2	3	4	5
6. Thực hiện các hành động, việc làm để vệ sinh, bảo vệ môi trường sống.	1	2	3	4	5
7. Thực hiện phòng chống một số bệnh thường gặp trong cộng đồng người DTTS: bệnh sốt xuất huyết, bệnh viêm phổi, bệnh sốt rét...	1	2	3	4	5
8. Ra quyết định lựa chọn những hành động để đảm bảo an toàn khi ở nhà, ở trường, trên đường đi học.	1	2	3	4	5
9. Chủ động, hăng hái tham gia phát biểu, đóng góp ý kiến trong các hoạt động học tập cũng như ngoài giờ;	1	2	3	4	5
10. Tự tin vào bản thân, không rụt rè khi trình bày phát biểu ý kiến về một vấn đề nào đó liên quan đến nội dung môn học hay các hoạt động khác.	1	2	3	4	5
11. Có khả năng sử dụng kết hợp các ngôn ngữ cơ thể như: ánh mắt, cử chỉ, nét mặt, điệu bộ phù hợp để nêu quan điểm của bản thân, trình bày một cách thuyết phục về vấn đề nào đó.	1	2	3	4	5
12. HS có khả năng vượt qua sợ hãi.	1	2	3	4	5
13. Tự kiểm chế cảm xúc tiêu cực của bản thân để có những lời nói tích cực khi có sự mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với các bạn khác khi tham gia các hoạt động.	1	2	3	4	5
14. HS xác định và đạt được mục tiêu của bản thân	1	2	3	4	5
15. HS biết quản lý thời gian và đảm nhận trách nhiệm của mình	1	2	3	4	5
16. HS sống tốt trong môi trường tập thể	1	2	3	4	5
17. Tôn trọng mục đích, mục tiêu chung của nhóm	1	2	3	4	5
18. Tôn trọng những quyết định chung, những điều đã cam kết	1	2	3	4	5
19. Biết giao tiếp hiệu quả, tôn trọng, đoàn kết, và cảm thông, chia sẻ với các thành viên khác trong nhóm	1	2	3	4	5
20. Nghiêm túc, sẵn sàng cùng mọi người trong nhóm nhận và hoàn thành các nhiệm vụ học tập ở trên lớp cũng như ngoài lớp liên quan đến hoạt động TNST.	1	2	3	4	5
21. Chủ động nêu ý kiến trước nhóm, trước tập thể, lắng nghe các bạn nói khi làm chung công việc nhóm, hợp tác với nhau để hoàn thành nhiệm vụ	1	2	3	4	5

Nội dung kỹ năng sống cần giáo dục cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số	Ý kiến				
GV giao cho.					
22. Có trách nhiệm về những thành công hay thất bại của nhóm, về những sản phẩm do nhóm tạo ra.	1	2	3	4	5
23. Nghe hiểu được tiếng Việt, dùng tiếng Việt để trình bày suy nghĩ của mình	1	2	3	4	5
24. Các em biết giới thiệu về bản thân, về gia đình, về trường lớp học và bạn bè thầy cô giáo.	1	2	3	4	5
25. Biết chào hỏi lễ phép trong nhà trường, ở nhà và ở nơi công cộng.	1	2	3	4	5
26. Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi.	1	2	3	4	5
27. Biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến người khác	1	2	3	4	5
28. Biết cách đặt câu hỏi với thầy cô giáo và người lớn với các vấn đề chưa hiểu rõ	1	2	3	4	5
29. Biết nói ra chủ kiến, chính kiến của bản thân	1	2	3	4	5

*** Điều kiện thực hiện:**

- Giáo viên cần có năng lực phân tích bối cảnh tại địa bàn để có cơ sở xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của học sinh. Bên cạnh đó, GV cần có năng lực thiết kế các công cụ nghiên cứu để có thể hỗ trợ trong việc xác định nhu cầu giáo dục KNS cho học sinh tiểu học.

- Cán bộ quản lý cần nắm rõ nhiệm vụ, mục tiêu và chương trình giáo dục ; đồng thời cần phải bồi dưỡng năng lực cho giáo viên.

3.2.2. Biện pháp 2: Thiết kế các chủ đề hoạt động trải nghiệm sáng tạo tích hợp giáo dục KNS cho học sinh

*** Mục tiêu của biện pháp:**

Thiết kế các chủ đề hoạt động trải nghiệm sáng tạo tích hợp giáo dục KNS về bản chất là tích hợp nội dung giáo dục KNS vào nội dung của hoạt động TNST cho học sinh tiểu học. Do vậy, biện pháp cho phép tạo ra nội dung giáo dục mang tính trọn vẹn, thống nhất giữa nội dung giáo dục KNS và nội dung của hoạt động TNST.

Biện pháp này không chỉ có ý nghĩa với việc thực hiện tốt các nội dung giáo dục kỹ năng sống mà còn có tác dụng trong việc tạo sức hấp dẫn cho học sinh trong các hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

*** Nội dung và cách thực hiện:**

Nội dung khái quát của biện pháp là luôn làm mới các hình thức thực hiện từng chủ đề của hoạt động TNST; đa dạng hóa các loại hình hoạt động, các hình thức tổ chức hoạt động TNST để thu hút học sinh tích cực tham gia hoạt động TNST. Sự mới lạ bao giờ cũng có sức hấp dẫn đối với học sinh tiểu học, khiến các em say mê khám phá, nếu các hoạt động nội dung đơn điệu, hình thức không phong phú học sinh dễ chán nản hoặc thờ ơ.

Các hoạt động được thiết kế phải bao gồm các dạng hoạt động cơ bản của lứa tuổi học sinh tiểu học như: hoạt động xã hội, hoạt động học tập, hoạt động văn hoá thể

thao, hoạt động vui chơi giải trí.

Thiết kế các chủ đề hoạt động trải nghiệm sáng tạo tích hợp giáo dục KNS cho học sinh được thực hiện qua các bước sau:

1. Phân tích chương trình hoạt động TNST ở trường tiểu học để xác định những chủ đề nào của chương trình có thể thiết kế được các chủ đề về giáo dục KNS.

Chương trình hoạt động TNST bao gồm 70 tiết, mỗi tuần 3 tiết. Nội dung chương trình có 4 hoạt động: hoạt động phát triển cá nhân, hoạt động lao động, hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng, hoạt động giáo dục hướng nghiệp. Nội dung của các hoạt động được cụ thể ở từng lớp. Ví dụ ở lớp 5:

Hoạt động	Yêu cầu cần đạt
Hoạt động phát triển cá nhân	
Hoạt động tìm hiểu/khám phá bản thân	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được về bản thân, biết cách xây dựng hình ảnh của bản thân và tự hào về bản thân. - Tự nhận diện được các trạng thái cảm xúc cơ bản của bản thân và biết cách quản lí cảm xúc của mình phù hợp với hoàn cảnh. - Bước đầu đánh giá được kết quả các hoạt động phát triển cá nhân. - Có tâm lí sẵn sàng bước vào môi trường học tập mới (lên lớp 6).
Hoạt động rèn luyện nề nếp, thói quen, tính tuân thủ, trách nhiệm, ý chí vượt khó	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được các hoạt động học tập và hoạt động rèn luyện sức khoẻ theo thời gian biểu đã đặt ra. - Thể hiện được sự tự giác, nỗ lực trong học tập và công việc - Biết khắc phục khó khăn để thực hiện kế hoạch đặt ra.
Hoạt động phát triển các mối quan hệ trong gia đình, nhà trường và xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết lập được mối quan hệ với bạn bè, thầy cô và những người xung quanh - Biết nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn. - Thể hiện được sự quan tâm, chăm sóc các thành viên trong gia đình.
Hoạt động lao động	
Hoạt động lao động ở nhà	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện được trách nhiệm trong gia đình và bước đầu biết cách lập kế hoạch chi tiêu cho một số công việc trong gia đình. - Sử dụng được một số thiết bị đồ dùng và dụng cụ lao động trong gia đình một cách an toàn.
Hoạt động lao động ở trường	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện được tính tổ chức trong quá trình tham gia lao động ở trường. - Đánh giá được ý nghĩa của lao động đối với việc thay đổi môi trường nhà trường.
Hoạt động lao động ở địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Tự nguyện tham gia lao động công ích, biết giữ vệ sinh môi trường nơi mình sinh sống. - Vận động được người thân cùng tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường nơi cư trú.
Hoạt động xã hội phục vụ cộng đồng	
Hoạt động giáo dục truyền thông, tư tưởng đạo đức	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia thiết kế và thực hiện được một số chương trình giao lưu về chủ đề nhà trường. - Thể hiện được ý thức gìn giữ truyền thống “tôn sư trọng đạo” của

Hoạt động	Yêu cầu cần đạt
	nhà trường, truyền thống yêu nước.
Hoạt động giáo dục văn hóa, hữu nghị và hợp tác	- Bước đầu biết xây dựng kế hoạch hoạt động theo chủ đề Tình hữu nghị và hợp tác quốc tế. - Thể hiện được sự hợp tác với các bạn trong xây dựng và thực hiện nội dung chủ đề hữu nghị và hợp tác quốc tế.
Hoạt động tìm hiểu phong cảnh, di tích/văn hóa lịch sử của địa phương	- Mô tả được cảm xúc của bản thân về cảnh đẹp/di tích của quê hương sau khi tham quan. - Bước đầu đánh giá được ý nghĩa của hoạt động tham quan dã ngoại đối với bản thân và tập thể lớp.
Hoạt động tình nguyện/ nhân đạo và hoạt động giáo dục các vấn đề xã hội	- Nhận diện được sự đa dạng của cuộc sống xã hội khi tham gia các hoạt động xã hội và biết chuẩn bị cho bản thân ứng phó phù hợp với hoàn cảnh. - Bước đầu có được kỹ năng tuyên truyền những vấn đề xã hội. - Biết lựa chọn giải pháp phù hợp với một số vấn đề xã hội và giải quyết được một số vấn đề đơn giản
Hoạt động giáo dục hướng nghiệp	
Hoạt động tìm hiểu và trải nghiệm thế giới nghề nghiệp	- Nhận diện được một số nghề quen thuộc, một số đặc trưng của các nghề đó và chỉ ra được những yêu cầu cơ bản trong công việc của các nghề ấy. - Thực hiện được các thao tác nghề đơn giản... khi tham gia lao động tại trang trại hoặc ở các nơi khác.
Hoạt động tìm hiểu một số yêu cầu cơ bản về phẩm chất và năng lực của nghề/nhóm nghề gần gũi	- Xác định được những đức tính và kỹ năng của bản thân liên quan đến nghề mà mình mơ ước. - Lập được kế hoạch học tập, rèn luyện phẩm chất và năng lực của bản thân phù hợp với nghề mình mơ ước.

2. Căn cứ vào các hoạt động xác định được nội dung nào có thể thiết kế thành các chủ đề giáo dục KNS.

Hoạt động	Tên hoạt động	Các KNS cần được hình thành
Hoạt động phát triển cá nhân		
Hoạt động tìm hiểu/khám phá bản thân	- Hoạt động “Giao lưu olympic Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh” - Hội thi “Phụ trách sao giỏi” - Hội thi “Tiếng Việt của chúng em”	- Kỹ năng giao tiếp - Kỹ năng ra quyết định - Kỹ năng tự tin, chủ động, trình bày nêu vấn đề
Hoạt động rèn luyện nề nếp, thói quen, tính tuân thủ, trách nhiệm, ý chí vượt khó		
Hoạt động phát triển các mối quan hệ trong gia đình, nhà trường và xã hội		
Hoạt động lao động		
Hoạt động lao động ở nhà	- Hoạt động “Khéo tay hay làm: Làm các món ăn truyền thống” - Sinh hoạt câu lạc	- Kỹ năng hợp tác - làm việc nhóm - Kỹ năng tự nhận thức
Hoạt động lao động ở trường		
Hoạt động lao động ở địa phương		

Hoạt động	Tên hoạt động	Các KNS cần được hình thành
	bộ “Khéo tay hay làm: Tái sử dụng các vật liệu phế thải”	
Hoạt động xã hội phục vụ cộng đồng		
Hoạt động giáo dục truyền thống, tư tưởng đạo đức	- Hội thi “Trang phục dân tộc”	- Kỹ năng ra quyết định - Kỹ năng hợp tác - làm việc nhóm
Hoạt động giáo dục văn hóa, hữu nghị và hợp tác	- Hoạt động giao lưu “ Nét chữ nét người”	
Hoạt động tìm hiểu phong cảnh, di tích/văn hóa lịch sử của địa phương	- Hội thi “Sống mãi tên Người”	
Hoạt động tình nguyện/ nhân đạo và hoạt động giáo dục các vấn đề xã hội	- Hoạt động “Hội chợ quê” - Hoạt động giao lưu “An toàn giao thông”	
Hoạt động giáo dục hướng nghiệp		
Hoạt động tìm hiểu và trải nghiệm thế giới nghề nghiệp	- Hoạt động ngoại khóa “Mỹ thuật với chúng em”	- Kỹ năng tự nhận thức
Hoạt động tìm hiểu một số yêu cầu cơ bản về phẩm chất và năng lực của nghề/nhóm nghề gần gũi		

*** Điều kiện thực hiện:**

Để thực hiện biện pháp cần các điều kiện sau:

- Giáo viên phải nắm vững chương trình, phân phối chương trình hoạt động TNST của từng khối lớp, đặc biệt là khối lớp trực tiếp giảng dạy và thực hiện hoạt động TNST.

- Giáo viên nắm được nội dung của các KNS cơ bản cần giáo dục cho học sinh; có kỹ năng thiết kế hoạt động giáo dục, thiết kế dạy học theo quan điểm dạy học tích cực.

- Cơ sở vật chất của nhà trường đáp ứng yêu cầu tối thiểu về các phương tiện phục vụ chủ đề đã được thiết kế.

- Giáo viên phải có kỹ năng thiết kế tài liệu phát tay cho học sinh.

3.2.3. Biện pháp 3: Xây dựng quy trình giáo dục KNS cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo

*** Mục tiêu của biện pháp:**

Quá trình giáo dục KNS cho học sinh thông qua hoạt động TNST là trình tự các

bước tiến hành thiết kế, tổ chức thực hiện và đánh giá. Quá trình giáo dục KNS là định hướng để giáo viên có thể tổ chức hoạt động. Vì vậy biện pháp này nhằm xây dựng một quy trình khép kín để định hướng cho giáo viên.

*** Nội dung và cách thực hiện:**

Bước 1: Xác định chủ đề

- Xác định kỹ năng sống cần ưu tiên
- Đặt tên cho chủ đề giáo dục kỹ năng sống
- Xác định mục tiêu cần đạt
- Phân chia thành từng kỹ năng nhỏ

Bước 2: Đặt tên cho hoạt động

Đặt tên cho hoạt động là một việc làm cần thiết vì tên của hoạt động tự nó đã nói lên được chủ đề, mục tiêu, nội dung, hình thức của hoạt động. Tên hoạt động cũng tạo ra được sự hấp dẫn, lôi cuốn, tạo ra được trạng thái tâm lý đầy hứng khởi và tích cực của HS. Vì vậy, cần có sự tìm tòi, suy nghĩ để đặt tên cho hoạt động sao cho phù hợp và hấp dẫn.

Việc đặt tên cho hoạt động cần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Rõ ràng, chính xác, ngắn gọn
- Phản ánh được chủ đề và nội dung hoạt động
- Tạo được ấn tượng ban đầu cho HS

Tên hoạt động đã được gợi ý trong bản kế hoạch hoạt động TNST, nhưng có thể tùy thuộc vào khả năng và điều kiện cụ thể của từng lớp để lựa chọn tên khác cho hoạt động. Giáo viên cũng có thể lựa chọn các hoạt động khác ngoài hoạt động đã được gợi ý trong kế hoạch của nhà trường, nhưng phải bám sát chủ đề của hoạt động và phục vụ tốt cho việc thực hiện các mục tiêu giáo dục của một chủ đề, tránh xa rời mục tiêu.

Bước 3: Xác định mục tiêu của hoạt động

Mỗi hoạt động đều được thực hiện mục đích chung của mỗi chủ đề theo từng tháng nhưng cũng có những mục tiêu cụ thể của hoạt động đó.

Mục tiêu của hoạt động là dự kiến trước kết quả của hoạt động.

Các mục tiêu của hoạt động cần được xác định rõ ràng, cụ thể và phù hợp; phản ánh được các mức độ cao thấp của yêu cầu cần đạt về tri thức, kỹ năng, thái độ và định hướng giá trị.

Nếu xác định đúng mục tiêu sẽ có các tác dụng:

- Định hướng cho hoạt động, là cơ sở để lựa chọn nội dung và điều chỉnh hoạt động.
- Căn cứ để đánh giá kết quả hoạt động
- Kích thích tính tích cực hoạt động của thầy và trò.

Tùy theo chủ đề hoạt động TNST ở mỗi tháng, đặc điểm HS và hoàn cảnh riêng

của mỗi lớp mà hệ thống mục tiêu sẽ được cụ thể hóa và mang màu sắc riêng.

Khi xác định mục tiêu cần phải trả lời các câu hỏi sau:

- Hoạt động này có thể hình thành cho HS những kiến thức ở mức độ nào? (Khối lượng và chất lượng đạt được của kiến thức?)

- Những kỹ năng nào có thể được hình thành ở HS và các mức độ của nó đạt được sau khi tham gia hoạt động?

- Những thái độ, giá trị nào có thể được hình thành hay thay đổi ở HS sau hoạt động?

Bước 4: Xác định nội dung và phương pháp, phương tiện, hình thức của hoạt động

Mục tiêu có thể đạt được hay không phụ thuộc vào việc xác định đầy đủ và hợp lý những nội dung và hình thức ở hoạt động.

Trước hết, cần căn cứ vào từng chủ đề, các mục tiêu đã xác định, các điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của lớp, của nhà trường và khả năng của HS để xác định các nội dung phù hợp cho các hoạt động. Cần liệt kê đầy đủ các nội dung hoạt động phải thực hiện.

Từ nội dung, xác định cụ thể phương pháp tiến hành, xác định những phương tiện cần có để tiến hành hoạt động. Từ đó lựa chọn hình thức hoạt động tương ứng. Có thể một hoạt động nhưng nhiều hình thức khác nhau được thực hiện đan xen hoặc trong đó có một hình thức nào đó là chủ đạo, còn hình thức khác là phụ trợ.

Bước 5: Lập kế hoạch

Nếu chỉ tuyên bố về các mục tiêu đã lựa chọn thì nó vẫn chỉ là những ước muốn và hy vọng, mặc dù có tính toán, nghiên cứu kỹ lưỡng. Muốn biến các mục tiêu thành hiện thực thì phải lập kế hoạch.

- Lập kế hoạch để thực hiện hệ thống mục tiêu tức là tìm các nguồn lực (nhân lực - vật lực - tài liệu) và thời gian, không gian... cần cho việc hoàn thành các mục tiêu.

- Chi phí về tất cả các mặt cần phải được xác định. Hơn nữa phải tìm ra phương án chi phí thấp nhất cho việc thực hiện mỗi mục tiêu. Vì đạt được mục tiêu với chi phí ít nhất là để đạt được hiệu quả cao nhất trong công việc.

- Tính cân đối của kế hoạch đòi hỏi giáo viên phải tìm ra đủ các nguồn lực và điều kiện để thực hiện mỗi mục tiêu. Nó cũng không cho phép tập trung các nguồn lực và điều kiện cho việc thực hiện mục tiêu này mà bỏ mục tiêu khác đã lựa chọn. Cân đối giữa hệ thống mục tiêu với các nguồn lực và điều kiện thực hiện chúng, hay nói cách khác đi, cân đối giữa yêu cầu và khả năng đòi hỏi người GV phải nắm vững khả năng mọi mặt, kể cả các tiềm năng có thể có, thấu hiểu từng mục tiêu và tính toán tỉ mỉ việc đầu tư cho mỗi mục tiêu theo một phương án tối ưu.

Bước 6: Thiết kế chi tiết hoạt động trên bản giấy:

Trong bước này cần phải xác định:

- Có bao nhiêu việc cần phải thực hiện?
- Các việc đó là gì? Nội dung của mỗi việc đó ra sao?
- Tiến trình và thời gian thực hiện các việc đó như thế nào?
- Các công việc cụ thể cho các tổ, nhóm, các cá nhân
- Yêu cầu cần đạt được mỗi việc.

Bước 7: Kiểm tra điều chỉnh và hoàn thiện chương trình hoạt động

- rà soát, kiểm tra lại nội dung và trình tự của các việc, thời gian thực hiện cho từng việc, xem xét tính hợp lý, khả năng thực hiện và kết quả cần đạt được.

- Nếu phát hiện những sai sót hoặc bất hợp lý ở khâu nào, bước nào, nội dung nào hay việc nào thì kịp thời điều chỉnh.

Cuối cùng, hoàn thiện bản thiết kế chương trình hoạt động và cụ thể hóa chương trình đó bằng văn bản. Đó là giáo án tổ chức hoạt động.

Bước 8: Lưu trữ kết quả hoạt động vào hồ sơ của học sinh

*** Điều kiện thực hiện:**

- Nhà trường cần phải có hướng dẫn cụ thể cho giáo viên về cách tổ chức hoạt động giáo dục KNS

- Giáo viên phải nhận rõ vai trò của kỹ năng sống, từ đó có ý thức tích cực để thực hiện

3.2.4. Biện pháp 4: Đa dạng hóa phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo nhằm giáo dục KNS cho học sinh

*** Mục tiêu của biện pháp:**

Biện pháp này nhằm làm phong phú các hình thức thực hiện hoạt động TNST, tạo sức hấp dẫn cho học sinh trong các hoạt động TNST, bằng cách đó thực hiện tốt các nội dung giáo dục kỹ năng sống. Bên cạnh đó, biện pháp còn tăng cường tính hiệu quả của của việc tích hợp mục tiêu của giáo dục KNS với mục tiêu của hoạt động TNST cũng như việc thiết kế các chủ đề giáo dục KNS trong việc thực hiện các nội dung, các hoạt động thực của hoạt động TNST. Việc sử dụng linh hoạt các loại hình hoạt động, các hình thức tổ chức hoạt động TNST không chỉ phù hợp với các yêu cầu của hoạt động TNST mà còn đáp ứng được các yêu cầu của giáo dục KNS cho học sinh tiểu học.

*** Nội dung và cách thực hiện:**

1. *Đổi mới hình thức hoạt động để thực hiện từng chủ đề trong chương trình hoạt động TNST.*

Việc đổi mới các hình thức tổ chức hoạt động để thực hiện từng chủ đề trong chương trình hoạt động TNST sẽ tạo ra điều kiện để thiết kế các chủ đề giáo dục KNS để tích hợp vào các hoạt động này.

Đổi mới các hình thức hoạt động để thực hiện từng chủ đề của hoạt động TNST bao hàm việc đa dạng hóa các loại hình hoạt động, các hình thức tổ chức hoạt động TNST cho học sinh tiểu học. Các dạng hoạt động chính làm cơ sở để thiết kế các hoạt động cụ thể nhằm thực hiện chủ đề của chương trình TNST là: Sinh hoạt dưới cờ, Sinh hoạt lớp, Hoạt động theo chủ đề (Hoạt động trải nghiệm thường xuyên, Hoạt động trải nghiệm định kỳ), Hoạt động câu lạc bộ.

2. Thiết kế các hình thức tổ chức để thực hiện các dạng hoạt động chính được xác định trong chương trình hoạt động TNST

- Thiết kế hình thức tổ chức các cuộc thi

Căn cứ vào chương trình hoạt động TNST của khối lớp có thể thiết kế các cuộc thi gắn liền với các ngày lễ lớn trong năm như: 19/5, 27/7, 20/11. Tùy theo điều kiện từng trường có thể tổ chức lồng ghép với các hình thức khác. Chẳng hạn:

Kỉ niệm ngày sinh nhật Bác 19/5 (Hoạt động GD truyền thống, tư tưởng, đạo đức)

** Hình thức 1:*

- Thi kể chuyện về Bác Hồ.
- Tổ chức hội diễn văn nghệ với chủ đề “Những bài ca dâng Bác”.

** Hình thức 2:*

- Tổ chức tham quan đến những nơi mà Bác đã từng sinh sống và làm việc
- Kỉ niệm ngày thương binh liệt sĩ 27/7 (Hoạt động xã hội phục vụ cộng đồng)*

** Hình thức 1:*

- Thi tiểu phẩm với chủ đề: “Uống nước nhớ nguồn”.
- Tặng quà học sinh có thân nhân là thương binh, liệt sĩ.

** Hình thức 2:*

- Tổ chức thăm viếng nghĩa trang liệt sĩ, ôn lại truyền thống cách mạng của địa phương.
- Tặng quà học sinh có thân nhân là thương binh, liệt sĩ.

Kỉ niệm ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 (Hoạt động giáo dục hướng nghiệp)

** Hình thức 1:*

- Mít tinh kỷ niệm 20/11.
- Các lớp thi viết báo tường, nội san với chủ đề “Thầy cô và mái trường”.
- Đêm thơ nhạc với chủ đề “Thầy cô và mái trường”.

** Hình thức 2:*

- Mít tinh kỷ niệm 20/11; Tuyên dương khen thưởng.
- Văn nghệ chào mừng.
- Các lớp thi viết báo tường, nội san với chủ đề “Thầy cô và mái trường”.

- Thiết kế hình thức tham quan, dã ngoại

Nên tổ chức thăm quan du lịch khoảng 1 lần/năm, cho học sinh đi thăm những nơi có phong cảnh đẹp, có ý nghĩa lịch sử văn hoá. Qua hoạt động này, học sinh rèn được tính kỷ luật, phát huy tinh thần đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau trong hoạt động, cách làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm. Đặc biệt qua hoạt động thăm quan du lịch những kiến thức các em được học ở trường trong giờ chính khoá được củng cố và mở rộng, ngoài ra các em còn thu lượm được các kiến thức xã hội, các nét văn hoá đặc sắc của các vùng miền nơi các em đến du lịch, kinh nghiệm sống, kỹ năng ứng xử trong các tình huống phát sinh.

- Thiết kế hình thức hoạt động chiến dịch

Tổ chức các hoạt động chiến dịch như: chiến dịch làm sạch môi trường xung quanh trường học, chiến dịch bảo vệ môi trường.

Bảo vệ môi trường không còn là vấn đề của mỗi quốc gia, mà đã trở thành vấn đề mang tính toàn cầu, bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của loài người, đặc biệt là thế hệ trẻ. Hoạt động bảo vệ môi trường nên tiến hành dưới các hình thức: Thi đua giữ vệ sinh trường lớp; tham gia tổng vệ sinh trường học và nơi cư trú; gắn biển công trình chăm sóc cây xanh của các chi đoàn; đầu xuân Đội trường tổ chức cuộc thi “Sắc xuân” các chi đội mang đến hội thi các chậu cây cảnh do chi đoàn mình chăm sóc trong suốt năm học; tổ chức trình diễn thời trang với chủ đề môi trường; hình thức thi viết, thi vẽ tranh với chủ đề môi trường; Ngày chủ nhật tình nguyện lao động vệ sinh môi trường nhằm hưởng ứng “Tuần lễ Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường”.

****Điều kiện thực hiện:***

Hiệu trưởng phải nhận thức đúng về mục tiêu, nội dung, hình thức tổ chức hoạt động TNST theo chủ đề giáo dục, có kiến thức về hoạt động TNST.

Ngay từ đầu năm học phải xây dựng và phê duyệt kế hoạch hoạt động của nhà trường, cụ thể cho từng tuần, từng tháng, từng học kì, để làm cơ sở cho GV xây dựng kế hoạch hoạt động TNST, tránh trùng chéo với các hoạt động khác của nhà trường và địa phương.

Biện pháp này đòi hỏi các trường tiểu học phải được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất; đặc biệt phải các phòng chức năng. Mặt khác, để thực hiện biện pháp này, cần có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên các môn giáo dục thể chất, giáo dục âm nhạc, giáo dục mỹ thuật trong nhà trường. Mọi quan hệ của nhà trường với cộng đồng và các đơn vị, cơ quan trên địa bàn trường cũng là yếu tố quan trọng góp phần thực hiện tốt biện pháp này.

3.2.5. Biện pháp 5: Xây dựng công cụ đánh giá kết quả giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh tiểu học

***Mục tiêu của biện pháp:**

- Xác định được công cụ đánh giá sẽ thuận lợi cho việc đánh giá hiệu quả GDKNS thông qua HĐTNST cho HS.

- Việc đánh giá HS qua việc GDKNS sẽ góp phần đánh giá chất lượng GD. Đối với các cấp quản lý việc đánh giá HS qua việc GDKNS là biện pháp để đánh giá kết quả GD toàn diện.

*** Nội dung và cách thực hiện:**

1. Công cụ ghi chép

Giáo viên sẽ ghi lại những hành động thường nhật của học sinh hoặc những thái độ, hành vi được biểu hiện trong môi trường học đường cũng như trong quá trình hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

Tên hoạt động trải nghiệm sáng tạo:	
Họ tên học sinh:	Lớp:
Thời gian hoạt động	Nội dung
Ngày tháng năm	Em đã đưa một bạn bị ngã ở sân tập thể dục vào phòng y tế của trường.
Ngày tháng năm	Em đã giúp đỡ bạn mới đi học bằng việc giải thích cận kề những nội quy của lớp học và của trường cho bạn ấy.

2. Công cụ bảng kiểm (Check list)

Giáo viên chuẩn bị sẵn bảng hỏi về những hành vi dự định quan sát học sinh trong giờ hoạt động trải nghiệm sáng tạo, trong quá trình quan sát sẽ đánh dấu vào những nội dung ứng với biểu hiện hành vi nhằm đánh giá khuynh hướng hoạt động của học sinh đó.

Nội dung quan sát	Họ tên học sinh			
	Học sinh A	Học sinh B	Học sinh C	Học sinh D
1. Em có biết trình bày ý kiến của bản thân một cách tích cực và hợp lý không?				
2. Em có lắng nghe ý kiến của người khác không?				
3. Khi có ý kiến trái với suy nghĩ của bản thân, em có tuân theo ý kiến hợp lý không?				

3. Công cụ đánh giá theo cấp độ

Công cụ này sử dụng cho phương pháp đặt hệ thống câu hỏi và câu trả lời theo các cấp độ quy ước trong hoạt động hay các đặc tính, yếu tố mà ta định quan sát.

Tên hoạt động trải nghiệm sáng tạo					
Họ tên học sinh:			Lớp:		
			Không đồng ý → Hoàn toàn đồng ý		
Nội dung quan sát	1	2	3	4	5
1. Em có tinh thần trách nhiệm với bản thân.					

4. Công cụ khảo sát về suy nghĩ, thái độ của học sinh

Công cụ sử dụng cho phương pháp thường sử dụng để tìm hiểu về thái độ tham gia, mức độ quan tâm, động cơ, hứng thú... khi tham gia hoạt động trải nghiệm sáng tạo của học sinh.

Bảng khảo sát hoạt động trải nghiệm sáng tạo (Hoạt động câu lạc bộ)	
Họ tên học sinh:	Lớp:
1. Trong giờ thảo luận bằng tiếng Anh, em muốn thảo luận về chủ đề gì? (Có thể lựa chọn trên 2 chủ đề)	
<input type="checkbox"/> Quan hệ gia đình	<input type="checkbox"/> Ảnh hưởng của truyền thông
<input type="checkbox"/> Vấn đề về môi trường	<input type="checkbox"/> Đời sống học đường
<input type="checkbox"/> Mâu thuẫn về tôn giáo	<input type="checkbox"/> Đời sống xã hội
<input type="checkbox"/> Quan hệ quốc tế	<input type="checkbox"/> Các vấn đề về kinh tế
<input type="checkbox"/> Các vấn đề khác	

5. Công cụ tự đánh giá

Công cụ sử dụng cho phương pháp tự đánh giá, tự kiểm điểm và nhìn nhận lại năng lực, thái độ hành vi được biểu hiện trong quá trình hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

Bảng tự đánh giá hoạt động									
Họ tên: Nguyễn A					Lớp: 5A				
Thời gian	Chương trình	GV phụ trách	Tự đánh giá hoạt động						Đánh giá của giáo viên
			Mức độ tham gia			Mức độ hài lòng			
			Tích cực	Bình thường	Ít	Hài lòng	Bình thường	Ít	
20/11	Nhớ ơn thầy cô	Cô Lê B	*				*		(3.3) Bắt đầu có kỹ năng hợp tác
8/3	Vẻ đẹp thiếu nữ	Cô H		*		*			(2.3) Tích cực tham gia tranh luận hơn trước

(Theo ma trận của Dreyfus, có thể xác định mức độ mà HS đạt được, thí dụ - 2.3 - bắt đầu tự chủ; 3.3 - đã có thể tự chủ được một phần hoạt động)

6. Công cụ đánh giá đồng đẳng

Giáo viên xây dựng hệ thống câu hỏi theo các tiêu chuẩn về thái độ và hành động mà học sinh cần đạt được trong hoạt động trải nghiệm sáng tạo, sau đó thì học sinh sẽ tìm ra và đánh giá xem bạn nào đạt được các tiêu chuẩn ấy.

Bảng đánh giá đồng đẳng của học sinh	
Tên hoạt động:	
Họ tên học sinh:	Lớp
Em hãy viết tên 2 bạn đã đạt được các tiêu chí trong các nội dung dưới đây.	
Nội dung	Tên của học sinh thực hiện tốt
1. Học sinh nào có ý thức chuẩn bị đồ dùng phục vụ cho hoạt động () và dọn dẹp đồ dùng, học cụ gọn gàng sau khi kết thúc hoạt động?	
2. Học sinh nào có ý kiến xây dựng và cải thiện hoạt động một cách tích cực?	

7. Đánh giá sản phẩm

Đây là phương pháp truyền thống thường được áp dụng để đánh giá sản phẩm làm được của cá nhân học sinh hoặc một nhóm học sinh. Khi sử dụng hình thức này cần lưu ý những điểm sau: không đánh giá mức độ đạt được hay chất lượng của sản phẩm thời điểm đó mà cần xem xét, đối chiếu với mức độ đạt được trước đây của học sinh để nhận định sự thay đổi, phát triển của học sinh đó.

8. Bảng lưu hoạt động

Phương pháp phân tích bảng liệt kê hoạt động là phương pháp đánh giá thông qua phân tích bảng liệt kê hoạt động trải nghiệm sáng tạo của học sinh. Trong quá trình hoạt động của học sinh cần tập hợp lại kế hoạch đã thực hiện, và trong quá trình thực hiện thực tế phải liên tục viết vào bảng lưu, sau khi hoạt động kết thúc thì thu thập tất cả lại để tổng hợp đánh giá.

Ví dụ: xây dựng kế hoạch hoạt động từ thiện cá nhân và viết bảng lưu liên quan đến hoạt động, sau đó đánh giá thái độ của học sinh đối với hoạt động từ thiện đó, mức độ thay đổi tích cực của học sinh cũng như sự nỗ lực thực hiện...

9. Bài viết, bài phát biểu cảm nghĩ của học sinh

Trong quá trình hoạt động hoặc sau khi hoàn thành hoạt động trải nghiệm sáng tạo, học sinh sẽ nộp lại bài viết, bài phát biểu cảm nghĩ hay nhật ký... và giáo viên sẽ đánh giá dựa trên những sản phẩm này.

Ví dụ: Học sinh viết cảm tưởng của mình sau chuyến đi tham quan Viện bảo tàng dân tộc học, nông trại giáo dục hay hoạt động từ thiện tại Làng trẻ em mồ côi SOS...

10. Hội ý giáo viên

Có thể sử dụng hình thức này trước khi hoạt động, trong quá trình hoạt động hoặc sau khi hoạt động trải nghiệm sáng tạo diễn ra. Giáo viên sẽ trao đổi thông tin về phương pháp và nội dung chỉ đạo cho từng loại hình hoạt động, sau khi kết thúc hoạt động sẽ cùng đánh giá kết quả thực hiện của học sinh.

*** Điều kiện thực hiện:**

Để xây dựng công cụ đánh giá các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cần phải có các điều kiện sau: kinh phí, thời gian, nhân lực và phương tiện thực hiện. Trong bốn yếu tố vừa nêu thì các yếu tố thời gian và kinh phí là những điều kiện đảm bảo quan trọng, quyết định biện pháp có thể đem ra triển khai thực hiện được hay không còn nhân lực thì quyết định sự thành công của biện pháp đạt được đến đâu và đến mức độ nào.

3.2.6. Mối quan hệ giữa các biện pháp

Các biện pháp trên có mối quan hệ mật thiết với nhau, hỗ trợ và bổ sung cho nhau. Mỗi biện pháp là mắt xích quan trọng, biện pháp này là cơ sở, là tiền đề cho biện pháp kia và ngược lại. Sự vận dụng linh hoạt các biện pháp sẽ tạo ra môi trường hoạt động tốt, các hoạt động giáo dục KNS thông qua HĐTNST sẽ đạt hiệu quả cao, góp phần hình thành và rèn luyện những KNS cần thiết cho học sinh tiểu học, đặc biệt là học sinh dân tộc thiểu số, đồng thời tạo ra sự thân thiện trong nhà trường, tăng cường mối quan hệ thân thiện giữa nhà trường với gia đình và xã hội.

Biện pháp “Xác định nhu cầu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học” là cơ sở để giáo viên có thể thực hiện các biện pháp tiếp theo.

Biện pháp trọng tâm là: Thiết kế các chủ đề hoạt động trải nghiệm sáng tạo tích hợp giáo dục KNS cho học sinh, Xây dựng quy trình giáo dục KNS cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

Biện pháp “Đa dạng hóa phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo nhằm giáo dục KNS cho học sinh” có vai trò phát huy tính hiệu quả việc thiết kế các chủ đề cũng như xây dựng quy trình giáo dục kỹ năng sống. Nhờ đó mà đáp ứng được mục tiêu GDKNS cho HS.

Biện pháp “Xây dựng công cụ đánh giá kết quả giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh tiểu học” có tính chất tạo điều kiện hỗ trợ để thực hiện có hiệu quả các biện pháp còn lại.

Để thực hiện có hiệu quả quá trình giáo dục KNS thông qua HĐTNST cho học sinh tiểu học cần thực hiện đồng bộ, linh hoạt các biện pháp trên.

3.3. Khảo sát kiểm chứng tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp

3.3.1. Mục đích khảo nghiệm

Nhằm xác định mức độ cần thiết và khả thi của các biện pháp giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động TNST cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang

3.3.2. Đối tượng và địa điểm khảo nghiệm

Tiến hành khảo nghiệm 50 người bao gồm: Cán bộ quản lý, giáo viên đứng lớp và tổng phụ trách tại 4 trường tiểu học trên địa bàn huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

3.3.3. Nội dung khảo nghiệm

Khảo sát ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên 4 trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang về mức độ cần thiết và mức độ khả thi của 05 biện pháp đề xuất. Cụ thể:

Xác định nhu cầu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học

Thiết kế các chủ đề hoạt động trải nghiệm sáng tạo tích hợp giáo dục KNS cho học sinh.

Xây dựng quy trình giáo dục KNS cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo

Đa dạng hóa phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo nhằm giáo dục KNS cho học sinh

Xây dựng công cụ đánh giá kết quả giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh tiểu học

3.3.4. Phương pháp khảo nghiệm

Sử dụng phương pháp thống kê để xử lý số liệu thu được qua phiếu trưng cầu ý kiến.

3.3.5. Tiến trình khảo nghiệm

- Bước 1: Xây dựng phiếu trưng cầu ý kiến dành cho chuyên gia

Xây dựng mẫu phiếu trưng cầu ý kiến chuyên gia

- Bước 2: Lựa chọn chuyên gia

Để kết quả khảo nghiệm có tính thuyết phục cao, chúng tôi xin ý kiến những CBQL và GV có kinh nghiệm về công tác GD ở bậc tiểu học bao gồm: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, giáo viên đứng lớp và tổng phụ trách của 4 trường tiểu học.

Tổng số người xin ý kiến là: 50 người, bao gồm:

+ Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường tiểu học: 04 người

+ Giáo viên đứng lớp trường tiểu học: 42 người

+ Tổng phụ trách: 04 người

Trong phiếu trưng cầu có 2 tiêu chí đánh giá là: Mức độ cần thiết và mức độ khả thi

+ Đánh giá về mức độ cần thiết của 5 biện pháp đề xuất có 3 mức độ: Rất cần thiết, cần thiết, không cần thiết

+ Đánh giá về mức độ khả thi của 5 biện pháp đề xuất có 3 mức độ: Rất khả thi, khả thi, không khả thi

- Bước 3: Xin ý kiến chuyên gia

- Bước 4: Xử lý kết quả và định lượng kết quả nghiên cứu

* *Thang điểm đánh giá:* Mức độ cần thiết được cho điểm như sau:

+ Mức độ 1 (Rất cần thiết, rất khả thi): 3 điểm

+ Mức độ 2 (Cần thiết, khả thi): 2 điểm

+ Mức độ 3 (Không cần thiết, không khả thi): 1 điểm

* *Lập bảng thống kê điểm trung bình các biện pháp đề xuất, xếp thứ bậc, nhận xét và đưa ra kết luận.*

3.3.6. Kết quả khảo nghiệm

Sau khi trưng cầu ý kiến của các chuyên gia, chúng tôi tiến hành thu thập, xử lý số liệu và lập bảng theo 2 tiêu chí đánh giá. Kết quả như sau:

Đánh giá của CBQL và GV về mức độ cần thiết của các biện pháp đề xuất được thể hiện trong kết quả ở bảng 3.1.

Qua bảng 3.1 cho thấy tất cả CBQL và GV đều đánh giá các biện pháp đề xuất để giáo dục KNS cho học sinh tiểu học là rất cần thiết và cần thiết.

Trong đó biện pháp: Thiết kế các chủ đề hoạt động trải nghiệm sáng tạo tích hợp giáo dục KNS cho học sinh, Xây dựng quy trình giáo dục KNS cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo được CBQL, GV đánh giá mức rất cần thiết với tỷ lệ cao.

Bảng 3.1: Đánh giá về mức độ cần thiết của các biện pháp pháp giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình

STT	Biện pháp	Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
1	Xác định nhu cầu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học	38	12	0
2	Thiết kế các chủ đề hoạt động trải nghiệm sáng tạo tích hợp giáo dục KNS cho học sinh	45	5	0
3	Xây dựng quy trình giáo dục KNS cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo	42	8	0
4	Đa dạng hóa phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo nhằm giáo dục KNS cho học sinh	30	20	0
5	Xây dựng công cụ đánh giá kết quả giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh tiểu học	39	11	0

Biện pháp “Xác định nhu cầu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học, Xây dựng công cụ đánh giá kết quả giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh tiểu học” cũng được đa số ý kiến đánh giá ở mức độ rất cần thiết nhưng tỷ lệ không cao bằng biện pháp 2 và 3.

Biện pháp “Đa dạng hóa phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo nhằm giáo dục KNS cho học sinh” có 30 ý kiến đánh giá là thấp nhất.

Kết quả cho thấy phần lớn các ý kiến trả lời tuy có khác nhau nhưng đều rất thống nhất và khẳng định mức độ cần thiết của các biện pháp.

Đánh giá của CBQL, GV về mức độ khả thi của các biện pháp đề xuất được thể hiện trong kết quả ở bảng 3.2.

Các biện pháp đều nhận được ý kiến đánh giá ở mức độ khả thi và rất khả thi. Tuy nhiên chúng tôi nhận thấy còn một bộ phận CBQL và GV vẫn băn khoăn về mức độ khả thi của biện pháp 2,4,5. Qua phỏng vấn đa số CBQL và GV cho rằng các biện pháp đó có thể thực hiện nhưng sẽ gặp những khó khăn nhất định, như:

Biện pháp “Thiết kế các chủ đề hoạt động trải nghiệm sáng tạo tích hợp giáo dục KNS cho học sinh”, nhiều GV còn chưa làm quen với thiết kế, tổ chức hoạt động này nên sẽ gặp nhiều khó khăn.

Biện pháp “Xây dựng công cụ đánh giá kết quả giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh tiểu học” được đánh giá ở mức độ khả thi bởi để xây dựng được công cụ thì cần phải có kinh phí và phương tiện thực hiện. Thực tế kinh tế huyện Lâm Bình còn hạn hẹp nên cơ sở vật chất, kinh phí và phương tiện trong nhà trường còn thiếu thốn.

Bảng 3.2: Đánh giá về mức độ khả thi của các biện pháp pháp giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình

STT	Biện pháp	Rất khả thi	Khả thi	Không khả thi
1	Xác định nhu cầu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học	35	15	0
2	Thiết kế các chủ đề hoạt động trải nghiệm sáng tạo tích hợp giáo dục KNS cho học sinh	19	31	0
3	Xây dựng quy trình giáo dục KNS cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo	32	18	0
4	Đa dạng hóa phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo nhằm giáo dục KNS cho học sinh	30	20	0
5	Xây dựng công cụ đánh giá kết quả giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh tiểu học	21	29	0

3.4. Thử nghiệm sư phạm

3.4.1. Mục đích thử nghiệm

Kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả của các biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học qua hoạt động giáo dục kỹ năng sống đã đề xuất.

3.4.2. Nội dung thử nghiệm

Tác giả thiết kế một hoạt động để thử nghiệm tại trường tiểu học Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang

**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO
CHO HỌC SINH TIỂU HỌC
CHỦ ĐỀ “NGÀY HỘI KHÉO TAY HAY LÀM”
(Phụ lục)**

I. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG

II. NỘI DUNG, ĐỐI TƯỢNG VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC

1. Nội dung:

- 1.1. Giao lưu “Trang phục em yêu”:
- 1.2. Giao lưu “ Câu lạc bộ Mỹ Thuật”:
- 1.3. Khéo tay hay làm:
- 1.4. Trò chơi dân gian.

2. Hình thức tổ chức.

- 2.1. Trang phục em yêu.
- 2.2. Giao lưu Câu lạc bộ Mỹ Thuật.
- 2.3. Khéo tay hay làm
- 2.4. Trò chơi

III. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, THÀNH PHẦN

1. Thời gian:

2. Địa điểm:

3. Thành phần:

3.4.3. Mô tả quá trình thử nghiệm sư phạm

- Tác giả là người xây dựng kế hoạch
- Tác giả đến trao đổi và làm việc với trường tiểu học Lăng Can
- Nhà trường chỉ đạo, triển khai; GV thực hiện
- Tiến hành tổ chức hoạt động

3.4.4. Kết quả thử nghiệm sư phạm

Tác giả thu được kết quả thử nghiệm sư phạm thông qua quan sát (học sinh, phụ huynh học sinh) và phỏng vấn (Hiệu trưởng nhà trường, giáo viên, phụ huynh học sinh và học sinh)

Thông qua quan sát hầu hết học sinh khi được tham gia các hoạt động này đều tỏ ra thích thú, hứng khởi.



Các em rất tích cực khi được học tập dưới dạng hoạt động trải nghiệm sáng tạo.



Phụ huynh học sinh vui tươi, hứng khởi cùng tham gia trình diễn trang phục dân tộc và làm các món ăn truyền thống





Tác giả phỏng vấn một số học sinh, các em đều cảm thấy rất vui và thích thú khi tham gia hoạt động. Em Ma Thị Chúc, học sinh lớp 4A nói rằng “Nhờ có buổi hoạt động này em đã biết cách và tự tay làm loại bánh mà mình yêu thích, em rất vui khi có mẹ cùng tham gia”



Phỏng vấn phụ huynh học sinh, cô Triệu Thị Mây nói rằng “Cô rất vui khi được cùng con gái trình diễn trang phục của dân tộc mình, cô sẽ nhớ mãi ngày hôm nay”.

Khi phỏng vấn thầy Ma Văn Lành, Hiệu trưởng nhà trường, thầy cho biết “Thông qua hoạt động này, không những khích lệ, động viên tinh thần cán bộ giáo viên thi đua dạy tốt, mà còn tạo môi trường thân thiện, lành mạnh, thu hút các em tham gia vào hoạt động của nhà trường và khuyến khích các em học sinh đi học chuyên cần. Đặc biệt, là giúp các em nâng cao nhận thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường”.

Cô Ma Thị Nga, giáo viên trong trường nói rằng “Hoạt động trải nghiệm sáng tạo thực sự có ý nghĩa, nó vừa giúp gắn kết giữa phụ huynh, học sinh và nhà trường vừa khiến phụ huynh thấy rằng con em mình đến trường không chỉ tiếp thu kiến thức mà ngoài giờ học các em còn được tham gia các hoạt động vui chơi, được trải nghiệm”.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Dựa trên cơ sở khung lý thuyết về giáo dục KNS thông qua hoạt động TNST cho học sinh trường tiểu học và kết quả khảo sát thực trạng về giáo dục KNS thông qua hoạt động TNST cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang, tác giả luận văn đề xuất 5 biện pháp giáo dục KNS thông qua HĐ TNST cho học sinh tiểu học Lâm Bình. Cụ thể như sau:

- Xác định nhu cầu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học
- Thiết kế các chủ đề hoạt động trải nghiệm sáng tạo tích hợp giáo dục KNS cho học sinh
 - Xây dựng quy trình giáo dục KNS cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo
 - Đa dạng hóa phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo nhằm giáo dục KNS cho học sinh
 - Xây dựng công cụ đánh giá kết quả giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh tiểu học

Giữa các biện pháp có mối quan hệ mật thiết với nhau, hỗ trợ truyền tải nội dung giáo dục để đạt được mục tiêu giáo dục KNS thông qua hoạt động TNST cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học. Các biện pháp được xây dựng trên cơ sở khoa học và tuân thủ theo các nguyên tắc xây dựng biện pháp, được khảo nghiệm và kiểm nghiệm về mức độ cần thiết, do đó có thể vận dụng trong giáo dục KNS thông qua hoạt động TNST cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Về lý luận

Tổng quan những nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy giáo dục KNS thông qua HĐTNST chưa được quan tâm nghiên cứu nhiều dưới tiếp cận giáo dục học. Giáo dục KNS thông qua HĐTNST là một khái niệm rộng, đa chiều được tiến hành thông qua nhiều con đường với các hình thức hoạt động phong phú, đa dạng.

Theo tiếp cận của tác giả, giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo là nhà giáo dục tổ chức, thiết kế các hoạt động giáo dục phong phú, đa dạng gắn hoạt động của nhà trường với cuộc sống, tạo sự liên kết đa dạng giữa các tri thức khoa học với trong những tình huống thực tiễn, tạo cho học sinh cơ hội rèn luyện, trải nghiệm trong cuộc sống thực tiễn, từ đó giúp các em làm chủ bản thân, ứng xử tích cực với mọi người và giải quyết có hiệu quả các tình huống, các vấn đề trong thực tiễn.

Giáo dục KNS thông qua hoạt động TNST trong trường tiểu học có ý nghĩa đặc biệt quan trọng góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. Giáo dục KNS thông qua hoạt động TNST được thực hiện thông qua nhiều con đường, sử dụng nhiều phương pháp giáo dục và chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan.

1.2. Về thực trạng

Kết quả khảo sát thực trạng cho thấy, hoạt động giáo dục KNS thông qua hoạt động TNST cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang đã có những thành tựu nhất định. Giáo dục KNS thông qua hoạt động TNST chưa được quan tâm tổ chức các hoạt động. Nguyên nhân của thực trạng trên là do nhiều yếu tố tác động như: nội dung chương trình giáo dục phổ thông, năng lực dạy học tích hợp của giáo viên, thiếu và yếu các nguồn lực, ...

1.3. Đề xuất các biện pháp

Từ cơ sở lý luận và thực tiễn, nghiên cứu của tác giả đã đề xuất được 5 biện pháp giáo dục KNS thông qua hoạt động TNST cho học sinh dân tộc thiểu số bao gồm:

Xác định nhu cầu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.

Thiết kế các chủ đề hoạt động trải nghiệm sáng tạo tích hợp giáo dục KNS cho học sinh.

Xây dựng quy trình giáo dục KNS cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

Đa dạng hóa phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo nhằm giáo dục KNS cho học sinh.

Xây dựng công cụ đánh giá kết quả giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh tiểu học

2. Khuyến nghị

Để có thể áp dụng các biện pháp giáo dục đạt hiệu quả và nâng cao chất lượng giáo dục KNS thông qua hoạt động TNST, tôi xin đưa một số khuyến nghị sau:

2.1. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang

- Tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện có các chính sách hỗ trợ, tăng cường về cơ sở vật chất, các tư liệu, tài liệu về kỹ năng sống cho các trường tiểu học
- Ban hành các văn bản hướng dẫn tổ chức hoạt động GD KNS kịp thời, cụ thể, rõ ràng.
- Tổ chức hoạt động bồi dưỡng phù hợp với năng lực, nhu cầu của giáo viên.
- Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra đối với các trường tiểu học nhằm đảm bảo thực hiện nghiêm túc hoạt động giáo dục KNS.
- Cần thường xuyên mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, kỹ năng và phương pháp giáo dục KNS cho giáo viên; tổ chức các chuyên đề, hội thảo, hội giảng về giáo dục KNS.
- Phát động phong trào thi đua, khen thưởng đối với cá nhân và tập thể có thành tích trong tổ chức hoạt động giáo dục KNS thông qua hoạt động TNST.

2.2. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bộ Giáo dục và Đào tạo cần xác định những mục tiêu và những hướng dẫn cụ thể cho việc thực hiện GDKNS cho HS ở các vùng miền khác nhau, đặc biệt là học sinh dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần xây dựng và đưa KNS vào trong chuẩn kỹ năng của các môn học để đánh giá cho các đối tượng HSTH ở các khu vực vùng miền khác nhau: học sinh ở thành phố, học sinh nông thôn, học sinh dân tộc thiểu số, HS vùng biển và hải đảo... Đây sẽ là cơ sở quan trọng để các trường chủ động lựa chọn hình thức tổ chức giáo dục KNS cho học sinh phù hợp với thực tiễn của nhà trường.

2.3. Đối với cán bộ giáo viên, quản lý các trường tiểu học trên địa bàn huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang

2.3.1. Đối với cán bộ GV các trường tiểu học

Là người trực tiếp tiến hành các hoạt động dạy học, giáo dục, trải nghiệm để giáo dục KNS cho học sinh. Giáo viên cần thực hiện các công việc sau:

- Tự học, tự bồi dưỡng để nhận thức đúng về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục KNS cho học sinh.
- Tự tìm hiểu, sưu tầm tư liệu về kỹ năng sống.

- Tiến hành các biện pháp nâng cao năng lực tham gia hoạt động giáo dục và tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh để tạo hứng thú cho học sinh trong việc tham gia các hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

- Phải thực sự tâm huyết với nghề, luôn linh hoạt, sáng tạo, lấy HS làm trung tâm trong tổ chức hoạt động giáo dục.

- Có ý thức, trách nhiệm trong công việc; có thái độ chuyên nghiệp của người lao động đối với trường nơi mình công tác.

- Giúp học sinh nhận thức được vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của giáo dục KNS. Từ đó giúp các em có được hứng thú và nhu cầu học tập và tham gia các hoạt động.

2.3.2. Đối với cán bộ quản lý các trường tiểu học

- Cán bộ quản lý cần thực hiện tốt vai trò là chủ thể quản lý nhà trường. Được thể hiện ở các nội dung công việc sau:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho GV được tham gia bồi dưỡng tìm hiểu về giáo dục KNS thông qua hoạt động TNST.

- Thực hiện tốt công tác lập kế hoạch, tổ chức, triển khai kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục KNS thông qua hoạt động TNST phù hợp với thực tiễn của nhà trường.

- Tăng cường ý thức trách nhiệm của bản thân trong việc quản lý hoạt động giáo dục KNS thông qua hoạt động TNST

- Làm tốt công tác tham mưu với Phòng giáo dục trong việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng GV.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

1. Nguyễn Thanh Bình (2007), “Giáo dục kỹ năng sống dựa vào trải nghiệm”, *Tạp chí giáo dục* (Tr 18,19).
2. Nguyễn Thanh Bình (2008), *Giáo trình giáo dục kỹ năng sống*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
3. Nguyễn Thanh Bình (2010), *Giáo trình chuyên đề GDKNS*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học - tài liệu dành cho giáo viên*, NXB giáo dục Việt Nam.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Dự thảo Chương trình giáo dục phổ thông - Hoạt động trải nghiệm*.
6. Nguyễn Thị Liên (chủ biên), Nguyễn Thị Hằng, Tưởng Duy Hải, Đào Thị Ngọc Minh (2016), *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*, NXB Giáo dục Việt Nam.
7. Vũ Minh (2012), *Dạy kỹ năng sống cho trẻ cả giáo viên và gia đình lúng túng*, Báo giáo dục TP Hồ Chí Minh.
8. Nguyễn Ngọc Nam, Nguyễn Hồng Ngọc, Nguyễn Công Khanh (2000), *Ấn tượng trong phút đầu giao tiếp*, nhà xuất bản Thanh niên.
9. Hoàng Thúy Nga (2016), Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Đề tài “*Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học thành phố Hà Nội*”.
10. Lục Thị Nga (2009), *Tích hợp dạy học KNS vào môn Khoa học và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở tiểu học*, NXB Giáo dục Việt Nam.
11. Nguyễn Thị Thu Hằng (2013), Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Đề tài “*Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía bắc Việt Nam (qua các môn tự nhiên và xã hội, khoa học)*”.
12. Lê Huy Hoàng, *Một số vấn đề về hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong chương trình giáo dục phổ thông mới*.
13. Nguyễn Dục Quang (2011), “Giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh ở nhà trường”, *Tạp chí giáo dục và xã hội* số 6.

14. Phạm Hồng Quang (2009), *Tổ chức dạy học cho học sinh dân tộc, miền núi*, NXB Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.
15. Ngô Thị Tuyên (Chủ biên)(2010), *Cẩm nang giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học*, NXB giáo dục Việt Nam.
16. Đỗ Ngọc Thống, “Hoạt động trải nghiệm sáng tạo từ kinh nghiệm giáo dục quốc tế và vấn đề của Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, (Số 115/2015).
17. Nguyễn Thị Tính (2010), *Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học thông qua dạy học môn đạo đức*, Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ, mã số B2009- TN04-09.

II. TÀI LIỆU NƯỚC NGOÀI

18. Evelina Maclang-Vicenic (2002), *Life Skill in the badge system of the boy scouts of the Philippines: A conceptual annalysis*.
19. International Center for Alcohol Policies (April 2000), *Life Skills Education in South Africa and Botswana*.
20. M.I - Kôn Za Cov , *Cơ sở lý luận của khoa học quản lý*, Trường CBQL TU1 và Viện KHGD, Hà Nội,1994.
21. UNICEP, Myanmar’s School -Based Healthy Living and HIV/AIDS Prevention Education Programme (SHAPE); UNESCO Angela Owusu-Boampong (2007), Country Prifile commissioned for the EFA Globan Monitoring Report 2008
22. UNICEF (6/2004), *Report Life skills based Education*.
23. UNESCO Angela Owusu-Boampong (2007), Country Prifile commissioned for the EFA Globan Monitoring Report 2008).

III. TÀI LIỆU WEB

24. Bùi Ngọc Diệp (2017), Một số vấn đề chung về hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường phổ thông, <https://123doc.org/document/4464262-mot-so-van-de-chung-ve-hd-tnst.htm>
25. Ngô Thị Tuyên (2016), Hoạt động trải nghiệm sáng tạo, <https://namdinh.violet.vn/present/hoat-dong-trai-nghiem-sang-tao-ts-ngo-thi-tuyen-doc-11820124.html>
26. Đinh Thị Kim Thoa (2014), Trải nghiệm sáng tạo – Hoạt động quan trọng trong Chương trình GD phổ thông mới, <http://thesfpt.edu.vn/trai-nghiem-sang-tao-hoat-dong-quan-trong-trong-chuong-trinh-gd-pho-thong-moi/>

PHỤ LỤC
PHỤ LỤC 1
PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho giáo viên, cán bộ quản lý trường tiểu học)

Để có cơ sở khoa học và thực tiễn đề xuất các biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo, xin thầy (cô) vui lòng cho biết ý kiến của mình về các thông tin dưới đây bằng cách đánh dấu (X) vào ô phù hợp. Thông tin thu được chỉ nhằm mục đích nghiên cứu.

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác thầy (cô)!

=====***=====

Câu 1. Thầy, cô cho biết ý kiến của mình về những nhận định sau về đặc điểm và nguyên tắc của giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học?

Hãy đánh giá theo 5 mức độ: 1: Hoàn toàn không đồng ý, 2: Không đồng ý; 3: Phân vân; 4: Đồng ý; 5: Hoàn toàn đồng ý

STT	Đặc điểm và nguyên tắc của GDKNS	Ý kiến				
		1	2	3	4	5
	Đặc điểm					
1.1	GDKNS là quá trình giáo dục có mục đích, nội dung, kế hoạch và biện pháp cụ thể.	1	2	3	4	5
1.2	Mục đích của GDKNS là giúp người học có được cuộc sống thành công và hiệu quả khi tham gia vào các hoạt động hàng ngày.	1	2	3	4	5
1.3	Giáo dục KNS để con người có được hành động làm chủ bản thân; thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống;	1	2	3	4	5
1.4	GDKNS là một quá trình lâu dài, phức tạp, đòi hỏi phải kết hợp nhiều lực lượng giáo dục, nhiều đối tượng cùng tham gia.	1	2	3	4	5
1.5	GDKNS cần được xây dựng nội dung và lập kế hoạch rõ ràng, trên cơ sở đó tiến hành theo các biện pháp cụ thể.	1	2	3	4	5
1.6	GDKNS luôn gắn liền với hành động của con người trong thực tiễn cuộc sống với sự vận động và biến đổi khác nhau.	1	2	3	4	5
1.7	Nội dung GDKNS luôn thay đổi và phụ thuộc vào đặc điểm địa lí, văn hóa, lứa tuổi, ...	1	2	3	4	5
1.8	GDKNS gắn liền với việc trải nghiệm và sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học tích cực	1	2	3	4	5
1.9	GDKNS chỉ đơn thuần là việc truyền giảng những vấn đề lí thuyết, lí luận chung chung.	1	2	3	4	5
	Nguyên tắc GDKNS					

STT	Đặc điểm và nguyên tắc của GDKNS	Ý kiến				
	Nguyên tắc 1					
1.10	GDKNS phải tạo điều kiện và cơ hội để người học được hoạt động trong môi trường học tập có sự giao tiếp và tương tác tích cực.	1	2	3	4	5
1.11	GDKNS phải tạo điều kiện cho trẻ quan sát, đóng vai, tạo ra sự tương tác giữa những người học với nhau và với các cá nhân khác trong xã hội.	1	2	3	4	5
	Nguyên tắc 2					
1.12	GDKNS nhằm trang bị cho người học những kiến thức, giá trị, thái độ và kỹ năng phù hợp để hướng đến việc hình thành những hành vi, thói quen lành mạnh, tích cực;	1	2	3	4	5
1.13	GDKNS cần phải định hướng và hình thành cho trẻ những giá trị sống đúng đắn để từ đó trẻ biết nhìn nhận và đánh giá cái đúng/ cái sai;	1	2	3	4	5
1.14	GD giá trị sẽ tạo ra nền tảng, định hướng cho việc thể hiện thái độ và hành vi của mỗi cá nhân.	1	2	3	4	5
1.15	GDKNS là quá trình phải được tiến hành song song với GD giá trị, nó cũng tuân theo những nguyên tắc của GD giá trị.	1	2	3	4	5
	Nguyên tắc 3					
1.16	Nội dung GDKNS cần tập trung giáo dục cho học sinh khả năng vận dụng kiến thức và thể hiện giá trị bản thân trong những tình huống cụ thể hàng ngày	1	2	3	4	5
1.17	GDKNS phải tạo ra cơ hội để trẻ bộc lộ được vốn kinh nghiệm, hiểu biết đã có của bản thân trong việc giải quyết những vấn đề của cuộc sống.	1	2	3	4	5
1.18	Cần hình thành và rèn luyện cho người học có được kỹ năng thực hiện các hành động tích cực trong các mối quan hệ với bản thân, người khác và với cộng đồng xã hội.	1	2	3	4	5
	Nguyên tắc 4					
1.19	GDKNS là việc hình thành cho người học có được những kiến thức về các mối quan hệ, các hoạt động trong cuộc sống;	1	2	3	4	5
1.20	GDKNS đi từ việc học sinh hình thành kiến thức, nhận biết các giá trị đến việc thực hành, vận dụng và rèn luyện trong thực tiễn.	1	2	3	4	5
	Nguyên tắc 5					
1.21	GDKNS cần giúp các em có khả năng đứng vững trước những lôi kéo, rủ rê của bạn bè và người xấu;	1	2	3	4	5
1.22	GDKNS cần hình thành cách cư xử đúng mực, giao tiếp có hiệu quả với những người xung quanh;	1	2	3	4	5

STT	Đặc điểm và nguyên tắc của GDKNS	Ý kiến				
1.23	GDKNS cần phát triển năng lực quan sát, phân tích, suy nghĩ, đánh giá để đối phó và giải quyết được các tình huống khác nhau của đời sống	1	2	3	4	5
1.24	GDKNS cần làm cho các em biết phân tích cái đúng/cái sai; cái tốt/cái xấu một cách đúng đắn,	1	2	3	4	5
1.25	GDKNS cần hình thành ở các em mong muốn và thực hiện điều chỉnh hành vi để hướng đến những hành vi tích cực.	1	2	3	4	5

Câu2. Thầy, cô cho biết ý kiến của mình về mức độ cần thiết của các con đường giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học?

Hãy đánh giá theo 5 mức độ: 1: Không cần thiết, 2: Ít cần thiết; 3: Phân vân; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết

STT	Con đường GDKNS	Ý kiến				
2.1	Khai thác nội dung môn học, lựa chọn những bài học phù hợp với đối tượng học sinh để GDKNS.	1	2	3	4	5
2.2	Tăng cường sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực trong các môn học để GDKNS.	1	2	3	4	5
2.3	GDKNS qua hình thức sinh hoạt theo chủ điểm	1	2	3	4	5
2.4	GDKNS qua các buổi sinh hoạt tập thể, bao gồm: sinh hoạt lớp, chào cờ, sinh hoạt Đội, Sao.	1	2	3	4	5
2.5	GDKNS thông qua các hoạt động trải nghiệm mang tính tự chọn tùy theo điều kiện của từng trường, từng địa phương và khả năng của học sinh	1	2	3	4	5

Câu 3. Thầy, cô cho biết những kỹ năng sống nào cần giáo dục cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số?

Hãy đánh giá theo 5 mức độ: 1: Không cần thiết, 2: Ít cần thiết; 3: Phân vân; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết

STT	Kỹ năng sống cần giáo dục cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số	Ý kiến				
3.1	Kỹ năng tự nhận thức	1	2	3	4	5
3.2	Kỹ năng thương lượng/kỹ năng từ chối	1	2	3	4	5
3.3	Kỹ năng giao tiếp	1	2	3	4	5
3.4	Kỹ năng ủng hộ, biện hộ, bênh vực	1	2	3	4	5
3.5	Kỹ năng tư duy có phê phán	1	2	3	4	5
3.6	Kỹ năng ra quyết định	1	2	3	4	5

STT	Kỹ năng sống cần giáo dục cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số	Ý kiến				
		1	2	3	4	5
3.7	Kỹ năng tự tin, chủ động, trình bày, nêu vấn đề	1	2	3	4	5
3.8	Kỹ năng kiềm chế cảm xúc và làm chủ bản thân	1	2	3	4	5
3.9	Kỹ năng ứng xử khi bị căng thẳng	1	2	3	4	5
3.10	Kỹ năng thể hiện sự cảm thông	1	2	3	4	5
3.11	Kỹ năng hợp tác - làm việc nhóm	1	2	3	4	5
3.12	Kỹ năng thể hiện sự tôn trọng, quan tâm đến mình và người khác.	1	2	3	4	5
3.13	Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin	1	2	3	4	5

Câu 4: Thầy, cô đánh giá mức độ giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học thông qua các con đường sau:

Hãy đánh giá theo 5 mức độ: (1) không bao giờ, (2) hiếm khi, (3) thỉnh thoảng, (4) thường xuyên, (5) luôn luôn

STT	Con đường GDKNS	Ý kiến				
		1	2	3	4	5
4.1	Khai thác nội dung môn học, lựa chọn những bài học phù hợp với đối tượng học sinh để GDKNS.	1	2	3	4	5
4.2	Tăng cường sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực trong các môn học để GDKNS.	1	2	3	4	5
4.3	GDKNS qua hình thức sinh hoạt theo chủ điểm	1	2	3	4	5
4.4	GDKNS qua các buổi sinh hoạt tập thể, bao gồm: sinh hoạt lớp, chào cờ, sinh hoạt Đội, Sao.	1	2	3	4	5
4.5	GDKNS thông qua các hoạt động trải nghiệm mang tính tự chọn tùy theo điều kiện của từng trường, từng địa phương và khả năng của HS	1	2	3	4	5

Câu 5: Thầy, cô thực hiện mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm ở mức độ nào?

Hãy đánh giá theo 5 mức độ: (1) không bao giờ, (2) hiếm khi, (3) thỉnh thoảng, (4) thường xuyên, (5) luôn luôn

STT	Mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức GDKNS	Ý kiến				
Mục tiêu						
Về kiến thức:						
5.1	Trình bày được tầm quan trọng của kỹ năng sống	1	2	3	4	5
5.2	Chỉ ra được các kỹ năng sống cần hình thành ở học sinh tiểu học.	1	2	3	4	5
5.3	Phân tích được nội dung, ý nghĩa và cách thực hiện từng kỹ năng sống cần thiết cho học sinh tiểu học hiện nay.	1	2	3	4	5
Về kỹ năng:						
5.4	Vận dụng được kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống nảy sinh trong cuộc sống và học tập.	1	2	3	4	5
5.5	Nhìn nhận và đánh giá đúng ưu điểm, hạn chế của bản thân, có thể kiểm soát được tình cảm và xúc cảm để từ đó có những quyết định chính xác về học tập, giao tiếp và phát triển bản thân.	1	2	3	4	5
5.6	Hợp tác thành công với bạn trong thực hiện các nhiệm vụ học tập và vui chơi.	1	2	3	4	5
5.7	Giao tiếp đúng mực với thầy cô và bạn bè.	1	2	3	4	5
Về thái độ:						
5.8	Học sinh có thái độ và hành vi tích cực đối với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội, đối với các vấn đề của cuộc sống trong mọi mối quan hệ của bản thân.	1	2	3	4	5
5.9	HS thực hiện nghiêm túc quyền, bổn phận của mình để phát triển hài hoà về các mặt thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức.	1	2	3	4	5
Nội dung						
Kỹ năng tự nhận thức:						
5.10	Học sinh tự nhận thức được sự trưởng thành của cơ thể. (giải thích được tại sao có sự phát triển và lớn lên của cơ thể.	1	2	3	4	5
5.11	Học sinh tự nhận thức được các vấn đề về sức khỏe của cá nhân	1	2	3	4	5
5.12	Học sinh tự nhận thức được các vấn đề về chăm sóc sức khỏe	1	2	3	4	5

STT	Mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức GDKNS	Ý kiến				
		1	2	3	4	5
5.13	Học sinh tự nhận thức được vai trò của mình trong tập thể, trong gia đình, cộng đồng.	1	2	3	4	5
5.14	Học sinh nhận thức được các bệnh thường gặp của bản thân, gia đình và cộng đồng.	1	2	3	4	5
Kỹ năng ra quyết định:						
5.15	Thực hiện các hành động, việc làm để vệ sinh, bảo vệ môi trường sống.	1	2	3	4	5
5.16	Thực hiện phòng chống một số bệnh thường gặp trong cộng đồng người DTTS: bệnh sốt xuất huyết, bệnh viêm phổi, bệnh sốt rét,...	1	2	3	4	5
5.17	Ra quyết định lựa chọn những hành động để đảm bảo an toàn khi ở nhà, ở trường, trên đường đi học.	1	2	3	4	5
Kỹ năng tự tin, chủ động, trình bày, nêu vấn đề:						
5.18	Chủ động, hăng hái tham gia phát biểu, đóng góp ý kiến trong các hoạt động học tập cũng như ngoài giờ;	1	2	3	4	5
5.19	Tự tin vào bản thân, không rụt rè khi trình bày phát biểu ý kiến về một vấn đề nào đó liên quan đến nội dung môn học hay các hoạt động khác.	1	2	3	4	5
5.20	Có khả năng sử dụng kết hợp các ngôn ngữ cơ thể như: ánh mắt, cử chỉ, nét mặt, điệu bộ phù hợp để nêu quan điểm của bản thân, trình bày một cách thuyết phục về vấn đề nào đó.	1	2	3	4	5
Kỹ năng kiềm chế cảm xúc và làm chủ bản thân:						
5.21	HS có khả năng vượt qua sợ hãi.	1	2	3	4	5
5.22	Tự kiềm chế cảm xúc tiêu cực của bản thân để có những lời nói tích cực khi có sự mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với các bạn khác khi tham gia các hoạt động.	1	2	3	4	5
5.23	HS xác định và đạt được mục tiêu của bản thân	1	2	3	4	5
5.24	HS biết quản lý thời gian và đảm nhận trách nhiệm của mình	1	2	3	4	5
Kỹ năng hợp tác - làm việc nhóm:						
5.25	HS sống tốt trong môi trường tập thể	1	2	3	4	5
5.26	Tôn trọng mục đích, mục tiêu chung của nhóm	1	2	3	4	5
5.27	Tôn trọng những quyết định chung, những điều đã cam kết	1	2	3	4	5
5.28	Biết giao tiếp hiệu quả, tôn trọng, đoàn kết, và cảm thông, chia sẻ với các thành viên khác trong nhóm	1	2	3	4	5
5.29	Nghiêm túc, sẵn sàng cùng mọi người trong nhóm nhận và hoàn thành các nhiệm vụ học tập	1	2	3	4	5

STT	Mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức GDKNS	Ý kiến				
	ở trên lớp cũng như ngoài lớp liên quan đến hoạt động TNST.					
5.30	Chủ động nêu ý kiến trước nhóm, trước tập thể, lắng nghe các bạn nói khi làm chung công việc nhóm, hợp tác với nhau để hoàn thành nhiệm vụ GV giao cho.	1	2	3	4	5
5.31	Có trách nhiệm về những thành công hay thất bại của nhóm, về những sản phẩm do nhóm tạo ra.	1	2	3	4	5
Kỹ năng giao tiếp:						
5.32	Nghe hiểu được tiếng Việt, dùng tiếng Việt để trình bày suy nghĩ của mình	1	2	3	4	5
5.33	Các em biết giới thiệu về bản thân, về gia đình, về trường lớp học và bạn bè thầy cô giáo.	1	2	3	4	5
5.34	Biết chào hỏi lễ phép trong nhà trường, ở nhà và ở nơi công cộng.	1	2	3	4	5
5.35	Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi.	1	2	3	4	5
5.36	Biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến người khác	1	2	3	4	5
5.37	Biết cách đặt câu hỏi với thầy cô giáo và người lớn với các vấn đề chưa hiểu rõ	1	2	3	4	5
5.38	Biết nói ra chủ kiến, chính kiến của bản thân	1	2	3	4	5
Phương pháp						
5.39	Phương pháp giải quyết vấn đề	1	2	3	4	5
5.40	Phương pháp sắm vai	1	2	3	4	5
5.41	Phương pháp làm việc nhóm	1	2	3	4	5
5.42	Phương pháp dạy học dự án	1	2	3	4	5
Hình thức						
5.43	Tổ chức trò chơi	1	2	3	4	5
5.44	Tham quan, dã ngoại	1	2	3	4	5
5.45	Hội thi/cuộc thi	1	2	3	4	5
5.46	Hoạt động chiến dịch	1	2	3	4	5
5.47	Hoạt động nhân đạo	1	2	3	4	5
5.48	Lao động công ích	1	2	3	4	5
Đánh giá						
5.49	Đánh giá bằng quan sát	1	2	3	4	5
5.50	Đánh giá bằng phiếu tự đánh giá	1	2	3	4	5
5.51	Đánh giá bằng phiếu hỏi	1	2	3	4	5
5.52	Đánh giá qua bài viết	1	2	3	4	5
5.53	Đánh giá qua sản phẩm hoạt động	1	2	3	4	5
5.54	Đánh giá bằng điểm số	1	2	3	4	5
5.55	Đánh giá qua tọa đàm, trao đổi ý kiến và nhận xét	1	2	3	4	5
5.56	Đánh giá qua bài tập và trình diễn	1	2	3	4	5

Câu 6. Thầy, cô đánh giá mức độ kỹ năng sống của học sinh tiểu học ở trường theo các nội dung sau:

Hãy đánh giá theo 5 mức độ: (1) Chưa có KN, (2) Kém, (3) Trung bình, (4) Khá, (5) Tốt

STT	Kỹ năng sống	Ý kiến				
		1	2	3	4	5
6.1	Kỹ năng tự nhận thức: là tự mình nhìn nhận và đánh giá về bản thân	1	2	3	4	5
6.2	Kỹ năng ra quyết định: Xác định tìm kiếm các lựa chọn, giải quyết vấn đề, ứng phó, thương lượng.	1	2	3	4	5
6.3	Kỹ năng tự tin, chủ động, trình bày, nêu vấn đề	1	2	3	4	5
6.4	Kỹ năng kiểm chế cảm xúc và làm chủ bản thân	1	2	3	4	5
6.5	Kỹ năng hợp tác - làm việc nhóm	1	2	3	4	5
6.6	Kỹ năng giao tiếp: Phản hồi, lắng nghe tích cực, trình bày suy nghĩ và ý tưởng, ứng xử giao tiếp, thể hiện cảm thông.	1	2	3	4	5

Câu 7. Theo thầy, cô, GDKNS cho học sinh tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm chịu ảnh hưởng của các yếu tố sau ở mức độ nào?

Hãy đánh giá theo 5 mức độ: : (1) Không ảnh hưởng, (2) Ít ảnh hưởng, (3) Phân vân, (4) Ảnh hưởng, (5) Rất ảnh hưởng

STT	Mức độ ảnh hưởng	Ý kiến				
		1	2	3	4	5
7.1	Nhận thức của đội ngũ CB - GV, cha mẹ học sinh, các lực lượng xã hội về việc giáo dục KNS cho học sinh	1	2	3	4	5
7.2	Trình độ năng lực của đội ngũ giáo viên	1	2	3	4	5
7.3	Cơ sở vật chất của nhà trường	1	2	3	4	5
7.4	Nhận thức của học sinh	1	2	3	4	5
7.5	Các văn bản của Bộ, Sở GD&ĐT và sự chỉ đạo của sở, phòng GD&ĐT đối với hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.	1	2	3	4	5
7.6	Sự chỉ đạo sát sao của sở, phòng GD&ĐT đối với hoạt động giáo dục kỹ năng sống	1	2	3	4	5

Xin thầy, cô vui lòng cung cấp một số thông tin về bản thân:

*) Giới tính: Nam Nữ

*) Số năm công tác:

*) Đang dạy học sinh lớp:

*) Trình độ:

1. Trung cấp: 2. Cao đẳng: 3. Đại học: 4. Sau đại học:

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của thầy, cô!

PHIẾU KHẢO SÁT

(Dành cho giáo viên)

Để lựa chọn các kỹ năng sống cần thiết giáo dục cho học sinh, thầy, cô cho biết những kỹ năng sống nào cần giáo dục cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số?

Hãy đánh giá theo 5 mức độ: 1: Không cần thiết; 2: Ít cần thiết; 3: Phân vân; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết

STT	Kỹ năng sống cần giáo dục cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số	Ý kiến				
		1	2	3	4	5
1	Kỹ năng tự nhận thức	1	2	3	4	5
2	Kỹ năng thương lượng/kỹ năng từ chối	1	2	3	4	5
3	Kỹ năng giao tiếp	1	2	3	4	5
4	Kỹ năng ủng hộ, biện hộ, bênh vực	1	2	3	4	5
5	Kỹ năng tư duy có phê phán	1	2	3	4	5
6	Kỹ năng ra quyết định	1	2	3	4	5
7	Kỹ năng tự tin, chủ động, trình bày, nêu vấn đề	1	2	3	4	5
8	Kỹ năng kiểm chế cảm xúc và làm chủ bản thân	1	2	3	4	5
9	Kỹ năng ứng xử khi bị căng thẳng	1	2	3	4	5
10	Kỹ năng thể hiện sự cảm thông	1	2	3	4	5
11	Kỹ năng hợp tác - làm việc nhóm	1	2	3	4	5
12	Kỹ năng thể hiện sự tôn trọng, quan tâm đến mình và người khác.	1	2	3	4	5
13	Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin	1	2	3	4	5

PHIẾU QUAN SÁT HỌC SINH

Họ tên người quan sát:

Thời gian quan sát:

Lớp: Trường Tiểu học

Nội dung hoạt động	Biểu hiện của HS (gợi ý các nội dung sau)	Gợi ý những kỹ năng sống cần có
Giờ học	Mức độ tích cực: Hợp tác trong học tập: Trả lời câu hỏi:	
Giờ ra chơi	Các hoạt động chơi: Các nhóm chơi: Thái độ khi tham gia chơi:	
Sau giờ học	Các hoạt động nhóm: Các hoạt động câu lạc bộ:	
Hoạt động trải nghiệm	Tích cực: Hợp tác: ... Giao tiếp: Ra quyết định:	

PHIẾU KHẢO SÁT

(Dành cho cha mẹ học sinh)

Để lựa chọn các kỹ năng sống cần thiết giáo dục cho học sinh, hãy cho ý kiến về những nội dung kỹ năng sống nào cần giáo dục cho con của anh/chị?

Hãy đánh giá theo 5 mức độ: 1: Không cần thiết, 2: Ít cần thiết; 3: Phân vân; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết

Nội dung kỹ năng sống cần giáo dục cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số	Ý kiến				
	1	2	3	4	5
30. Học sinh tự nhận thức được sự trưởng thành của cơ thể. (giải thích được tại sao có sự phát triển và lớn lên của cơ thể.	1	2	3	4	5
31. Học sinh tự nhận thức được các vấn đề về sức khỏe của cá nhân	1	2	3	4	5
32. Học sinh tự nhận thức được các vấn đề về chăm sóc sức khỏe	1	2	3	4	5
33. HS tự nhận thức được vai trò của mình trong tập thể, trong gia đình, cộng đồng.	1	2	3	4	5
34. Học sinh nhận thức được các bệnh thường gặp của bản thân, gia đình và cộng đồng	1	2	3	4	5
35. Thực hiện các hành động, việc làm để vệ sinh, bảo vệ môi trường sống.	1	2	3	4	5
36. Thực hiện phòng chống một số bệnh thường gặp trong cộng đồng người DTTS: bệnh sốt xuất huyết, bệnh viêm phổi, bệnh sốt rét...	1	2	3	4	5
37. Ra quyết định lựa chọn những hành động để đảm bảo an toàn khi ở nhà, ở trường, trên đường đi học.	1	2	3	4	5
38. Chủ động, hăng hái tham gia phát biểu, đóng góp ý kiến trong các hoạt động học tập cũng như ngoài giờ;	1	2	3	4	5
39. Tự tin vào bản thân, không rụt rè khi trình bày phát biểu ý kiến về một vấn đề nào đó liên quan đến nội dung môn học hay các hoạt động khác.	1	2	3	4	5
40. Có khả năng sử dụng kết hợp các ngôn ngữ cơ thể như: ánh mắt, cử chỉ, nét mặt, điệu bộ phù hợp để nêu quan điểm của bản thân, trình bày một cách thuyết phục về vấn đề nào đó.	1	2	3	4	5
41. HS có khả năng vượt qua sợ hãi.	1	2	3	4	5
42. Tự kiểm chế cảm xúc tiêu cực của bản thân để có những lời nói tích cực khi có sự mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với các bạn khác khi tham gia các hoạt động.	1	2	3	4	5
43. HS xác định và đạt được mục tiêu của bản thân	1	2	3	4	5
44. HS biết quản lý thời gian và đảm nhận trách nhiệm của mình	1	2	3	4	5
45. HS sống tốt trong môi trường tập thể	1	2	3	4	5
46. Tôn trọng mục đích, mục tiêu chung của nhóm	1	2	3	4	5

Nội dung kỹ năng sống cần giáo dục cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số	Ý kiến				
	1	2	3	4	5
47. Tôn trọng những quyết định chung, những điều đã cam kết	1	2	3	4	5
48. Biết giao tiếp hiệu quả, tôn trọng, đoàn kết, và cảm thông, chia sẻ với các thành viên khác trong nhóm	1	2	3	4	5
49. Nghiêm túc, sẵn sàng cùng mọi người trong nhóm nhận và hoàn thành các nhiệm vụ học tập ở trên lớp cũng như ngoài lớp liên quan đến hoạt động TNST.	1	2	3	4	5
50. Chủ động nêu ý kiến trước nhóm, trước tập thể, lắng nghe các bạn nói khi làm chung công việc nhóm, hợp tác với nhau để hoàn thành nhiệm vụ GV giao cho.	1	2	3	4	5
51. Có trách nhiệm về những thành công hay thất bại của nhóm, về những sai phạm do nhóm tạo ra.	1	2	3	4	5
52. Nghe hiểu được tiếng Việt, dùng tiếng Việt để trình bày suy nghĩ của mình	1	2	3	4	5
53. Các em biết giới thiệu về bản thân, về gia đình, về trường lớp học và bạn bè thầy cô giáo.	1	2	3	4	5
54. Biết chào hỏi lễ phép trong nhà trường, ở nhà và ở nơi công cộng.	1	2	3	4	5
55. Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi.	1	2	3	4	5
56. Biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến người khác	1	2	3	4	5
57. Biết cách đặt câu hỏi với thầy cô giáo và người lớn với các vấn đề chưa hiểu rõ	1	2	3	4	5
58. Biết nói ra chủ kiến, chính kiến của bản thân	1	2	3	4	5

PHỤ LỤC 2
KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO
CHO HỌC SINH TIỂU HỌC
CHỦ ĐỀ “NGÀY HỘI KHÉO TAY HAY LÀM”

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

Tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích để các em thể hiện tài năng, trí tuệ, sự sáng tạo; đồng thời tạo cơ hội giúp học sinh rèn luyện kỹ năng tư duy logic, xử lý tình huống...; tạo điều kiện để các em được giao lưu, học hỏi và chia sẻ những kinh nghiệm trong học tập cũng như trong cuộc sống.

Đa dạng hóa các hình thức giáo dục nhằm tăng cường tính chủ động và hiệu quả tiếp thu kiến thức, góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh. Thông qua đó chất lượng giáo dục từng bước dần được nâng lên.

Tạo cơ hội để phụ huynh học sinh được tham gia trải nghiệm các hoạt động cùng với con em của mình tại trường, đó cũng là sự kết nối giữa gia đình, nhà trường trong việc rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh.

II. NỘI DUNG, ĐỐI TƯỢNG VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC

1. Nội dung:

1.1. Giao lưu “Trang phục em yêu”:

* Nội dung: Mỗi lớp cử một cặp mặc trang phục dân tộc mình trình diễn trên sân khấu, dưới nền nhạc. Kết hợp sự giao lưu giữa phụ huynh và học sinh (mẹ - con hoặc bố - con).

1.2. Giao lưu “Câu lạc bộ Mỹ Thuật”:

* Nội dung: Tổ chức ba đội chơi của khối 3 thi vẽ tranh nhanh và đẹp với các chủ đề: Quê hương, đất nước, lễ hội....

1.3. Khéo tay hay làm:

* Nội dung: Thành lập các đội chơi của học sinh khối 4+5 mỗi lớp thành lập một đội: Lớp 4A, Lớp 5A, Lớp 5B, Diêm trường Nà Mèn, Diêm trường Bản Kè, Diêm trường Nà Cha...

Mỗi đội làm ít nhất là 2 loại bánh.

1.4. Trò chơi dân gian.

* Nội dung: Thành lập đội chơi đối với các em học sinh khối lớp 1 + 2. Với các trò chơi: nhảy bao bố, đổ nước vào chai, kéo co...

2. Hình thức tổ chức.

2.1. Trang phục em yêu.

- Các lớp đăng ký với cô Tổng phụ trách về trang phục của lớp mình định trình diễn.

- Trình diễn trên khấu. Mỗi cặp Mẹ - Con hoặc Bố - Con trình diễn hài hòa, tự tin.

2.2. *Giao lưu Câu lạc bộ Mỹ Thuật.*

- Mỗi đội tham gia gồm 5 thành viên học sinh trở lên (có sự kết hợp của phụ huynh) vẽ chủ đề mà các đội lựa chọn.

- Sau khi vẽ xong các đội thuyết trình về bức tranh của đội mình (nguyên liệu vẽ, nội dung, ý nghĩa...).

Thời gian: Không quá 40 phút

2.3. *Khéo tay hay làm:*

- Mỗi đội cử 5-7 thành viên (có sự tham gia giúp đỡ của phụ huynh học sinh).

Tổ chức làm những loại bánh mà đội mình đã lựa chọn.

- Thời gian không quá 60 phút.

- Hình thức chấm: đúng thời gian, chất lượng bánh, trang trí đẹp.

- Mỗi đội sẽ thuyết trình món bánh của mình bằng tiếng việt và tiếng anh (nguyên liệu làm bánh, ý nghĩa loại bánh....)

2.4. *Trò chơi:*

- Do GV dạy thể dục phụ trách.

III. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, THÀNH PHẦN

1. *Thời gian:*

2. *Địa điểm:*

3. *Thành phần:*

PHỤ LỤC 3
MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO
TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC LĂNG CẠN, HUYỆN LÂM BÌNH,
TỈNH TUYÊN QUANG







